



SAN TOMMASO D'AQUINO
sacerdote e dottore della
Chiesa

**LINH ĐẠO
ĐA MINH**

Mục Lục

Chương 1: Nhận định chung về đời sống người Đa Minh.....	3
Chương 2: Đời sống người Đa Minh là hình ảnh thánh Đa Minh	18
Chương 3: Đời sống người Đa Minh là sống chiêm niệm	28
Chương 4: Đời sống người Đa Minh là sống tông đồ.....	39
Chương 5: Đời sống người Đa Minh là sống phụng vụ.....	55
Chương 6: Đời sống người Đa Minh là sống đời học hành, truyền giảng đạo lý.....	68
Chương 7: Đời sống Đa Minh là sống huynh đệ	82
Chương 8: Đời sống Đa Minh là sống hy tế	90

CHƯƠNG 1

NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐA MINH

A general view of dominican life

Tu sĩ Đa Minh gia nhập Dòng Anh Em Thuyết Giáo vì ơn cứu độ của linh hồn mình. Dĩ nhiên, ngoài Dòng, họ vẫn có thể đạt được điều đó, nhưng một khi họ tuyên khấn, linh đạo Dòng sẽ giúp họ. Vì vậy, đối với họ, không gì thiết thực hơn là hiểu biết linh đạo Đa Minh. Linh đạo Đa Minh được cấu thành bởi ý hướng mà thánh Đa Minh đã chọn và phương thế mà Cha thiết lập để đạt được mục đích đó. Trong thực tế, linh đạo Đa Minh thể hiện lối sống theo tu luật thánh Âu-tinh, hiến pháp Dòng và truyền thống của Dòng đã sống qua nhiều thế kỷ. Một khi tu sĩ Đa Minh sống những điều đã quy định là họ đang đi theo một linh đạo dẫn họ đến ơn cứu độ.

Thánh Đa Minh đã áp ủ những yếu tố chung của đời sống Ki-tô hữu như những phần tử khác trong Giáo Hội; nhưng Cha đã tổng hợp nên một kiểu linh đạo mới có tính độc đáo, quân bình và nhất quán. Đời sống tâm linh của Anh Em Thuyết Giáo được kín múc từ Thánh Kinh, đặt trên nền tảng Nhiệm Tích Thánh Thể, các bí tích và phụng vụ, hợp thành những nguyên tắc của khổ chế theo truyền thống, được kín múc từ nguồn mạch tinh ròng nhất của lối sống thần bí và Đan Viện Tây Phương. Nhờ có chung những đặc điểm được tìm thấy trong linh đạo của các giáo sĩ, trong linh đạo của những Đan Viện trước đó, và trong những hoạt động của loan báo Tin Mừng ở các thế kỷ XII và XIII. Nhưng Dòng Anh Em Thuyết Giáo đã hội nhập những yếu tố này thành nét đặc sắc của mình. Thậm chí có những nét trong linh đạo của Dòng liên hệ gần gũi với các nhóm khác như với các anh em Phan-xi-cô, nhưng nhấn mạnh đến những yếu tố chung theo một phương thức khác, Chẳng hạn như: thanh bần là đặc tính quan trọng trong đời sống tinh thần của dòng Đa Minh, nhưng không bao giờ chi phối hoàn toàn chiều hướng tâm linh như nơi anh em Phan-xi-cô. Thay vào đó, đời sống Đa Minh tập trung vào việc loan báo Tin Mừng.

Linh đạo của Dòng Anh Em Thuyết Giáo rất cao quý: có chiều hướng quy thần, Ki-tô luận, tư tế (*Dòng bắt nguồn từ kinh sĩ đoàn nên đa số thành viên là linh mục*), sống theo Đan Viện, chiêm niệm và hoạt động tông đồ. Thực vậy, đó là linh đạo của Đức Ki-tô giảng thuyết và của các thánh tông đồ. Ý hướng cơ bản là đưa anh em đến độ cao của chiêm niệm. Hơn nữa, chiêm niệm Đa Minh là nhắm tới hiệu quả của hoạt động tông đồ vì ơn cứu độ các linh hồn, đặc biệt bằng việc giảng thuyết, dạy học và viết sách. Chiêm niệm là yếu tố chung làm cho Anh Em Thuyết Giáo giống như những Dòng chiêm niệm khác. Còn việc giảng thuyết vì ơn cứu độ các linh hồn là nét đặc trưng phân biệt anh em Đa Minh với các Dòng khác. Hiến pháp nền tảng của Dòng nhấn mạnh:

“Vây Dòng Anh Em Thuyết Giáo do thánh Đa Minh sáng lập, ngay từ thời sơ khai như ai cũng biết, được lập ra để chuyên lo việc giảng thuyết và cứu độ các linh hồn. Bởi đó, trung thành với lời dạy của Đấng Sáng Lập. “Anh em chúng ta như những người khao khát tìm kiếm ơn cứu độ của mình và của tha nhân, phải sống chính trực và đạo đức khắp mọi nơi, và như những con người Tin Mừng, theo chân Đấng Cứu Thế, chỉ nói với Chúa hay nói về Chúa cho mình hoặc tha nhân”(HPNT §II).

“Được tham gia vào sứ vụ tông đồ, chúng ta cũng chấp nhận nếp sống của các tông đồ theo hình thức thánh Đa Minh đã áp ủ là chung sống hoà hợp, trung thành trong việc khẩn giữ các lời khuyên Tin Mừng, sốt sắng cử hành phụng vụ cộng đoàn, nhất là nhiệm tích Thánh Thể, Các Giờ Kinh Phụng Vụ và cầu nguyện, chuyên cần học hỏi và kiên tâm tuân giữ kỷ luật tu trì. Tất cả những việc đó không những làm tôn vinh danh Chúa và thánh hoá chúng ta, mà còn trực tiếp phục vụ ơn cứu độ các linh hồn, vì chúng chuẩn bị và thúc đẩy việc giảng thuyết một cách hoà hợp, lại hun đúc việc giảng thuyết và ngược lại được hun đúc bởi việc giảng thuyết. Những yếu tố này liên kết chặt chẽ với nhau, hoà hợp và bồi bổ lẫn nhau, tổng hợp thành đời sống riêng của Dòng. Đó là nếp sống tông đồ với đầy đủ ý nghĩa của nó, trong đó lời giảng và đạo lý phải phát sinh từ sự sung mãn của suy niệm”(HPNT § IV).

Các nữ đan sĩ cũng theo đuổi mục đích lưỡng diện này: “Các nữ đan sĩ của Dòng Thuyết Giáo được thánh hiến...phấn đấu theo sự hoàn thiện của Đức Ki-tô, và do sự hoàn thiện đó, họ cầu nguyện cho những công việc của các anh em đạt được hoa trái trong sự thánh thiện”. Chúng ta cũng thấy chiều hướng linh đạo đó trong hiến pháp của các nữ tu hoạt động:

“Mục đích chính và chủ yếu của hội Dòng chúng ta là sự thánh hoá bản thân, kể đến là việc giáo dục thanh thiếu niên công giáo, chăm lo cho trẻ mồ côi, săn sóc bệnh nhân và trông coi các nhà dành để tĩnh tâm”.

Các thành viên trong huynh đoàn Đa Minh cố gắng thánh hoá đời sống theo tinh thần thánh Đa Minh. Luật lệ của họ dung hoà những mục đích căn bản của Dòng trong thực tại cuộc sống. Luật sống của huynh đoàn, số 47:

“Mục đích của huynh đoàn Đa Minh là sự thánh hoá bản thân của chính mỗi phần tử nhờ việc thực thi đời sống kitô hữu hoàn hảo hơn và tham dự vào việc cứu giúp các linh hồn bằng những phương thức phù hợp với khả năng mỗi người”.

Chúng ta thấy tính chiêm niệm của Dòng trong những yếu tố lấy từ Đan Viện và Kinh Viện (*Xc Tổng Luận Thần Học q 188, a 8, ad 2*). Trong 4 yếu tố nền tảng phục vụ cho mục đích của Dòng: ba lời khẩn trọng thể: tuân phục, khiết tịnh, thanh bần, đời sống kỷ luật với việc duy trì nếp sống Đan Viện, hát trọng thể Các Giờ Kinh Phụng Vụ và chuyên tâm học hỏi “Chân lý thánh”, thì Hiến Pháp đã lấy 3 yếu tố từ đời sống Đan Viện cổ truyền. Đây là những phương thế chính yếu không bao giờ có thể bị thay đổi về cơ bản. Chúng phân cách người Đa Minh với thế giới, hướng họ tới Thiên Chúa và buộc họ sống đời chiêm niệm và hãm mình, trong khi theo đuổi sự hoàn thiện của Đức Ki-tô.

ĐẶC TÍNH CHIÊM NIỆM CỦA ĐỜI SỐNG ĐA MINH

Việc đọc long trọng Các Giờ Kinh Phụng Vụ đặc biệt thúc đẩy người tu sĩ đi đến việc chiêm niệm. Nó hướng đời sống của họ xung quanh việc phụng vụ và nuôi dưỡng đời sống tinh thần của họ. Khởi đầu, trong Dòng có hai thời điểm “cầu nguyện riêng”: một sau giờ Kinh Sáng, một sau giờ Kinh Tối, nó kéo dài hiệu quả của các giờ kinh theo luật định. Ngày nay, giờ suy gẫm thay thế việc thực hành xưa kia. Trong lúc cầu nguyện riêng, người tu sĩ được tự do nhiều để noi gương theo thánh Đa Minh. Một số anh em thích cầu nguyện bằng Thánh Vịnh và Kinh Mân Côi, một số khác đi viếng các bàn thờ, làm nhiều cử điệu như quỳ gối, phủ phục. Chính thánh Đa Minh cũng đã luôn cầu nguyện như thế. Một tiểu phẩm chín phương thức cầu nguyện của thánh Đa Minh cho thấy Cha Thánh đã sử dụng nhiều phương thức và cử điệu bề ngoài. Ở đây muốn đề cập đến mức độ say mê của Cha trong suốt thời gian Cha cầu nguyện riêng:

Cha Thánh Đa Minh còn có một cách cầu nguyện khác nữa, thật đẹp, thật sốt sắng và thật hấp dẫn. Cha cầu nguyện bằng cách này sau những Giờ Kinh Phụng Vụ và khi đã tạ ơn chung sau bữa ăn. Người là người cha tốt lành, đáng khâm phục vì đức tính tiết độ và lòng tràn đầy sốt sắng, đã kín múc được tinh thần ấy trong những Lời Chúa được hát lên trong cung nguyện hay trong phòng ăn. Cha mau lẹ đi đến chỗ thanh vắng, vào phòng hay ở một chỗ nào khác để đọc sách và cầu nguyện, suy ngẫm và chiêm ngắm Thiên Chúa. Sau khi làm dấu thánh giá, Cha ngồi cách bình thản, mở cuốn sách để trước mặt và đọc. Lúc đó, tâm hồn Cha cảm thấy ngọt ngào, dường như được nghe chính Chúa nói với mình...

Thánh Đa Minh dạy anh em suy niệm cả ngay lúc đi đường. Cha thường nói với anh em: “Chúng ta hãy nghĩ về Đấng Cứu Thế”. Chính Cha cũng thường hát bài Veni Creator hoặc bài Ave Maria Stella khi đi bộ.

Cha hoàn toàn chăm chú suy gẫm dẫn đến chiêm niệm. Cha thường nói với anh em lúc đi đường: “Có lời chép trong sách ngôn sứ Hôsê: Ta sẽ dẫn vị hôn thê của Ta vào nơi thanh vắng và Ta sẽ tâm sự với nàng”. Cha thường đi tách ra khỏi anh em đồng hành, hoặc đi trước nhưng thường theo sau một khoảng cách. Lúc tách ra như vậy, Cha vừa đi vừa cầu nguyện. Trong lúc suy gẫm, lòng mến cháy lên trong Cha và ngọn lửa đức Ái được đốt lên.

Cha Thánh thường nhắc nhở anh em: “chỉ nói với Chúa hoặc về Chúa” và Cha đã đưa ra lời khuyên nhủ này vào trong Hiến Pháp. Đã hơn 700 năm, lời khuyên nhủ của Cha luôn được viết ngay hàng đầu của Hiến Pháp. Liên quan đến mục đích đặc biệt của Dòng là rao giảng vì ơn cứu độ các linh hồn. Hiến Pháp nhấn mạnh: “Mục đích chúng ta phải theo đuổi là giảng dạy từ sự phong phú và sung mãn của chiêm niệm trong việc noi gương Cha Thánh Đa Minh của chúng ta, Cha chỉ nói với Chúa hoặc nói về Chúa vì lợi ích của các linh hồn”. Hiến Pháp cũng nhắc nhở vị giáo tập hướng dẫn các tập sinh về mục đích chiêm niệm của Dòng:

“Dòng Anh Em Thuyết Giáo do thánh Đa Minh thiết lập, như ai cũng biết: ngay từ thời sơ khai đã được lập ra để chuyên việc giảng thuyết và cứu độ các linh hồn. Bởi đó, trung thành với lời dạy của Đấng Sáng Lập, “anh em chúng ta, như những người ước ao lo liệu ơn cứu độ của mình và của tha nhân, phải ở đạo hạnh khắp mọi nơi, và như những con người Tin Mừng, theo chân Đấng Cứu Thế, chỉ nói với Chúa hay nói về Chúa cho mình hoặc tha nhân” (Hiến Pháp nền tảng số II).

Sám hối cũng nằm trong linh đạo Đa Minh. Đặc tính này đặc biệt được thấy trong lời khấn trong việc tuân giữ kỷ luật tu trì của Đan Viện và trong đời sống cộng đoàn. Trong đời sống Dòng, những yếu tố này được hướng tới những mục đích cao hơn việc sám hối. Và chúng ta sẽ đề cập đến những điều này trong những chương sau. Tuy nhiên, chúng ta sẽ làm lần nếu bỏ qua nhiều cơ hội để hãm mình và hy sinh mà cuộc sống trong tu viện dành cho ta. Chúng ta có thể dễ dàng đánh giá bản chất của việc sám hối trong chay tịnh và kiêng khem, hãm mình ép xác, tỉnh lặng, thú lỗi và việc mặc tu phục. Nhưng đừng quên rằng việc cử hành chung Các Giờ Kinh Phụng Vụ, nhằm phục vụ mục tiêu cao cả của đời tu và thắng tiến lợi ích tinh thần cao nhất của anh em, cũng mang chiều kích sám hối. Tu sĩ Humbert Romans đề cập đến nét đặc trưng của việc nguyện Các Giờ Kinh Phụng Vụ như sau: “Phần quan trọng nhất trong việc sám hối của chúng ta là việc đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ”.

Đặc tính của kỷ luật tu trì trong Dòng sẽ được nhận định rõ hơn khi chúng ta nghiên cứu nguồn gốc của nó. Về cơ bản, chúng được lấy từ Dòng khổ tu Xi-tô. Đấng sáng lập đã làm nổi bật những kỷ luật truyền thống này bằng cách thêm vào trong Hiến Pháp một chương về sự tỉnh lặng và việc chấp nhận sự khó nghèo khát thực - sự nghèo khó không có những thu nhập chắc chắn và lợi tức cố định, không chỉ đối với các cá nhân, mà còn đối với cả Dòng. Việc từ bỏ trong khó nghèo tuyệt đối đòi hỏi lòng tin sâu xa vào Thiên Chúa quan phòng. Khi hoàn cảnh sống ở Châu Âu thay đổi, Đức Thánh Cha Sixtus IV đã giảm nhẹ chế độ khắc khổ này. Năm 1475, ngài cho phép tất cả các Dòng khát thực ngoại trừ Dòng Phan-xi-cô, được quyền sở hữu tài sản chung. . . Tuy nhiên, Dòng vẫn coi sự nghèo khó như một phương thế cơ bản của đời tu khổ chế dành cho các phần tử của Dòng và như công cụ hữu hiệu cho hoạt động Tông Đồ của Dòng. Đặc tính khó nghèo trong đời tu Đa Minh và sự đơn giản của những tu xá và tu viện là chứng tá cho những siêu việt của sứ điệp Ki-tô giáo.

Thánh Đa Minh đánh giá cao vai trò của lối sống đan viện trong đời sống của Dòng, và Cha đã hết sức đưa nó vào hoạt động tông đồ:

“Khi ở ngoài tu viện, hãy nghe tiếng chuông báo giờ nguyện kinh vang lên từ các tu viện, Cha luôn luôn thức dậy và đánh thức anh em. Cha sốt sắng cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ, ngày cũng như đêm vào những giờ đã định, và Cha không bỏ một giờ kinh nào. Sau giờ Kinh Tối, trong khi đi bộ,

Cha giữ tinh lặng và buộc anh em cũng giữ tinh lặng như khi ở tu viện” (Lời chứng của tu sĩ Ventura Verona).

“Mỗi sáng, trong lúc đi đường, Cha luôn nhắc anh em giữ tinh lặng cho đến giờ Kinh Ba”.

Khi dừng Chân ở tu viện nào, Cha Thánh đều hòa mình trong việc ăn uống và giữ đầy đủ kỷ luật, cố gắng làm gương cho anh em tuân giữ”.

Ngoài khía cạnh sám hối, đời sống cộng đoàn và kỷ luật tu trì Đa Minh còn nhằm tới một mục đích khác nữa: huấn luyện và chuẩn bị cho anh em hướng tới chiêm niệm. Việc trung thành với kỷ luật đòi buộc anh em phải hoàn toàn tự chủ trong đời tu, đòi hỏi phải tự kiểm soát tâm thường xuyên và hết lòng tuân giữ kỷ luật, tôn trọng quyền bính. Thể chế này giúp chúng ta luyện tập các nhân đức hoàn hảo hơn. Quả vậy, nó hạn chế tính hiếu động của các giác quan, tạo lập bình an trong tâm hồn và nuôi dưỡng đức ái huynh đệ, một điều kiện tiên quyết cho việc chiêm niệm và hoạt động Tông đồ.

TÍNH TƯ TẾ TRONG ĐỜI TU ĐA MINH

Ngay từ khi thành lập, với bản văn châu phê của Đức Thánh Cha và tuân giữ tu luật thánh Âu-tinh, Dòng Anh Em Thuyết Giáo là một Dòng kinh sĩ, linh đạo của Dòng mang tính tư giáo, quy thần và Ki-tô luận. Việc phụng tự long trọng trong Giáo Hội là yếu tố căn bản của đời sống kinh sĩ. Ngay từ đầu, các kinh sĩ đã được Giáo Hội chính thức chỉ định tiếp tục không ngừng đời sống cầu nguyện long trọng, thực thi các việc phụng tự trong các nhà thờ chính toà và những nhà thờ thuộc cộng đoàn kinh sĩ trên khắp thế giới - cử hành thánh lễ, đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ long trọng. Khi soạn thảo Hiến Pháp đầu tiên của Dòng, thánh Đa Minh đã khởi sự bằng một quy luật chi tiết về việc cử hành thánh lễ tu viện, đọc kinh nguyện ban đêm và trong những giờ theo giáo luật. Hiến pháp hiện hành quy định việc đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ tại cung nguyện như một phương thế để đạt được mục đích của tinh thần và hoạt động tông đồ Đa Minh.

Khi thánh Đa Minh còn sống, Dòng đã cố gắng thiết lập một nghi lễ đồng nhất để con cái Dòng khắp nơi ca ngợi Chúa bằng một nghi thức phụng vụ duy nhất. Nỗ lực này kéo dài đến năm 1256 thì một nghi lễ mang tính sám hối của Dòng Đa Minh được phát triển, được nhiều địa phận và dòng tu khác đánh giá cao về sự ưu việt của nó và đã áp dụng.

Linh đạo của Dòng Anh Em Thuyết Giáo mang tính tư giáo, nó luôn luôn nhấn mạnh đến việc trung thành với Giáo Hội, với Đức Thánh Cha và với đức tin Công Giáo. Những sự trung thành đó là điểm trọng yếu của Dòng trong việc truyền giảng và ơn cứu độ các linh hồn. Trước hết, Dòng tìm kiếm những hoạt động tông đồ truyền bá đức tin, bảo vệ đức tin, thực hiện lời nhắn nhủ cuối cùng của Đức Ki-tô “Hãy đi và thâu nhận môn đồ khắp muôn dân. . . dạy họ tuân theo những điều Thầy đã truyền dạy cho anh em” (Mt 28, 19-20).

Lòng mộ mến chân lý Công Giáo hướng tu sĩ Đa Minh vào chính Thiên Chúa, là khởi đầu và cùng đích của công việc sáng tạo; đồng thời hướng anh em về Chúa Giê-su Ki-tô: Đấng “là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống”, Người là đường dẫn đưa nhân loại trở về với Thiên Chúa, bằng Thánh Lễ, các Bí Tích (*đặc biệt là bí tích Thánh Thể*) và qua Đức Mẹ, Mẹ Thiên Chúa.

LÒNG TÔN SÙNG CHÚA KI-TÔ

Dòng Đa Minh có lòng mộ mến thiết tha đối với Ngôi Hai, việc này khởi dậy từ gương mẫu của thánh Đa Minh, từ việc anh em mưu tìm việc thánh hoá bản thân, và cũng từ sứ vụ của Dòng là truyền giảng Chúa Ki-tô chịu đóng đinh. Mặc dù được phát sinh từ những nguồn như vậy, nhưng Dòng vẫn hoà mình vào những linh đạo và đời sống chung thời Trung Cổ. . . Anh em được hoá nên giống người đồng thời hướng theo nhân tính của Đức Ki-tô. Anh em đã biểu lộ và giúp người khác thăng tiến lòng sùng kính đó, sùng kính hướng tới khổ nạn, Máu Thánh, Năm Dấu Thánh, Trái Tim bị đâm thấu và Thánh Thể.

Vì bị cuốn hút vào việc chiêm niệm sự đau khổ của Đức Ki-tô, thánh Đa Minh thường ở lại trước bàn thờ hoặc trong nhà nguyện, mắt nhìn chăm chú vào Đấng chịu đóng đinh và hoàn toàn hướng lòng trí về Người. Cha Thánh thường quỳ gối nhiều lần. Sau giờ Kinh Tối, Cha thường tiếp tục cầu nguyện đến nửa đêm, lúc đứng lúc quỳ. . . và vì vậy, điều đó đã hình thành trong thánh Đa Minh một niềm tin vô biên nơi tình thương của Thiên Chúa.

Trong lúc sốt sắng chiêm ngắm tượng chịu nạn, Thánh Tô-ma đã được nâng lên với Đấng Thánh chịu đóng đinh và từ trên Thập giá, Chúa Giê-su đã nói với thánh nhân: “Hỡi Tô-ma, con đã viết về Cha hay lắm, con muốn được phần thưởng gì cho công việc của con?”. Thánh Tô-ma trả lời: “Lạy Chúa, đó chính là Ngài”.

Trong lúc đi tìm kiếm sự kết hiệp với Thiên Chúa, Chân phước Henry Suso đã phân nàn với Đấng Khôn Ngoan Vĩnh Cửu của mình rằng: “Con đi tìm Thiên Tính của Cha khắp nơi; nhưng Cha chỉ cho con biết nhân tính của Ngài; con khao khát sự ngọt ngào của Cha, mà Cha lại cho con cay đắng. Con muốn được Cha nâng niu, chăm sóc, nhưng Cha lại dạy con chiến đấu”. Đấng Khôn Ngoan Vĩnh Cửu trả lời:

“Không ai đạt đến độ cao của thiên tính hoặc nếm được sự ngọt ngào thần bí mà không phải nếm sự cay đắng nơi nhân tính của Ta. Bất cứ ai leo cao mà không qua nhân tính của Ta đều bị té xuống sâu hơn. Bất cứ ai mong muốn đạt được điều con đang tìm kiếm đều phải bước theo con đường nhân tính của Ta và phải đi theo con đường đau khổ. Vì thế, hãy loại bỏ tính nhút nhát của con và đi theo Ta trên đấu trường với sự dũng cảm của một hiệp sĩ”.

Chân phước Henry đã đi đầu trong việc mở ra con đường Thập Giá. Ngài có thói quen suy gẫm hàng trăm lần về sự thương khó của Chúa Ki-tô. Khởi đầu từ bữa tiệc ly dẫn đến đời Can-vê. Ngài bắt đầu suy gẫm từ phòng hội của tu viện, và từng chặng đi qua hành lang (*chôn người chết*) rồi vào

cung nguyện, nơi đây, Ngài kết thúc việc suy niệm của mình ngay dưới chân Thập Giá nơi có màn ngăn cách giữa cung thánh và cung nguyện.

Trên chặng đường thương khó này, ngài đã suy diễn lại chi tiết về cuộc khổ nạn đến độ mọi nỗi đau khổ của Chúa Giê-su từ đầu đến kết thúc đều được nhớ lại mọi chi tiết. Tuy nhiên, Chân phước không muốn giữ kín việc suy niệm này cho riêng mình nhưng còn muốn chia sẻ với những linh hồn đã từng gặp khó khăn và khô khan khi suy gẫm về sự thương khó của Chúa, nguồn duy nhất cho ơn cứu độ của chúng ta. Vì vậy, Ngài đã viết ra những bài suy gẫm.

Vào năm 1402, sau khi đi thăm đất thánh, lúc trở về, Chân phước Alvarez Cordova đã nghĩ ra việc dùng hoàn cảnh để diễn lại cuộc hành hương của mình. Năm 1423, ngài đã lập ra những ngôi vườn mang tên “Thang Trời” (*scala coeli*) và dựng lên nhiều nhà nguyện, trong đó treo những bức tranh họa lại những vùng đất thánh ở Paletin.

Suốt 12 năm (1542- 1554), hàng tuần, thánh Ca-ta-ri-na Ri-xi đều trải qua chiêm niệm xuất thần về sự thương khó và đã phổ biến lòng sùng kính này trong một quyển sách nhan đề: Những vần thơ về sự thương khó. Những câu thơ được tuyển chọn trong Kinh Thánh và được sắp xếp thành bản tóm lược những đau khổ của Chúa Ki-tô. Việc suy gẫm vẫn tắt trong mỗi câu thơ đã ghi vào tâm hồn một ấn tượng đậm nét về cuộc khổ nạn và mang lại hoa trái của ơn cứu chuộc. Hiện nay, lòng sùng kính này vẫn được thực hiện nơi một số tu viện của Dòng. Tại tu viện Santa Sabina, trụ sở chính của Dòng tại Roma, các tu sĩ hát bài ca này trong thời gian tâm nguyện vào các ngày thứ sáu Mùa Chay. Người phụng vụ trưởng quỳ trước bàn thờ xướng các câu thơ và cộng đoàn đáp lại, đôi khi vị này hát một mình. Giữa mỗi câu, vị này nghỉ giây lát để anh em suy gẫm. Khi hát xong một đoạn đủ nghĩa, vị này ban phép lành cho cộng đoàn bằng một thánh tích của gỗ thánh giá thật khi xưa Chúa chịu đóng đinh. Thánh tích này được đặt trên bàn thờ giữa những ngọn nến sáng rực.

Lòng sùng kính Đức Ki-tô chịu thương khó hướng anh em thời sơ khai đến Năm Dấu Đinh, hướng đến trái tim bị đâm thấu của Đức Ki-tô. Thánh Anberto Cả trọng kính Thánh Thể như món quà tình yêu của Thánh Tâm. Tôn sư Eckhart còn đi xa hơn nữa. Cha nói về Thánh Thể như sau:

“Chúng ta thấy sức nóng lôi kéo mọi người đến với trái tim Chúa mãnh liệt dường bao! Sức nóng đó phát ra từ ngọn lửa Chúa Giê-su đã đốt trên thập giá. Trái tim Người nung nấu như một lò lửa mà từ đó những ngọn lửa lan tỏa ra khắp phía. Vì thế ngọn lửa của tình yêu nhân loại đã thiêu đốt Chúa trên thập giá và Chúa đã lôi kéo mọi người đến với mình bằng sức nóng của tình yêu”.

Thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na và thánh Ca-ta-ri-na Ri-xi đã từng cảm nghiệm được sự “trao đổi trái tim” với Chúa Ki-tô. Trong lúc ngây ngất, Thánh Rô-sa Li-ma đã nghe thấy Chúa Ki-tô nói: “Hỡi Rô-sa của lòng Ta, con hãy là bạn trăm năm của Ta”. Thánh Mác-ti-nô Po-rét đã được diễm phúc uống từ cạnh

sườn của Chúa. Thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na luôn suy niệm về vết thương nơi cạnh sườn của Đức Ki-tô, Máu Thánh và Trái Tim bị đâm thấu. Thánh nữ đã tóm lược trong một đoạn thư tuyệt vời về ý nghĩa thâm sâu của niềm khao khát này như sau:

“Hãy đặt môi bạn vào cạnh sườn của Con Thiên Chúa, vì từ đó có một nguồn mạch rộng mở phát ra những ngọn lửa yêu thương và cũng từ đó chảy ra dòng máu rửa chúng ta sạch mọi tội lỗi. Linh hồn nào biết an nghỉ nơi đó và biết lấy đức tin chiêm ngắm trái tim rộng mở đã héo mòn vì yêu, sẽ được hoà hợp với trái tim đó. Vì khi nhìn nhận chính mình được yêu nhiều như vậy, linh hồn đó sẽ không ngần ngại đáp trả. Nó trở nên hoàn hảo vì sự gì nó yêu mến là vì Chúa và ngoài Chúa ra, nó không yêu gì khác nữa. Nó ước mong trở nên một bản thể khác như Chúa và cũng không ước mong gì khác ngoài niềm khát vọng Thiên Chúa”.

Thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na, thánh Ca-ta-ri-na Ri-xi, Chân phước Lucy Narni và khoảng 83 tu sĩ Đa Minh khác đã được diễm phúc in Năm Dấu Thánh.

Lòng sùng kính của Dòng đối với Thánh Danh phát sinh từ sứ vụ giảng thuyết của mình. Do ơn gọi, Dòng được trao nhiệm vụ đem hiểu biết về Thánh Danh tới mọi chi tộc và quốc gia trên trái đất. Tu sĩ Henry Cologne được Cha bề trên Reginald Orleans nhận vào Dòng năm 1220, là tu sĩ Đa Minh đầu tiên có được lòng sùng kính này. Chân phước Jordan Saxony yêu mến Henry như anh em và đã dùng những lời sau để kết thúc bài tóm lược về đời sống của bạn mình:

“Người đã quen cầu khẩn Danh Thánh Chúa Giê-su với trọn niềm kính yêu tôn thờ. Tôi muốn nói rằng Danh Thánh này vượt trên mọi danh hiệu, đến nỗi ngày nay, nếu trong nhà thờ hay trong bài giảng có nhắc đến danh này thì lòng yêu mến của nhiều tâm hồn được thôi thúc tỏ lộ”.

Có lẽ Đức Thánh Cha Grêgorio X, vì đã biết việc anh em Đa Minh truyền bá việc sùng kính này đã lưu ý Bề Trên Tổng Quyền của Dòng, Chân phước John Vercelli, về việc thực hiện quyết nghị trong Công Đồng Lyon II: phải dạy các tín hữu cúi đầu khi nghe Thánh Danh để đền tội vì những lời lộng ngôn và bất kính của các Ki-tô hữu. Để thi hành mệnh lệnh của Đức Thánh Cha, Cha John Vercelli đã tổ chức một chiến dịch giảng thuyết sùng kính Thánh Danh cho toàn Dòng. Trong thế kỷ thứ 14, các chị Đa Minh Rhineland tiếp tục việc sùng kính Thánh Danh với sự cổ động của Chân phước Henry Suso, người đã giảng về “Tình yêu bao la của Thánh Danh Giê-su dịu ngọt” và với nhiệt tâm cố gắng để nhóm lên trong những tâm hồn bằng giá Thánh Danh Giê-su.

Vào thế kỷ thứ 15, các tu sĩ Đa Minh đã thành lập Hội Kính Danh ở nhiều nơi. Cha Charles Hyacinth Mc Kenna, vị tông đồ của hội Kính Danh và kinh Mân Côi, đã viết những trang sử huy hoàng của Dòng tại Mỹ vào năm 1896, sau khi được đặc ân của Đức Thánh Cha, Cha Charles Hyacinth Mc Kenna đã thành lập hội này trong các nhà thờ và ảnh hưởng của nó lan rộng

khắp nước. Hội này đã nuôi dưỡng đức tin người Công Giáo và giúp họ thường xuyên lãnh nhận các bí tích. Những cuộc diễu hành và các hội nghị về Thánh Danh cực trọng đã có ảnh hưởng lớn trong việc biểu lộ đức tin Công Giáo tại Mỹ. Điểm nổi bật trong đời sống tâm linh của các thánh Dòng Đa Minh, Tô-ma A-qui-nô, Ca-ta-ri-an Xi-ê-na, Vinh-sơn Phê-rê và nhiều tu sĩ Đa Minh khác, đó là lòng sùng kính đối với Thánh Lễ và Thánh Thể. Thánh Tô-ma đã bày tỏ niềm tin của mình vào Thánh Thể mạnh mẽ hơn nữa trong lời tuyên xưng long trọng khi Ngài rước lễ như của ăn đàng:

“Ôi, giá cứu chuộc linh hồn con, con đang rước Chúa. Tất cả mọi việc học hành, những đêm canh thức và những việc làm của con đều vì lòng yêu Chúa. Con đã dạy nhiều và viết nhiều về Thánh Thể Chúa Ki-tô. Con đã dạy và viết trong niềm tin vào đức Giê-su Ki-tô và Hội Thánh Roma. Con xin dâng hiến và quy phục mọi sự theo phán quyết của Giáo Hội”.

Thánh Tô-ma xứng đáng với danh hiệu “Tiến Sĩ Thánh Thể” vì đã trở vượt về lòng yêu mến Thánh Thể và vì những tác phẩm viết về phép Thánh Thể.

LÒNG SÙNG KÍNH ĐỨC MARIA

Anh em Đa Minh đặc biệt sùng kính Đức Mẹ Đồng Trinh, Mẹ Thiên Chúa. Lòng sùng kính này luôn hướng về Đức Ki-tô. Anh em được nhắc nhở rằng Dòng đã được thành lập dưới sự bảo trợ của Đức Mẹ. Anh em ghi danh Đức Mẹ trong công thức tuyên khấn: “Hứa vâng lời Thiên Chúa, Mẹ Maria, thánh Đa Minh và Cha Tổng Quyền”. Dòng đã buộc con cái đọc kinh Tiểu Phụng Vụ kính Đức Mẹ hằng ngày, trừ các ngày đại lễ. Các ngày thứ bảy nguyện Các Giờ Kinh Phụng Vụ kính Đức Mẹ. Cử hành nhiều lễ kính nhớ Đức Mẹ và kết thúc giờ Kinh Tối bằng việc hát trọng thể bài “Kính chào Nữ Vương” (*Salve Regina*). Ngoài ra, anh em còn làm nhiều việc kính Đức Mẹ như: viếng bàn thờ Đức Mẹ, chào ảnh tượng Đức Mẹ và đọc kinh Kính Mừng hàng 100 lần mỗi ngày. Qua “Hội Mân Côi”, anh em đã gây nên trong Giáo Hội lòng sùng kính tuyệt vời nhất đối với Đức Mẹ. Việc chú tâm vào những mầu nhiệm chính của cuộc đời Chúa, và theo một nghĩa nào đó, chuỗi Mân Côi là bản tóm lược linh đạo Đa Minh. Nó tóm tắt những chu kỳ phụng vụ, kết hợp lòng mến Đức Ki-tô và Mẹ Ngài với nền thần học vững chắc, và dẫn tới chiêm niệm. Kinh Mân Côi là phương thức tuyên xưng những chân lý đức tin được diễn tả qua những lời cầu nguyện đó.

LINH ĐẠO TÔNG ĐỒ CỦA DÒNG ĐA MINH

Thánh Đa Minh đã kết hợp chặt chẽ việc thực hành đời sống tâm linh của Dòng với việc hoạt động tông đồ vào trong linh đạo của Dòng. Lòng khát khao cứu độ các linh hồn là động lực thúc đẩy cũng như định hướng cho việc cầu nguyện và hãm mình của Cha Thánh. Các chứng nhân trong hồ sơ phong thánh đều làm chứng như nhau về lòng trắc ẩn, việc cầu nguyện và hy sinh hãm mình của Cha Thánh vì các tội nhân. Một sự kiện xảy ra trong khi thánh Đa Minh đang giảng cho phái An-bi đã chứng thực lòng nhiệt thành

của Cha đối với giá trị tông đồ của việc hãm mình. Lần kia, trên đường đến nơi tranh luận với những người theo lạc giáo, thánh Đa Minh và các bạn đồng hành, có cả Đức Giám Mục sở tại, đều đi chân không theo đề nghị của Cha Thánh. Rủi thay, họ bị lạc đường và phải nhờ một người địa phương dẫn đường; người này lại thuộc phái An-bi, anh ta đã cố ý dẫn đoàn người băng qua vùng cây gai mọc rậm rạp làm chân họ bị xé rách. Nhưng thánh Đa Minh vẫn khuyến khích anh em đồng hành: “Chúng ta hãy hy vọng vào Thiên Chúa, vì chiến thắng sẽ thuộc về chúng ta, tội chúng đã được rửa sạch trong máu ròi”. Khi đi du thuyết, Cha Thánh thường cởi dép ra để chịu đựng đau đớn trên những con đường sỏi đá. Cha luôn ý thức đón nhận những hy sinh đến bất ngờ nhằm sinh ích lợi về đàng thiêng liêng. Khi vấp phải đá, hay khi được phái An-bi tiếp đón lạnh nhạt tại quán ăn, bị chế diễu hoặc bị đối xử tệ bạc, Cha chỉ trả lời: “Đó là một hãm mình”.

Tinh thần tông đồ của thánh Đa Minh lên cao chỉ vài năm sau khi Cha qua đời, lúc đó bạn của Cha là Đức Giáo Hoàng Grê-gô-ri IX chuẩn bị phong thánh cho Cha. Khi anh em đến xin đặc ân của Đức Giáo Hoàng, ngài trách họ đã chậm trễ đề xuất hồ sơ xin phong thánh cho Tổ Phụ. Đức Giáo Hoàng nói: “Tôi đã gặp nơi Cha một con người sống trọn luật của các tông đồ”. Trong hồ sơ phong thánh, tu sĩ John Spain đã khẳng định:

“Cha Đa Minh đã áp ủ trong lòng niềm cảm thông với tha nhân và khao khát mãnh liệt cứu độ họ. Chính Cha đã không ngừng giảng thuyết và bằng mọi cách. Cha thôi thúc anh em đi giảng, Cha đã sai anh em đi giảng thuyết và khuyên họ lo lắng cứu độ các linh hồn.

Chân phước Jordan Saxony đã viết về thánh Đa Minh như sau:

“Thiên Chúa đã ban cho Cha đặc ân; biết xót thương các tội nhân, những người bất hạnh và đau khổ. Cha đã mang nơi mình tấm lòng trắc ẩn thương cảm nỗi khốn cùng của họ và tuôn đổ tình yêu nồng cháy trong những dòng nước mắt. Cha đã quen cầu nguyện thâu đêm cùng Chúa Cha trong thâm lặng. Lời cầu đặc biệt và thường xuyên của Cha với Thiên Chúa là xin được lòng mến chân thành để có thể làm việc để cứu độ nhân loại. Cha cho rằng mình chỉ là một chi thể đích thực của Đức Ki-tô khi hiến thân trọn vẹn hầu cứu vớt các linh hồn, như Đức Giê-su, Đấng Cứu Thế, Đấng đã hiến thân mình cứu độ chúng ta”.

Ngày nay, Dòng Đa Minh vẫn duy trì những lời khuyên này của thánh Đa Minh. Tổng Hội năm 1962 đã tái khẳng định mối liên hệ mật thiết giữa cầu nguyện, hãm mình và hoạt động tông đồ:

“Chúng tôi tha thiết kêu mời và khuyên nhủ anh em, những người đã được mời gọi tham dự vào sứ vụ thánh, rằng anh em nên chú tâm đến những hình thức hãm mình phù hợp với đoàn sủng của Dòng, và cũng biểu hiện trong hoạt động tông đồ của mình, đặc biệt qua cách sống, cách giao tiếp, việc sử dụng các phương tiện đi lại..., để nhờ đó, việc giảng thuyết của anh em trở nên hữu hiệu hơn qua những chứng tá trong đời sống của anh em”.

Nhà giảng thuyết – chiêm niệm Đa Minh phải hướng tới sự trọn lành Tin Mừng: tinh thần của họ phải là tinh thần của các tông đồ, họ phải noi gương Đức Ki-tô nghèo khó của Tin Mừng. Vị Giảng Thuyết, đã đào tạo các Tông Đồ và sai họ, từng đôi một, đi loan báo Tin Mừng. Thánh Đa Minh đã xác định linh đạo tông đồ như một tiêu chuẩn cho con cái mình. Họ phải noi gương đời sống của các tông đồ và theo cách thức truyền giảng của Tin Mừng. Đây là kim chỉ nam cho các người giảng thuyết. thánh Đa Minh đã ghi vào Hiến Pháp:

“Bề trên sẽ chỉ định những bạn đồng hành cho những ai được sai đi giảng thuyết tùy theo tính tình và khả năng. Sau khi lãnh phép lành, họ sẽ ra đi như những người khao khát ơn cứu độ của mình và của tha nhân. Họ ra đi với tư cách là tu sĩ, như những con người của Tin Mừng, theo chân Đấng Cứu Thế; nói với Chúa và nói về Chúa cho chính mình và tha nhân, đồng thời cẩn thận tránh những giao tiếp quá thân mật với người khác. Hơn nữa, những người ra đi để thực thi sứ vụ giảng thuyết hoặc đi du thuyết vì bất cứ lý do nào khác sẽ không nhận hay mang theo vàng, bạc, tiền nong hay quà cáp; mà chỉ mang theo thực phẩm, quần áo, sách vở và những vật dụng cần thiết..”.

Anh Em Thuyết Giáo phải nỗ lực trở nên những tông đồ nói với Chúa hoặc theo câu nói bất hủ của thánh Tô-ma: “Chiêm niệm và trao ban người khác hoa trái của việc chiêm niệm đó”. Luật lệ, hiến pháp và đời tu mà họ đã theo đuổi được hướng tới mục đích cao cả là thánh hóa bản thân vị thuyết giảng và làm cho người ấy trở nên một tông đồ. Mỗi liên hệ đời sống tu viện được phác họa nhằm khơi dậy tình huynh đệ và dẫn tới chiêm niệm. Những đức tính này được nuôi dưỡng trong chân lý mạc khải, được nâng đỡ bởi các nhân đức được phát sinh và được củng cố nhờ kỷ luật của đời sống chung. Qua những yếu tố trên đây của đời sống chung, người tu sĩ cầu nguyện cho các linh hồn, sửa lỗi của mình và ra đi hoạt động tông đồ. Người giảng thuyết làm chứng bằng “việc làm và gương mẫu” khi đời sống tâm linh của họ mang lại nhiều ân huệ cho hoạt động tông đồ.

NGHIÊN CỨU THẦN HỌC (HỌC HỎI GIÁO LÝ)

Người Đa Minh không thể theo đuổi mục đích chiêm niệm và hoạt động tông đồ nếu không thường xuyên học hỏi. Họ sẽ gây nguy hại cho ơn gọi của mình nếu sao lãng việc học. Việc học cũng phải được thực hiện trong tinh thần chiêm niệm. Hiến Pháp coi “việc chuyên chăm học hỏi chân lý thánh” như một phương thế cơ bản để đạt được mục đích của Dòng. thánh Đa Minh muốn anh em tìm kiếm chân lý thánh đặc biệt trong Thánh Kinh. Cha “thường xuyên động viên và khuyên nhủ Anh Em Dòng Thuyết Giáo hãy chuyên chăm nghiên cứu Thánh Kinh Tân Ước và Cựu Ước”. Hiến Pháp cấm không được lập tu viện nếu không có một giáo sư cũng như trường hợp không có một bề trên vậy. Hiến Pháp thiết lập một quy chế học viện cho các sinh viên, cho phép anh em “đọc, viết sách, cầu nguyện, nghỉ ngơi và có thể thức khuya để học trong phòng riêng, nếu muốn”. Hiến Pháp cũng khuyên các giám sư tập sinh dạy cho tập sinh biết rằng “họ phải miệt mài ngày đêm nghiên cứu như

thế nào, lúc ở nhà hay đang khi đi đường, họ phải đọc hay suy gẫm một điều gì đó”.

Học hỏi chân lý thánh là việc chuẩn bị quan trọng cho việc giảng thuyết của người Đa Minh; nhưng nếu vì vâng lời mà họ phải làm những việc khác ngoài việc giảng thuyết, lúc đó họ được phép nghiên cứu mọi lãnh vực của chân lý giúp cho công việc đạt đến thành công và vì lợi ích của các linh hồn. Ngày nay, hoạt động tông đồ rộng rãi đòi buộc anh em phải nghiên cứu, quán triệt mọi lãnh vực thuộc công việc anh em đảm nhận. Anh em phải nghiên cứu tài liệu, nắm vững kỹ thuật và học những phương pháp thuộc lãnh vực đó. Người Đa Minh không chỉ là các vị mục tử, thầy dạy, nhà văn, nhà truyền giáo, người hướng dẫn tinh tâm hoặc là các điều dưỡng viên (*nay vẫn còn hợp thời*) thấu hiểu sự tiến bộ trong những lãnh vực đặc biệt; nhưng họ còn không bao giờ được để cho sự hiểu biết của mình về đạo lý thánh trở nên lỗi thời.

Một linh mục mãi mê làm việc sẽ có lúc dừng lại trong nỗi kinh ngạc hơn là vấn đề học hỏi thêm và thâm thúy. Nhiều nữ tu và linh mục không có thời gian dành cho việc nghiên cứu thường xuyên; nhưng họ vẫn có một kiến thức căn bản mới mẻ và đầy ý nghĩa bằng việc khôn ngoan chọn lựa sách đọc để bồi dưỡng tinh thần hàng ngày. Hoặc nếu họ đi giảng dạy hay làm những công việc đặc biệt khác, thì cũng có thể trau dồi kiến thức bằng việc chú ý những thư mục mới và những bài báo thuộc lãnh vực chuyên môn của mình. Thậm chí đối với những tu sĩ Đa Minh bận rộn nhất vẫn có thể đọc một số đáng kể những tác phẩm thần học hoặc sách thiêng liêng trong một năm, nếu mỗi tuần họ dành tối thiểu 2 hay 3 giờ để đọc. Việc đọc sách ở nhà cộng, một hình thức cổ truyền trong đời sống đan viện cũng cung cấp đáng kể cho việc bồi dưỡng cơ bản về tinh thần. Việc đọc sách thường xuyên không những củng cố sức mạnh đời sống nội tâm của người tu sĩ; nhưng còn làm cho kiến thức của họ nên mới mẻ và giúp họ có thêm những tư liệu mới phục vụ việc giảng thuyết, giải tội và mục vụ.

HỌC HÀNH VÀ CHIÊM NIỆM

Những phần tử tiêu biểu nhất và thánh thiện của Dòng ngay cả các thần học gia chuyên về thần bí, đều đã từng kết hợp học hành và chiêm niệm. Thánh An-bê-tô Cả đã phác thảo ra phương pháp chiêm niệm theo thần học trong bài bình luận về cuốn Thần học thần bí *De Mystics Theologia* của Dionysius: “Phương pháp dành cho người giảng dạy những điều về Thiên Chúa là họ phải đạt tới chân lý của học thuyết thánh nhờ ân sủng và phải trao lại cho người khác. Vì trong mọi điều thuộc lãnh vực thần học, người ta phải bắt đầu bằng cầu nguyện”.

Tu sĩ William Tocco, người đầu tiên viết tiểu sử của thánh Tô-ma, đã viết: “Thánh Tô-ma đã hiến trọn cuộc đời cho việc cầu nguyện và chiêm niệm, việc viết sách, đọc cho thư ký viết, dạy học, giảng thuyết hoặc tranh luận”.

Cha Marie Józef Lagrange, một học giả Kinh Thánh nổi tiếng của Dòng, đã dẫn chứng chắc chắn trong đời của ngài rằng: “Mối tương quan thâm sâu giữa sự thánh thiện và học hành, điểm nổi bật nơi hai thánh An-bê-tô và Tô-ma, ngày nay vẫn còn thấy trong Dòng. Những lời nhận xét của cha Braun, một nhà phê bình, trong tác phẩm của cha Lagrange, đều hợp lý: “Ấn tượng mạnh mẽ nhất luôn gợi lại cho độc giả về cuốn sách này là cha Braun cố ý miêu tả nét độc đáo của học giả Lagrange và tóm kết lại bằng chân dung của một vị thánh”. Chúng ta sẽ hết ngạc nhiên khi đọc bản di chúc của vị linh mục khiêm tốn này, được tìm thấy trong số những bài viết của cha sau khi cha qua đời năm 1938:

“Tôi tuyên bố trước Thiên Chúa rằng tôi muốn được chết trong Hội Thánh Công Giáo. Tôi luôn thuộc về Hội Thánh này trọn vẹn ngay từ khi tôi được lãnh bí tích Rửa Tội, và tôi muốn chết trong Hội Thánh để trung thành với lời khấn khó nghèo, khiết tịnh và tuân phục trong Dòng của thánh Đa Minh cho đến kết thúc cuộc đời, tôi dâng mình cho Đức Giê-su Cứu Thế tốt lành và nguyện cầu với Mẹ Rất Thánh của Chúa, vì Mẹ luôn nhân từ với tôi. Tôi cũng mạnh dạn tuyên bố phục tùng những phán quyết của Tòa Thánh về tất cả những gì tôi đã viết. Tôi tin tưởng và có thể nói thêm rằng tôi luôn chủ tâm trong mọi việc nghiên cứu để góp phần làm điều thiện, và vì vậy, tôi muốn nói đến triều đại của Đức Giê-su, vinh quang của Hội Thánh và hạnh phúc của các linh hồn”.

Chỉ qua việc nghiên cứu qua chiêm niệm, được thôi thúc do tình yêu đối với Thiên Chúa và các linh hồn, vị linh mục mới có thể nắm bắt được các chân lý sâu thẳm về đức tin siêu nhiên, chân lý mà Cha cần truyền thụ lại các rõ ràng và đầy thiện chí. Đây là xác tín của thánh Tô-ma và các anh em thời sơ khai. Tu sĩ Humbert Romans, bề trên Tổng quyền của Dòng, đã lý giải phương thức này qua bài giải thích về *Tu Luật thánh Âu-tinh*:

“Bậc tu trì là bậc chiêm niệm. Nhưng những điều được loan truyền, phải là những gì được thủ đắc trong chiêm niệm, theo lời chân phước Gregory: “Người ta kín múc trong chiêm niệm những điều sau đó sẽ ra đi truyền giảng”. Vì thế, bậc tu trì dường như giúp việc giảng thuyết đạt hiệu quả hơn bậc giáo dân, vì bậc tu trì chiêm niệm nhiều hơn. Quả vậy, giảng thuyết đạt hiệu quả hơn vì sự phong phú của những lời giảng không chỉ do học hành mà còn do chìm sâu trong chiêm niệm nữa”.

NÉT QUÂN BÌNH TRONG ĐỜI SỐNG ĐA MINH

Linh đạo của Dòng là một phức hợp được cấu thành từ nhiều yếu tố, nhưng chúng được kết hợp trong cùng một mục đích cao quý. Mọi yếu tố cấu thành nên linh đạo Dòng đều hướng tới chiêm niệm, điều mà phải sinh hoa trái trong hoạt động tông đồ. Ơn gọi sống Tin Mừng này làm cho các phần khác của đời sống Đa Minh được sinh động, làm thăng tiến chúng đến mức độ cao nhất theo gương Chúa Ki-tô và các Tông Đồ. Trong cuộc đời mình, thánh Đa Minh đã mô tả sự thống nhất trong sự đa dạng, đặc trưng cho linh

đạo mà Cha đã chọn cho Dòng. Cha Petitot đã mô tả về tính quân bình của cuộc đời thánh Đa Minh như sau:

“Đặc điểm nổi bật nơi thánh Đa Minh là sự hoà hợp, một tổng hợp hài hoà các đức tính dường như hoàn toàn trái ngược: dịu dàng với kiên quyết, say mê học hỏi với hăng say hoạt động, thiên tư chiêm niệm với tinh thần tổ chức. Do đó, chúng ta có một hình ảnh về người tông đồ hết sức quân bình đến nỗi chúng ta có thể so sánh Cha với thánh Bê-na-đô và thánh Phao-lô. Từ lúc chào đời đến khi tắt thở, thánh Đa Minh đã theo một con đường, một đường thẳng tắp không chút sai lệch... Cha không phải là một thi sĩ như thánh Grê-gô-ri Na-di-an hay thánh Phan-xi-cô Át-si-di, cũng không là một văn sĩ như thánh Âu-tinh; nhưng Cha là một thần học gia, một vị giảng thuyết, một người tông đồ, một tu sĩ khổ hạnh, một nhà thần bí và là một vị thánh”.

Đời sống tâm linh của các tu sĩ Dòng Anh Em Thuyết Giáo quân bình cách tinh tế, và đối với những ai không có sự thánh thiện như nơi các thánh nhân thì khó mà sống được. Nếu loại bỏ điểm chính yếu, thì những yếu tố hợp thành nên đời sống tâm linh sẽ tự huỷ diệt, đời linh mục trở thành một “cha sở”, luôn hướng tới những lợi ích “địa phương” (cục bộ), đời đan tu trở thành “ẩn tu”, coi hoạt động tông đồ là một giải trí, học thành trở nên “mọt sách”, ít quan tâm đến cứu độ các linh hồn; yếu tố hoạt động tông đồ trở nên “hiếu động”, dùng nó như một hoạt động “cuồng nhiệt”. Để tránh những thái cực này, người Đa Minh phải nuôi dưỡng nhiệt tâm khao khát mãnh liệt vì Chúa Ki-tô, phải coi chiêm niệm là điều tiên quyết trong đời mình. Việc chiêm niệm của người Đa Minh phải hướng về Chúa Ki-tô chịu đóng đinh làm trung tâm để từ đó dẫn đến hoạt động như sau: “Sứ điệp tông đồ không được hình thành trong cung thánh, cung nguyện và tu viện, thì không thể hoàn hảo được”.

Linh đạo Đa Minh đã được thành hình từ một quá khứ xa xưa, nhưng nay vẫn hợp thời. Hiến pháp hiện hành được dựa trên việc sửa đổi vào năm 1932... nhất là năm 1968... Khi đó, luật Dòng Đa Minh được sửa đổi cho phù hợp với Giáo Luật. Các chỉ thị, phong tục, tập quán và những thực hành lỗi thời đều được loại bỏ. Những luật lệ thứ yếu được bỏ tước để thích nghi với đời sống hiện tại. Những yếu tố chính yếu của đời sống và tinh thần Đa Minh vẫn được giữ nguyên vẹn, vì nếu thay đổi, Dòng sẽ không thể tồn tại. “Việc cập nhật hoá” này vẫn được tiếp tục không ngừng nhằm làm cho Dòng luôn hợp thời. Các đại biểu đi dự Tổng Hội (ba năm họp một lần) mang đến cho uỷ ban lập pháp tối cao của Dòng những kinh nghiệm của các linh mục từ khắp nơi trên thế giới. Mỗi Tổng Hội tiếp tục công việc của Tổng Hội trước đó để làm sao cho đời sống và hoạt động tông đồ của Dòng đạt được hiệu quả hơn.

Tính chất tư giáo và tông đồ trong linh đạo Dòng không làm cho anh em khác biệt với các thành phần khác thuộc Gia Đình Đa Minh: Chị Em đan tu và nữ tu hoạt động, hội viên các tu hội đời, các huynh đoàn giáo sĩ và giáo dân Đa Minh được khắc ghi dấu ấn của bí tích Rửa Tội và bí tích Thêm Sức,

tham dự vào chức tư tế của Đức Ki-tô. Họ có quyền dự phần vào phụng vụ của Ki-tô giáo và có sức mạnh truyền đạt hiệu quả của việc thờ phượng đến mọi người. Tất cả các phần tử của Dòng Anh Em Thuyết Giáo đều phải sống tính tư tế và tính tông đồ, luôn khát khao đem ơn cứu độ cho các linh hồn.



SAN MARTINO DE PORRES
religioso

CHƯƠNG 2

ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐA MINH LÀ HÌNH ẢNH THÁNH ĐA MINH

The dominican life is the image of St. Dominic

Người Ki-tô hữu có thể học hỏi để sống thánh thiện một cách hữu hiệu nhất bằng việc noi theo cuộc sống của Đức Ki-tô, Đấng sáng lập Ki-tô giáo. Người Đa Minh không chỉ học để trở nên một Ki-tô hữu toàn thiện, nhưng còn phải là người tu sĩ thánh thiện bằng việc học hỏi những tư tưởng và đời sống của thánh Đa Minh, vị sáng lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo. Qua cuộc đời của thánh Đa Minh, Anh Em Thuyết Giáo có thể tìm thấy những thành tố của linh đạo của Dòng. Trong tông thư Unigenitus. Đức Thánh Cha Piô XI đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc học hỏi đời sống của thánh tổ phụ như sau:

“Trên hết mọi sự, cha khuyên các tu sĩ hãy noi theo gương của đấng sáng lập, người đã soạn luật cho các con, nếu các con muốn dự phần chắc chắn vào đoàn sủng của Dòng mình. Khi sáng lập Dòng, thánh tổ phụ đã làm gì nếu không phải là tuân theo sự linh ứng của Thiên Chúa? Vì vậy, đặc điểm mà mỗi đấng sáng lập cố gắng nhấn mạnh trong Dòng của mình phải được mọi phần tử của Dòng tuân giữ nếu họ muốn trung thành với hứng khởi nguyên thủy của đấng sáng lập” như một người con hiếu thảo, mỗi phần tử của Dòng hãy dâng hiến trọn tâm hồn để tôn kính người cha và cũng là người lập luật của mình, tuân giữ các điều luật người chỉ dạy và hấp thụ lấy tinh thần của người”.

Người Đa Minh không chỉ thấu hiểu tinh thần của thánh Đa Minh; nhưng còn phải quan tâm đến Tu Luật của thánh Âu-tinh, Hiến Pháp và lịch sử Dòng ngay từ khi người ấy tìm hiểu và học hỏi linh đạo của Dòng.

NGUỒN MẠCH CỦA LINH ĐẠO ĐA MINH

Mọi điều tốt đẹp trong đời sống tâm linh của Dòng đều bắt nguồn từ thánh Đa Minh, cũng như mọi điều tốt đẹp trong Giáo Hội đều bắt nguồn từ Đức Ki-tô. Những yếu tố hiện nay trong linh đạo Đa Minh hoặc là ý hướng rõ ràng của thánh Đa Minh, hoặc là sự triển khai đúng đắn các ý tưởng và kế hoạch của Cha. Sự phát triển học thuyết của Dòng do các thánh An-bê-tô và thánh Tô-ma đề xướng, với sự khích lệ của tu sĩ Humbert Romans vào giữa thế kỷ 13, là một ví dụ điển hình cho sự phát triển đó. Dựa trên nền tảng tư tưởng và hoạt động của thánh Đa Minh, các vị thánh này đã dùng lời và gương mẫu để giảng dạy cách thế như thế nào mà một trí thức cao siêu, hướng đến tình mến Đức Ki-tô, có thể phục vụ chân lý Ki-tô giáo và đời sống tâm linh của các nhà trí thức Đa Minh.

Các phần tử của Dòng phải biết rõ về thánh Đa Minh và phải vui sướng đi theo Cha, nhận ra Cha yêu thương họ dường nào. Là vị sáng lập Dòng, thánh Đa Minh đã dành những năm quý báu cuối đời cho việc thành lập Dòng, thăm viếng các tu viện và đan viện tiên khởi, quan tâm, hướng dẫn, khích lệ và dạy bảo anh em và các nữ đan sĩ. Thiên Chúa Quan Phòng đã ban cho Cha một quả tim biết cảm thương và phú cho Cha đặc ân hướng dẫn con trai cũng như chỉ dẫn con gái của mình.

Tài liệu đáng giá nhất cho việc học hỏi tư tưởng, tinh thần và linh đạo của thánh Đa Minh là : Hồ Sơ phong thánh cho Cha, *Quyển sách nhỏ và nguồn gốc của Dòng Anh em Thuyết Giáo* do chân phước Jordan Saxony viết (gồm tiểu sử về đời sống của Đấng Sáng Lập Dòng và thời sơ khai của Dòng), và Hiến Pháp tiên khởi của Dòng. Phần thứ nhất của Hiến Pháp Dòng Đa Minh, được thánh Đa Minh mượn từ Hiến Pháp của dòng Prê-mông-tre, nhưng Cha đã sửa đổi và bổ sung để làm cho Hiến Pháp đó thích hợp với mục đích của Dòng.

Các nhân chứng trong hồ sơ phong thánh của cha Đa Minh được chia làm hai nhóm. Nhóm thứ nhất khoảng 300 người sống ở miền Toulouse, những người này quen biết Cha trong những năm trước khi Cha lập Dòng. Nhóm thứ hai gồm 9 anh em đã sống với Cha trong những năm cuối đời của Cha. Mỗi quan hệ giữa 9 anh em này với thánh Đa Minh rất thân thiết. Đó là những tu sĩ thuộc một cộng đoàn ở Bologna, trụ sở chính của Cha trong những năm cuối đời, và cũng là những người bạn đồng hành của Cha. Họ có nhiều cơ hội để biết cách thức mà thánh Đa Minh đã sống, đã cầu nguyện, ăn uống, ngủ nghỉ, hãm mình phạt xác. Họ là những người được Cha quan tâm hướng dẫn theo linh đạo của Cha. Chứng cứ của họ cho chúng ta biết những điều liên quan tới cuộc đời oanh liệt của thánh Đa Minh. Họ cùng với chân phước Jordan Saxony đã từng đi du thuyết và cầu nguyện với Cha, đã săn sóc Cha khi Cha lâm bệnh, an táng Cha và tiến hành việc phong thánh cho Cha. Họ cũng là người đầu tiên cử hành lễ kính Cha. Họ hấp thụ được tinh thần của Cha, hiểu điều mà Cha mong muốn cho Dòng. Qua lời nói và gương mẫu của Cha, họ biết cách thức một anh em giảng thuyết phải thánh hóa bản thân như thế nào. Các nhân chứng này sẽ cho chúng ta biết thêm những điều về thánh Đa Minh và tinh thần của Dòng.

Các nhân chứng ở miền nam nước Pháp xem ra làm ta thất vọng. Chứng cứ của họ dù có trùng hợp với những chứng cứ của các tu sĩ ở Bologna nhưng lại thiếu chi tiết. Tuy nhiên, bằng một lối nói đặc biệt, những điều họ nói có giá trị hơn những gì các tu sĩ ở Bologna nói. Trong số 300 người đó, có 3 phụ nữ. Các bà này đã cung cấp những dữ kiện mà những nam nhân chứng ở cả hai nơi chưa bao giờ nghĩ tới.

Bà Willelma, vợ của Elias Martin, nói là mình biết rõ về thánh Đa Minh. Bà đã từng may áo nhậm cho Cha và Cha đã dùng cơm tại nhà bà hơn 200 lần trong những năm Cha ở Pháp. Mỗi lần Cha nghỉ chân tại nhà bà, bà đều chuẩn bị và mời Cha dùng bữa. Bà thấy Cha chỉ ăn một miếng bánh nhỏ và

nếu có dùng thêm thì chỉ chừng hai lòng đỏ trứng hay một phần tư con cá. Khi uống rượu, Cha pha thêm nước vào $\frac{3}{4}$ ly. Bà Willelma đã cho chúng ta biết những chi tiết giá trị về việc ăn uống kham khổ của thánh Đa Minh.

Bà Nogueza cũng xác nhận những điều bà Willelma đã nói. Bà nói mình chưa bao giờ dọn bữa cho Cha, nhưng cũng từng may áo nhậm cho Cha.

Beceda, một nữ đan sĩ Hội Dòng Thánh Giá, nói rằng chị cũng đã may áo nhậm và dọn bữa cho Cha. Chị cũng mô tả những thói quen này của Cha như bà Willelma nói, nhưng chị còn thêm một vài chi tiết khác. Chị thường dọn chỗ nghỉ cho Cha Thánh, nhưng sáng nào cũng vậy: giường vẫn y nguyên, không nhăn, không bị xáo trộn. Đúng là không có ai nằm trên giường. Khi thánh Đa Minh tạm trú tại nhà chị, chị thường nhìn trộm vào phòng ngủ và thấy Cha hoặc đứng hoặc quỳ cầu nguyện. Khi ngủ, Cha nằm ngay trên sàn nhà, thấy vậy, chị rón rén vào và đắp mền cho Cha. Nhưng chỉ một lát sau, chị lại nhìn vào và nhìn thấy Cha lại đứng hoặc quỳ cầu nguyện. Sự quan tâm của những phụ nữ này đối với Cha Thánh và cách thức họ chăm sóc cho Cha biểu lộ lòng yêu mến của họ dành cho Cha. thánh Đa Minh có một đặc điểm là chiếm được niềm tin tưởng của phụ nữ. Họ yêu mến và tin tưởng Cha.

Một tài liệu quan trọng nói về thánh Đa Minh đó là tiểu phẩm *Chín cách cầu nguyện của thánh Đa Minh* do một tác giả vô danh, có lẽ ở Bologna, viết khoảng giữa năm 1260 và 1280. Ông không quen biết trực tiếp với thánh Đa Minh, nhưng đã chọn lọc những dữ kiện nơi những người hiểu biết Cha, trong đó phải kể đến chị Xê-xi-li-a, người đã được thánh Đa Minh trao tu phục vào năm 1221 tại Roma. Sau đó, tu sĩ Jordan Saxony đã chuyển chị về đan viện thánh A-nê ở Bologna để chị huấn luyện cộng đoàn ở tu viện của chân phước Đì-a-na về đời sống của Dòng. Chín cách cầu nguyện chứng thực sự thánh thiện cao độ của thánh Đa Minh, nó diễn tả những nét đẹp của đời sống thân mật và tình yêu nồng nhiệt của Cha Thánh đối với Thiên Chúa.

Chị Xê-xi-li-a có trách nhiệm gián tiếp về một tài liệu khác có nhan đề những phép lạ của chị Xê-xi-li-a (*thực ra tài liệu này kể về những phép lạ của thánh Đa Minh*). Trong những cộng đoàn ở Bologna, chị thường kể lại cho các chị em khác về thánh Tổ Phụ theo trí nhớ (*hồi tưởng*) của mình và một chị khác viết lại những lời chị Xê-xi-li-a kể. Vì vậy, những điều chị kể thiếu sự mạch lạc của một tiểu sử, ít chú ý đến niên đại và có nhiều sai lầm về chi tiết. Nhưng lại hoàn toàn vô tình, chị Xê-xi-li-a đã thêm dật trong lời mô tả của mình rất nhiều tiểu tiết về chân dung của Cha Thánh. Những lời nói này rất có giá trị. Như chúng ta biết thánh Đa Minh đã bắt đầu thiết lập đan viện thánh Xi-tô như thế nào. Cha chuẩn bị nơi ở cho các nữ đan sĩ và làm thế nào mà Cha thuyết phục được họ di chuyển đến đó, chấp nhận một đời sống khắc khổ hơn và tuyên giữ các lời khấn của Dòng Thuyết Giáo. Sau khi ổn định cuộc sống cho họ, Cha thường cùng một số anh em đi từ tu viện thánh Sa-bi-na đến đó mỗi tối (*cách nhau khoảng nửa giờ đi bộ*) để huấn luyện các

nữ đan sĩ. Sau một ngày bận rộn giảng thuyết và làm việc ở thành phố, thì các giờ huấn luyện ban đêm này cho thấy Cha Thánh đã rất quan tâm đến các con gái của mình. Ngoài ra, khi Cha Thánh hoạt động tông đồ ở Roma, người ta thấy Cha đi thăm viếng, khích lệ, động viên và hướng dẫn những phụ nữ mà thời đó sống ẩn dật, đơn độc trong những căn phòng nhỏ rải rác khắp các khu phố.

NGOẠI HÌNH CỦA THÁNH ĐA MINH

Trong số những người quen biết với Cha Thánh, chỉ có chị Xê-xi-li-a mô tả về đặc điểm và dung mạo của Cha. Ngay phần cuối cuốn *Những phép lạ* đã diễn tả rất hay về chân dung thánh Đa Minh. Những chứng cứ hiện nay chứng minh cụ thể những điều chị đã nói. Sau thế chiến thứ II, Đức Thánh Cha Piô XII đã cho phép các tu sĩ Đa Minh ở Bologna mang hài cốt của Đấng Sáng Lập Dòng đi xét nghiệm. Trong suốt thời chiến, họ đã cải táng thi hài Cha Thánh và đặt quan tài bằng gỗ chứa hài cốt Cha vào tầng hầm sâu rồi lấp những túi cát lấp lại. Sau chiến tranh, được phép Đức Thánh Cha, Giám Tỉnh Tỉnh Dòng Lombardy đã cho xét nghiệm hài cốt đó bằng tia X-quang, nhưng Đức Thánh Cha không cho phép mở quan tài ra. Người ta đã chụp được nhiều tấm hình từ nhiều góc độ khác nhau. Hầu hết các xương vẫn còn sau 700 năm. Các bác sĩ và các nhà nhân chủng học có thể nghiên cứu những tấm ảnh đó và đưa ra một mô hình khá chính xác về bộ xương và đặc điểm về thể lý của thánh Đa Minh. Đức Thánh Cha rất hài lòng về kết quả đó, nên đã cho phép mở quan tài chứa đầu của Cha Thánh để kiểm tra kỹ hơn.

Trong một thời gian dài, các sử gia đã nghi ngờ những ghi nhớ của chị Xê-xi-li-a. Vì họ cho rằng chị đã quá già khi kể những chi tiết đó cho người khác chép; và chị đã nói phóng đại. Nhiều điều có vẻ như gượng ép. Chắc chắn chị đã không thể kiểm soát nổi trí tưởng tượng của mình. Tuy nhiên, việc nghiên cứu di tích đã giải tỏa những nghi vấn này, ít ra cũng giống những điều chị đã nói về dung mạo của thánh Đa Minh. Những điều chị kể đã được các cuộc xét nghiệm khoa học chứng minh là đáng tin cậy. Chị nói Cha Thánh có chiều cao trung bình (*việc đo lường cho thấy Cha cao độ 1^m68*) và dáng khoan thai, gương mặt đẹp, hồng hào, tóc và râu màu vàng hung đượm sắc đỏ. Cha Thánh không hề bị hói đầu mặc dù có vài vết xám trên mái tóc. Ở đáy quan tài, các nhà xét nghiệm đã tìm thấy một vài sợi tóc của Cha: màu tóc giống như chị Xê-xi-li-a đã mô tả. Chị kể tiếp: “Từ đôi mắt Cha phát ra một vẻ sáng ngời để làm cho nhiều người kính trọng và thán phục. Đôi mắt của Cha to và đẹp”. Xương sọ của thánh Đa Minh cho thấy hốc mắt rộng đúng như chị Xê-xi-li-a mô tả. Với những giám định khoa học và những điều mà chị Xê-xi-li-a mô tả, một nghệ nhân đã tái tạo chân dung của thánh Đa Minh. Chân dung này ít ra cũng khớp với thực tế về kích thước, hình dáng và sự cân đối. Chị Xê-xi-li-a còn thêm: “Cha có đôi tay dài và rắn chắc, giọng nói mạnh mẽ và rõ ràng, Cha luôn mỉm cười, ngoại trừ trước nỗi đau của người khác”. Từ trước đến nay, có rất ít vị thánh có dung mạo được mô tả chính xác như vậy.

ĐẶC ĐIỂM TÂM LINH CỦA THÁNH ĐA MINH

Tuy nhiên, chúng ta sẽ quan tâm nhiều hơn những đặc điểm tâm linh của thánh Đa Minh. Về vấn đề này, chúng ta cũng rất may mắn. Một trong những đặc tính nổi bật của Cha Thánh là tính tư tế. Cha đã biểu lộ đặc tính này qua mọi giai đoạn trong cuộc sống. Hầu như chúng ta phải nói rằng Cha Thánh sinh ra đã là một linh mục. Khi lên 7 tuổi, cậu bé Đa Minh đã được giáo dục dưới sự hướng dẫn của cậu mình là một linh mục. Sự giáo dục đó không nhằm đào tạo một cậu bé sau này cầm gươm tham gia trận chiến; nhưng để trở thành một linh mục. Đa Minh học tiếng Latinh, học hát và phụng vụ ở Palencia. Sau đó, cậu ghi danh vào học tại một trường Công Giáo, ở đây, lòng mê say của Đa Minh đối với các giáo huấn của Giáo Hội được biểu lộ. Tuy nhiên, cậu không thể học chúng cách đầy đủ được. Sau khoá học quy củ về triết lý, Đa Minh vội chuyển sang môn thần học và học trong bốn năm. Ngày nay, đây là điều thông thường đối với các ứng viên linh mục; nhưng 5 thế kỷ trước đây, bốn năm thần học là điều hoạn hiếm. Cha thường thức đêm để học và nghiên cứu những môn học về tín lý. Các lề sách đầy những ghi chú do Cha viết.

Khi thánh Đa Minh đã gia nhập kinh sĩ đoàn ở Osma, nơi Cha đã khẩn không bao lâu sau khi lãnh chức linh mục, Cha vẫn tiếp tục công việc nghiên cứu. Nhưng bây giờ là những nghiên cứu của một linh mục chiêm niệm, say mê tìm hiểu để thấm nhuần các chân lý đức tin với sự trợ giúp của ơn khôn ngoan và thông hiểu, sự soi dẫn của Chúa Thánh Thần. Những đạo lý mạc khải đã thấm nhuần vào chính trọng tâm đời sống tâm linh của Cha Thánh trước khi Cha trở thành một người tông đồ. Khi Cha đã chuẩn bị đầy đủ và được Chúa soi sáng, Cha đi đến miền Nam nước Pháp. Cha hoạt động ở đây suốt 12 năm (1205-1217) để bênh vực và giảng truyền đức tin. Vì vậy chúng ta không lạ gì ngay khi thánh Đa Minh lập Dòng, Cha đã chuẩn bị kỹ cho anh em học hỏi và yêu mến đạo lý mà anh em phải truyền giảng.

Lòng mến của thánh Đa Minh đối với chân lý đức tin đã nuôi dưỡng trong Cha tình yêu sâu đậm đối với Thầy Chí Thánh, hình ảnh của Chúa Cha, sự khôn ngoan của Thiên Chúa, hiện thân của tất cả các màu nhiệm và học thuyết của Giáo Hội. Chúng ta không thể yêu mến đức tin của mình nếu không biết yêu mến Đức Kitô. Một nhà thần bí Đa Minh lỗi lạc, chân phước Henry Suso, tác giả của *Tiểu phẩm sự khôn ngoan Thánh*, một trong những tác phẩm hay nhất về khoa thần bí Tây phương, đã đề cập đến Thiên Chúa như một Đấng Khôn Ngoan thánh thiện.

Lòng mến của thánh Đa Minh đối với Đức Kitô thể hiện qua lời cầu nguyện của Cha. Chân phước Jordan Saxony kể rằng: “Cha dành ban ngày cho tha nhân, ban đêm cho Thiên Chúa. Cha thức thâu đêm để cầu nguyện trong nhà nguyện. Ở đó Cha đến bên bàn thờ và Thánh Thể. Khi quá mệt mỏi, Cha thường dựa vào bàn thờ, như tựa vào Thiên Chúa được tượng trưng bằng bàn thờ”.

Thánh phụ rất yêu mến Thánh Lễ, Cha cử hành Thánh Lễ mỗi ngày, và hát lễ khi có thể. Cha luôn luôn xúc động trước màu nhiệm thánh đang tái diễn đến độ nước mắt chảy dài trên đôi má. Chúng ta không ngạc nhiên khi Cha thiết lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo như một Dòng Phụng Vụ. Một trong những phương thế chính mà Cha đặt ra để thực hiện mục đích của Dòng là cử hành long trọng Các Giờ Kinh Phụng Vụ (*đối với anh em trợ sĩ, các nữ tu hoạt động và huynh đoàn Đa Minh thì đọc Giờ Kinh Phụng Vụ kính Đức Mẹ*). Các Giờ Kinh Phụng Vụ bắt nguồn từ Thánh Lễ: cao điểm của phụng vụ. Thánh lễ là viên kim cương, còn Các Giờ Kinh Phụng Vụ là khung để gắn viên kim cương đó. Các Giờ Kinh Phụng Vụ dẫn vào Thánh Lễ và tiếp theo sau Thánh Lễ. Nó chuẩn bị cho Thánh Lễ và đem hiệu quả của nó cho ta suốt cả ngày.

Vì yêu mến Đức Ki-tô, thánh Đa Minh luôn mang theo mình sách Tin Mừng theo thánh Mát-thêu và các thư của thánh Phao-lô. Với cuốn Tân Ước gọn nhẹ, có lẽ chúng ta sẽ nói: “Ồ ! đó chẳng phải là kỳ công, tại sao người không mang toàn bộ cuốn Kinh Thánh?”. Ngày nay chúng ta có thể dễ dàng làm như vậy: nhưng vào thời đó, đây là một vấn đề hết sức khó khăn vì các sách phải viết tay, rất kèn càng và đắt tiền. Nếu là sách nhỏ thì chữ viết phải rất bé. thánh Đa Minh đã mang theo mình những quyển sách Cha quý nhất, chúng nói rất rõ về Thiên Chúa cứu độ của chúng ta. Chân phước Jordan Saxony nói thánh Đa Minh đã đọc những sách này nhiều lần đến độ Cha thuộc lòng.

Lòng tôn thờ Thiên Chúa của thánh Đa Minh đã đưa tâm hồn Cha chìm sâu trong màu nhiệm thương khó. Nhiều nhân chứng ở Toulouse và Bologna đã làm chứng rằng thánh Đa Minh đã cầu nguyện hầu như suốt đêm. Cha bị xúc động đến nỗi Cha thường kêu lớn tiếng. Một số nhân chứng được hỏi là tại sao họ biết như vậy. Tu sĩ Rudolph Faenza trả lời: “Tôi biết điều này vì tôi muốn xem Cha đã làm gì trong nhà thờ vào ban đêm. Thế nên, tôi đã núp phía sau cây cột trong nhà thờ và lắng tai nghe Cha”. Cha luôn cầu xin và làm việc đền tội cho các tội nhân: “Ôi lạy Chúa, xin thương đến dân Ngài... các tội nhân rồi đây sẽ ra sao?”. Chân phước Jordan viết: “Tâm hồn Cha là cung thánh của lòng cảm thương, nơi Cha dâng lên Thiên Chúa mọi nỗi thống khổ của nhân loại. Xen giữa những lời cầu tha thiết, Cha thường phạt xác”.

Thánh Đa Minh còn thể hiện việc đền tội bằng những bữa ăn thanh đạm. Trong khi anh em dùng hai món ăn cho bữa ăn tối, Cha chỉ dùng một món. Cha thường ăn xong trước mọi người, sau đó tiếp tục nghe đọc sách; nhưng vì quá mệt mỏi nên Cha thường ngủ gục tại bàn ăn. Ngoài việc ăn uống kham khổ, thức trắng đêm và mặc áo nhặm, Cha còn đeo một dây xích sắt quanh lưng. Lúc qua đời, tu sĩ Rudolph Faenza đã thấy sợi xích và trao cho tu sĩ Jordan. Cha làm những việc khắc khổ này vì Cha khao khát được tham dự vào cuộc khổ nạn của Chúa Ki-tô, góp phần vào việc cứu độ các linh hồn. Cha đã yêu mến các linh hồn biết bao. Họ là những chi thể của nhiệm thể Chúa Ki-tô đã được Bửu huyết của Người cứu chuộc. Không thể

yêu mến Chúa Ki-tô cách sâu xa khi không yêu thương các linh hồn. Nếu chúng ta không yêu mến các linh hồn, chúng ta không thể làm gì cho ơn cứu độ của họ được, và tình yêu của chúng ta đối với Đức Ki-tô sẽ hời hợt và nông cạn. thánh Đa Minh hiểu, như lời của Đức Maria ở Fatima, rằng: “Nhiều linh hồn sẽ sa hoả ngục vì không có ai hy sinh đền tội cho họ”. Thánh phụ duy trì những giờ canh thức nghiêm trang một mình vào ban đêm để cầu xin cho hoạt động tông đồ đạt được hiệu quả mà ban ngày Cha đã hằng say theo đuổi.

Thánh Đa Minh ao ước trở thành nhà truyền giáo, mưu tìm ơn cứu độ cho các linh hồn. Trong những năm cuối đời (*sau khi Cha đã lập Dòng*), Cha luôn đề cập đến việc đi rao giảng cho người lạc giáo. Lần đầu tiên khi rời Tây Ban Nha, cùng với Đức Giám Mục giáo phận Osma sang đón công chúa Đan mạch về cho Hoàng Tử nước Tây Ban Nha, thánh Đa Minh và Đức Cha đã lên miền bắc cùng với Đức Tổng Giám Mục ở Lund đang nỗ lực tổ chức một cuộc truyền giáo trong vùng Baltíc. thánh Đa Minh và Đức Cha Diego đã biết về những người lạc giáo trong vùng Prussia, Lithuania và Esthonia qua những bản tường thuật từ miền Đông gửi về Đan Mạch. Cha Thánh không bao giờ quên những người lạc giáo này. Cha cũng nhớ tới những người Moors sống trên quê hương Tây Ban Nha, và người Cuman Tartars ở Hung-ga-ri. Cha hứa với tu sĩ William of Montferrat, người môn đồ trẻ, rằng hai Cha con sẽ cùng nhau đi truyền giáo khi Dòng đã được thành lập vững vàng. Cha có ý định bắt đầu để râu. Việc thành lập Dòng đòi hỏi nhiều thời gian hơn Cha dự định. Và vì vậy, Cha đã không bao giờ trở thành một nhà truyền giáo được. Cha truyền lại nhiệt tâm tông đồ này cho con cái. Tu sĩ William of Montferrat là một trong những anh em tiên phong đi truyền giáo cho người Saracents vùng Pa-lét-tin. Dòng Đa Minh đã từng là một Dòng truyền giáo lớn. Ngày nay, có khoảng 20% số thành viên của Dòng đang hiện diện trên cánh đồng truyền giáo ngoài quốc.

Những người quen biết thánh Đa Minh kể rằng Cha muốn cống hiến đời mình cho các linh hồn nếu cần. Với lòng quả cảm, Cha đã đi giảng dạy trong các vùng thuộc phái An-bi. Nhiều lần Cha biết kẻ thù đang tìm cách giết Cha, nhưng Cha vẫn tiếp tục cuộc hành trình. Một lần, họ bắt được Cha; nhưng họ thấy Cha không chút kháng cự. Họ hỏi: “Ông sẽ làm gì nếu chúng tôi thi hành “kế hoạch” của chúng tôi?”. Cha trả lời: “Tôi sẽ xin các ông hãy giết tôi bằng cách nào chậm nhất có thể, hãy cắt tôi ra từng miếng một để việc tử đạo của tôi được kéo dài vì lợi ích các linh hồn”. Vì thấy Cha quá mong được tử đạo nên họ đã không giết Cha. Nhưng Cha đã tử đạo bằng khát vọng.

Khi còn là sinh viên ở Palencia, lòng nhân ái đã thôi thúc Cha bán sách để giúp người đang đói khát. Trên đường đi Đan Mạch, thánh Đa Minh đến Toulouse, Cha vào một quán trọ của người lạc giáo. Mặc dù đã đi suốt ngày bằng qua một vùng đất xa lạ, nhưng Cha Thánh vẫn thức trắng đêm để thuyết phục và hoán cải ông chủ quán. Cuối cùng sau nhiều năm hoạt động trên vùng đất của người An-bi, Cha Thánh nhận thấy một mình không thể

cứu vớt tất cả những linh hồn này được. Ý tưởng thành lập một Dòng Giảng Thuyết dần dần triển nở trong tâm trí Cha.

Là một linh mục nhân từ, nhưng thánh Đa Minh kiên quyết trong việc sửa lỗi. Đây dường như là một đặc điểm của các giáo sĩ, vì việc sửa lỗi là một sự yêu thương lớn lao dành cho linh hồn làm lỗi. Tu sĩ Rudolph Faenza mô tả đặc tính này của thánh Đa Minh như sau: *“Cha Thánh luôn vui vẻ để chịu, Cha là niềm an ủi cho anh em, Cha có lòng nhẫn nại, thương cảm và quảng đại. Dù thấy anh em phạm bất cứ lỗi gì, Cha cũng đều làm ngơ như thể mình không nhìn thấy. Nhưng sau đó Cha mới ôn tồn nói: “Này anh, anh nên nhận lỗi”. Bằng những lời tế nhị, Cha đã khiến cho mọi anh em đều hối hận và thú nhận lỗi lầm của mình”*.

Mặc dù Cha thẳng thắn sửa phạt người phạm lỗi, nhưng họ vẫn cảm thấy được an ủi vì thái độ khiêm tốn của Cha. Cha sửa phạt khi cần thiết bằng một thái độ cương quyết với việc đền bù tương xứng. Cha có thái độ tế nhị đối với tâm hồn phạm luật. Vì vậy Cha không làm nhục ý chí của người khác. Tu sĩ Paul of Venice làm chứng rằng:

“Bản thân Cha giữ luật cách khắt khe và nghiêm túc, đồng thời Cha khuyến khích và xin anh em cũng giữ như vậy. Cha thẳng thắn khi sửa phạt người có lỗi. Tuy nhiên, Cha khiến trách họ bằng sự kiên nhẫn và tế nhị, nên không ai thấy buồn phiền và chống đối khi được sửa dạy”.

Là một linh mục thánh thiện, thánh Đa Minh đã trở vượt trong việc khuyên dạy, cố vấn và an ủi. Các nguồn chứng cứ đã đề cập nhiều đến điều này. Tu sĩ Stephen of Spain, là sinh viên đại học khi thánh Đa Minh lần đầu tiên đến Bologna và được Cha Thánh trao tu phục, đã khẳng định rằng:

“Cả anh em và những người khác đều thấy, thánh Đa Minh là một người có khả năng khuyên bảo nhất khi họ bị cám dỗ”. Anh biết điều này vì khi mới vào đạo và khi là một tập sinh, anh thường gặp nhiều cám dỗ, nhưng anh hoàn toàn trở lại bình thản nhờ lời giảng và khuyên dạy của thánh Đa Minh. Nhiều tập sinh khác cũng đã nói với anh rằng họ cũng có những cảm nhận tương tự về thánh Đa Minh. Anh không bao giờ thấy ai hăng say phát triển Dòng, duy trì luật lệ và khuyên bảo anh em như vậy. Anh nghĩ sau này sẽ chẳng ai có được những đức tính này như thánh Đa Minh”.

Một nguồn dữ kiện cho thấy thánh Đa Minh có đời sống nội tâm mãnh liệt, Cha luôn tin tưởng tuyệt đối vào Thiên Chúa quan phòng. Xét theo khía cạnh con người, những năm hoạt động giữa những người thuộc phái An-bi là một bằng chứng rõ ràng cho thấy không mang lại lợi ích gì. Có những cuộc hoán cải nhưng không đáng kể. Con số người hoán cải không lên đến hàng ngàn hay hàng chục ngàn. Nhưng tin tưởng vào Chúa Quan Phòng, thánh Đa Minh vẫn kiên trì hoạt động trong nhiều năm mặc dù gặp rất nhiều khó khăn. Cha không ngừng hoạt động và trông chờ mùa thu hoạch. Không gặt hái được kết quả ở miền Nam nước Pháp nhưng Cha đã thu hoạch được kết quả sau khi Cha lập Dòng. Dòng của Cha vẫn không ngừng thu được lợi ích từ niềm tin thác của Cha trong tay Chúa. Khi mới chỉ có 16 anh em, Cha Thánh đã phân tán họ đi khắp

nơi, bất chấp lời khuyên của Đức Giám Mục Toulouse và Bá tước Simon de Montfort. Cha sai các anh em đến Paris, Tây Ban Nha, và Roma, mặc cho bạn bè lấy lời khôn ngoan của con người để cản ngăn. Họ nghĩ Cha đang phá hủy những gì mà Cha đã dày công xây dựng, làm tan rã Dòng mà Cha mới thành lập. Nhưng Thánh Nhân đã nhận được sự khôn ngoan siêu nhiên từ Chúa Thánh Thần. “Hạt giống, nếu đem cất giữ, sẽ hư đi, nhưng nếu được gieo vào lòng đất sẽ sinh hoa kết trái”. Chỉ hai năm sau khi đến Paris, Cha đã chiêu mộ được 30 anh em, thay vì 9 anh em lúc ban đầu. Vài năm sau, số anh em lên đến hàng ngàn người.

Ý hướng duy nhất là thánh Đa Minh muốn lập một Dòng Hành Khất, một Dòng không sở hữu tài sản và không có lợi tức. Cha tin vào sự quan phòng của Thiên Chúa đến nỗi Cha không muốn anh em dự trữ thực phẩm quá nhu cầu mỗi ngày. Đó là lý do tại sao anh em thỉnh thoảng lại nhịn đói. Lần kia, vì lòng tin của Cha, Thiên Chúa đã làm phép lạ. Tại Bologna cũng như tại Roma, khi các anh em mới gia nhập Dòng còn lạ nên không xin được đủ bánh. Khi đến giờ, mọi người tập trung tại nhà ăn như thường lệ mà trên bàn chẳng có gì. Thánh Phụ vẫn mời anh em đọc kinh và ngồi vào chỗ như thường. Một bữa như thế ở Roma, bỗng nhiên, có Thiên Thần đến phân phát bánh cho mỗi người. Đó là câu trả lời cho thấy thánh Đa Minh tin thác vào Chúa Quan Phòng. Khoảng 20 năm sau khi Cha Thánh qua đời, Luật Dòng ít khắt khe hơn và cho anh em được dự trữ thực phẩm đủ cho một năm. Phải chăng khi đó anh em thiếu niềm tin thác? hay Dòng đã phát triển quá nhanh? Vào cuối thế kỷ XIII, lòng hảo tâm của người dân đã giảm sút nên anh em cần phải dự trữ lương thực như vậy.

NOI GƯƠNG THÁNH ĐA MINH

Tính chất tự tế làm cho thánh Đa Minh yêu mến những đạo lý của Giáo Hội, lòng Cha yêu mến Thiên Chúa thể hiện đối với Thánh Lễ và Thánh Thể, qua việc Cha hãm mình phạt xác noi gương Chúa Ki-tô đau khổ, qua lòng yêu thương các linh hồn, qua khả năng khuyên nhủ và hướng dẫn người khác, qua niềm tin thác nơi Thiên Chúa Quan Phòng. Tính tự tế là đặc tính chính của Cha. Có lẽ các anh em trợ sĩ, các nữ đan sĩ, các nữ tu hoạt động và huynh đoàn giáo dân sẽ nói: “Sao ta có thể theo gương Cha ở điểm này được?”, “Sao ta có thể bắt chước mẫu tự tế của Cha được?” Bí Tích Rửa Tội đã khắc ghi dấu chứng Ki-tô Giáo vào tâm hồn người lãnh nhận, dấu chứng của Đức Ki-tô, Linh Mục đời đời. Nó cho người lãnh nhận được tham dự vào chức vụ tự tế của Đức Ki-tô và vào việc phụng tự thánh trong Giáo Hội. Theo chiều hướng này, mọi người Đa Minh có thể sống theo tính cách tự tế của Cha Thánh: yêu mến đạo lý của Giáo Hội, yêu mến sự đau khổ của Đức Ki-tô, tha thiết với Thánh Lễ và Thánh Thể, yêu mến các linh hồn và tin tưởng vào Thiên Chúa Quan Phòng.

Người Đa Minh, phải luôn kính yêu thánh Tổ Phụ. Cha có đủ quyền thế cầu thay nguyện giúp cho chúng ta. Trước hết, chúng ta không cầu nguyện để xin cho được của cải vật chất. Nhưng nhờ Cha Thánh, chúng ta sẽ nhận

được ân huệ thiêng liêng: khả năng hiểu biết, và sống tốt đời sống Đa Minh, cũng như lòng nhiệt thành đối với các linh hồn.

Các tu sĩ Đa Minh phải đến với thánh Đa Minh, vì Cha mãi mãi là một Linh Mục. Ở trên trời, Cha vẫn luôn phù trợ như xưa kia. Cha vẫn có thể khuyên dạy, hướng dẫn và giúp đỡ các linh hồn. Khi gặp khó khăn, chúng ta hãy đến với vị linh mục này. Hỡi các tu sĩ Đa Minh, hãy đến với thánh Đa Minh, vị linh hướng. Hãy đến với Cha vì đó là Cha của anh em. Cha mẹ trên trời hằng dõi theo đoàn con nơi dương thế, hiểu biết những nhu cầu và khó khăn của con cái, và sẵn lòng giúp đỡ. Mối tương quan linh thiêng đã liên kết thánh Đa Minh với con cái của Cha. Các lời khẩn của người tu sĩ và lời hứa của người thuộc Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh làm cho họ trở nên con cái nam nữ của thánh Tổ Phụ. Khi thỉnh cầu, họ nên nhắc Cha Thánh về điều đó. Họ phải đến với Cha, nài xin phúc lành thiêng liêng, xin ơn chiêm niệm, xin biết sống đời tu Đa Minh trên đường nên thánh. Họ phải nhắc Cha rằng Cha đã hứa sẽ nhận lời họ. Đó là khi anh em buồn rầu tụ tập bên Cha lúc Cha đang hấp hối, và xin Cha nhớ cầu nguyện cho họ. Cha đã trấn an họ bằng những lời sau: “Cha sắp ra đi đến nơi mà ở đó Cha sẽ làm ích cho các anh em hơn khi Cha còn tại thế”.

Lạy Cha Đa Minh, xin Cha thực thi lời Cha đã hứa...

CHƯƠNG 3

ĐỜI SỐNG ĐA MINH LÀ SỐNG CHIÊM NIỆM

Dominican life is contemplative

Ki-tô hữu là hình ảnh của Đức Ki-tô. Người Đa Minh là hình ảnh của thánh Đa Minh. Khi còn là một kinh sĩ ở Osma, trước khi trở thành một tông đồ, thánh Đa Minh đã là một người chiêm niệm. Chân phước Jordan Saxony đã miêu tả những năm Cha Thánh ở Osma như sau: “Ngày và đêm Cha thường hay tới nhà nguyện và cầu nguyện không ngừng. Để dành thời gian cho việc chiêm niệm, Cha ít khi ra khỏi tu viện”. Sau đó thánh Đa Minh đi đến miền Nam nước Pháp để bắt đầu hoạt động tông đồ. Cha trở thành một tông đồ nhưng vẫn không ngừng chiêm niệm. Viện phụ William Peter thuộc đan viện thánh Phao-lô ở Toulous, một người đã từng quen biết với thánh Đa Minh, đã xác nhận là chưa bao giờ ngài thấy ai cầu nguyện và khóc nhiều như Cha Đa Minh. Lời cầu nguyện của Cha mãnh liệt đến nỗi đã làm cho Cha thốt lên lớn tiếng: “Lạy Chúa, xin hãy đủ lòng thương xót Dân Chúa... Các tội nhân rồi sẽ ra sao?”

DÒNG ĐA MINH LÀ CHIÊM NIỆM

Thánh Đa Minh đã thiết lập một Dòng mà mọi ngành đều sống chiêm niệm: Anh em, Chị em đan tu, nữ tu hoạt động, hội viên các tu hội đời, và huynh đoàn các giáo sĩ, giáo dân Đa Minh. Bất cứ người Đa Minh nào không tha thiết trở thành một người chiêm niệm thì không sống trọn vẹn tinh thần Đa Minh của mình.

Một số người cho là không thể kết hợp đời sống chiêm niệm và đời sống hoạt động được, bởi vì mỗi đời sống đòi hỏi phải dồn hết tâm lực vào. Nếu đời sống cầu nguyện đòi hỏi tất cả sự chú tâm của một người, thì đời sống hoạt động cũng đòi hỏi phải chú tâm như thế. Khi thánh Đa Minh lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo, một số người nói rằng không thể có một Dòng mang cả hai đặc tính trên. Vì từ lâu, họ đã chỉ biết hai loại Dòng. Đó là những Dòng chiêm niệm như: Biển Đức, Xi-tô, Xác-trơ, Prê-mông-trê,... chuyên cầu nguyện, không bao giờ ra khỏi tu viện kèm theo lời khấn vĩnh cư sống trong một đan viện suốt đời. Những Dòng chuyên hoạt động như Dòng: Hiệp Sĩ Đèn Thờ, Hiệp Sĩ của thánh Gioan,... những Dòng điều hành các bệnh viện và các quán trọ... Chỉ có các kinh sĩ sống thành cộng đoàn vừa sống đời chiêm niệm vừa đảm nhận một tác vụ thuộc giáo xứ trong giáo phận.

thánh Đa Minh đã lập nên một Dòng mới, một Dòng vừa sống đời cầu nguyện liên li, nhưng vẫn dấn thân hoạt động tông đồ. Chính bản thân Cha đã chứng minh rằng có thể là một tu sĩ chiêm niệm trọn vẹn nhưng cũng là một tông đồ nhiệt thành. Nhưng khi kết hợp hai lối sống này thì người tông đồ bao giờ cũng phải dành ưu tiên cho chiêm niệm. Đó phải là chiêm niệm

Ki-tô giáo, suy niệm về các mầu nhiệm cứu độ: lòng khao khát cứu độ tất cả các linh hồn của Đức Ki-tô, cái chết của Chúa trên Thập Giá để cứu chuộc các tội nhân, Tình yêu của Chúa Cha khi sai Đức Ki-tô đến với chúng ta. Cách cầu nguyện này làm cho người Đa Minh trở thành tông đồ. Người chiêm niệm tìm kiếm ơn cứu độ cho tha nhân bởi vì họ giống như những Ki-tô hữu tiên khởi: “nhìn thấy tha nhân là nhìn thấy Thiên Chúa”.

Thánh Đa Minh cầu nguyện theo cách đó. Chân phước Jordan Saxony viết: “thánh Đa Minh dành ban ngày cho tha nhân và ban đêm dành trọn vẹn cho Thiên Chúa”. Cha cầu nguyện thâu đêm đến nỗi hầu như Cha chẳng cần chiếc giường để nghỉ ngơi. Thực vậy nhiều anh em xác nhận rằng: Cha không bao giờ có giường riêng. Khi quá mệt mỏi, Cha nằm ngủ trên một chiếc ghế hay trên một nền nhà hoặc dựa vào bàn thờ, có khi gục trên bàn ăn. Ban đêm Cha cầu nguyện cho đến khi thân xác mệt mỏi. Khi quá buồn ngủ, Cha gối đầu trên một cục đá giống như tổ phụ Gia-cóp ngày xưa. Chân phước Jordan viết tiếp: “Sau giấc ngủ ngắn, Cha tỉnh dậy và tiếp tục cầu nguyện sốt sắng. Cha thực sự là người chiêm niệm đúng nghĩa. Do đó con cái của Cha cũng phải là những người chiêm niệm”.

Chiêm niệm là mục đích chính của Dòng. Người Đa Minh không chiêm niệm vì muốn trở thành tông đồ. Điều đó sẽ khiến chiêm niệm trở thành một phương tiện cho một mục đích. Trong khi đó chiêm niệm cao trọng đến nỗi nó không thể lệ thuộc vào bất cứ cái gì thấp hơn. Người Đa Minh tìm thấy ích lợi của chiêm niệm, bởi vì chiêm niệm kết hợp họ với Thiên Chúa: “Trước hết hãy lo tìm Nước Thiên Chúa và sự công chính của Ngài, còn những điều khác Ngài sẽ ban cho sau” (Mt 6, 33).

CHIÊM NIỆM LÀ NGUỒN MẠCH CỦA SỨ VỤ TÔNG ĐỒ

Khi cầu nguyện, người Đa Minh mong cho lời cầu nguyện của mình trở nên thâm sâu và phong phú, đem lại ân sủng và sức mạnh thiêng liêng cho tâm hồn để họ lại chia sẻ những hồng ân ấy cho tha nhân. Cuộc đời của người Đa Minh là hình ảnh của một giếng nước sâu, nguồn nước tinh khiết dâng lên dần dần tới thành giếng, rồi lên đến miệng giếng, tràn ra tưới khắp cánh đồng. Khi tưới những cánh đồng, giếng đó không bao giờ cạn cho dù nó cho đi sự phong phú của mình. Người Đa Minh phải thánh hóa chính bản thân mình trước khi có thể giúp đỡ tha nhân. Mục đích của Dòng cho mọi ngành là một sự chiêm niệm mà phải sinh hoa kết trái trong hoạt động tông đồ. Đời sống của người Đa Minh là một đời sống ẩn náu trong Thiên Chúa với Đức Ki-tô, sống trong sự thanh vắng và tĩnh lặng của tu viện. Ở đó, người Đa Minh sống một mình với Thiên Chúa trong khi các hoạt động bề ngoài là một âm vang của sự tĩnh lặng nơi tu viện.

Người Đa Minh lên toà giảng, đến lớp học hay vào phòng bệnh, vì đức vâng lời, vì nhiệt tâm tông đồ khao khát cứu độ các linh hồn. Người Đa Minh không làm những công việc này vì đam mê tự nhiên để luyện tập tài năng hay thoả mãn cá tính của mình. Dĩ nhiên, điều này không có nghĩa là nếu một linh mục thích giảng thuyết thì Ngài không được thích thú nó nữa, cũng như

nếu một người thích dạy học có nghĩa là người ấy phải tiết chế sự vui thích mà chính mình cảm nhận được. Những điều này chỉ có nghĩa rằng: động lực khi đi làm việc như vậy không phải là sự thoả mãn cá nhân nhưng là vì vinh quang Thiên Chúa và lợi ích cho tha nhân.

Tất cả những động lực khác thúc đẩy người Đa Minh đi làm việc tông đồ thì kém giá trị hơn. Thánh Tô-ma diễn tả một cách nhạy bén về sự thất bại của hầu hết các tu sĩ, những người đã dấn thân cho sứ vụ tông đồ như sau: “Họ bị cuốn hút tham gia vào những hoạt động bề ngoài từ sự chán chường mà họ cảm thấy trong đời sống chiêm niệm, hơn là từ một ước muốn là đạt đến sự viên mãn trong tình yêu Thiên Chúa” (*De perf vitae sp, c 23*). “Có một số người không còn tự do dành cho việc chiêm ngắm Thiên Chúa nữa và họ quá say mê những công việc trần thế. Nơi những người này rõ ràng là có quá ít hoặc không có đức ái” (*De Carit, a 11; ad 6*).

Thánh Tô-ma nhận ra rằng không chỉ có những người ham mê hoạt động vì nhàm chán đời sống chiêm niệm, nhưng còn có cả những người chiêm niệm vì ích kỷ nữa. Ngài viết: “Họ quá thích thú chiêm ngắm Thiên Chúa đến nỗi họ không còn muốn từ bỏ, thậm chí không muốn hiến dâng đời mình cho công việc phục vụ Thiên Chúa trong việc cứu độ tha nhân” (*De carit, a 11; ad 6*).

Người Đa Minh đích thực không thuộc vào những mẫu này; nếu tha nhân không có nhu cầu thì người Đa Minh sẽ ở lại trong tu viện với Thiên Chúa. Nhưng nếu vì nhu cầu khẩn thiết của tha nhân, người Đa Minh phải sẵn lòng trao ban những hoa quả của chính đời sống nội tâm mình cho họ. Nơi người Đa Minh có một tương quan mật thiết giữa lời cầu nguyện và sự mong muốn hoạt động tông đồ. Điều này phân biệt người Đa Minh với một đan sĩ chiêm niệm thuần túy. Đan sĩ này có thể tiến xa hơn về đức vâng lời, như thánh Béc-na-đô nói, để cứu độ tha nhân. Vì người Đa Minh nhận ra chính Thiên Chúa ở nơi tha nhân, nên họ đã được việc chiêm niệm thúc bách phải đem những người anh em đó về với Thiên Chúa, như thánh Tô-ma nhận xét:

“Trong tinh thần chiêm niệm sâu xa, tu sĩ tự hiến mình vì danh Chúa, cho ơn cứu độ của tha nhân. Bởi vậy, đây là một bằng chứng của đức ái hoàn hảo hơn đối với tình yêu Thiên Chúa và tha nhân, để sẵn sàng ra đi vì ơn cứu độ của người khác. Tuy nhiên, trong trường hợp này, việc chiêm niệm có thể bị giảm bớt phần nào; nhưng vẫn tốt hơn là muốn sự ngọt ngào của sự chiêm niệm khi không sẵn sàng hy sinh nó thật chí vì ơn cứu độ của tha nhân”. (*De perf. vitae sp, c 28*).

Lòng nhiệt thành cứu độ các linh hồn thúc đẩy người Đa Minh mang đến cho họ một sứ điệp đã được sung mãn trong suy niệm trước nhan Thiên Chúa, một sứ điệp đã được thành hình nơi cung thánh, cung nguyện và tu viện.

Lý tưởng đi tìm thứ chiêm niệm được sinh hoa kết trái trong hoạt động tông đồ, đã được diễn tả cụ thể trong luật quản trị rất cổ xưa dễ hiểu và tốt

đẹp của Dòng Đa Minh. Lý tưởng này phát xuất trực tiếp từ đời sống của thánh Đa Minh. Các nhân chứng kể rằng: “Cha Thánh chỉ nói với Chúa và nói về Chúa”. Tu sĩ Stephen kể rằng:

“Chính vì thói quen luôn nói về Chúa hay nói với Chúa, dẫu khi ở trong hay ngoài tu viện hoặc đang trong hành trình, thánh Đa Minh đã hằng say thúc giục anh em hãy luôn nói về Chúa hay với Chúa, và Cha đã đem điều này vào Hiến Pháp”.

Như vậy, khi nói về Chúa, trong đàm đạo hay thuyết giảng, việc chiêm niệm từ tâm hồn cầu nguyện của Cha Thánh tác động đến người nghe.

Các thánh Dòng Đa Minh đã học được điều này từ Cha Thánh. Họ cũng nói với Chúa và nói về Chúa. Chân phước Raymond Capua viết điều này nơi thánh Ca-ta-ri-na Xiê-na như sau:

“Giả sử có người thông thái sẵn sàng nghe thì thánh nữ sẽ nói với họ về Chúa liên tục 100 ngày đêm không cần nghỉ ngơi, ăn uống. Thánh nữ không biết mệt mỗi khi nói về Chúa. Trái lại càng nói, thánh nữ càng cảm thấy sôi nổi và nhiệt tình hơn. Rất nhiều lần thánh nữ đã nói với tôi là đối với thánh nữ không có gì bình thản trong cuộc sống cho bằng nói và tranh luận về Chúa với những người hiểu biết, và bất cứ ai đã từng giao tiếp với chị đều có cảm nghiệm như vậy”.

Chân phước Raymond còn kể rằng: “Một lần kia, tôi ngủ gật đang khi nghe thánh nữ nói về Chúa. Thánh nữ đã đánh thức tôi với lời khiển trách: “Phải chăng đây không phải là những gì mà Cha cần đến cho ơn cứu độ linh hồn của mình sao?”

Thánh Tô-ma đã giải thích có tính thần học về phương châm của Dòng khi nói một tu sĩ hoạt động tông đồ phải: “Chiêm niệm và trao ban cho người khác hoa trái chiêm niệm của mình”. Người tông đồ Đa Minh luôn phải nói với Chúa và nói về Chúa.

CHIÊM NIỆM – GIA SẢN CỦA ĐỜI SỐNG ĐA MINH

Có thể chứng minh rằng Dòng Đa Minh là một Dòng chiêm niệm không? Trước hết, điều này có thể được thực hiện bằng việc xem xét hình thức của Dòng mà thánh Đa Minh đã lập: một hội Dòng của cộng đoàn Kinh Sĩ. Sắc lệnh phê chuẩn được Đức Thánh Cha Hô-nô-ri-ô III công bố vào ngày 22.12.1216 mở đầu bằng cụm từ *Religiosam vitam* (*đời sống tu trì*). Hàng trăm sắc lệnh tương tự cũng đã mở đầu bằng những cụm từ này và cùng một nội dung như vậy. Có những khác biệt về chi tiết nhưng luôn luôn qui chiếu về luật kinh sĩ. Bản phận chủ yếu của các kinh sĩ là chiêm niệm, phụng thờ Thiên Chúa Ba Ngôi. Sở dĩ có sự hiện diện của các cộng đoàn Kinh Sĩ là để cử hành việc thờ phượng của Giáo Hội theo một nghi thức long trọng. Họ qui tụ tại các nhà thờ chính toà để: cử hành nghi thức phụng vụ, tham dự Thánh Lễ trọng thể, hát Các Giờ Kinh Phụng Vụ nhân danh Giáo Hội. Họ là những người cầu nguyện một cách chính thức vì chính thuật ngữ *Religiosam Vitam* của Đức Thánh Cha Hô-nô-ri-ô III đã lưu ý Anh Em Thuyết Giáo rằng họ là những kinh

sĩ và vai trò chính của họ là phải thờ phượng Thiên Chúa theo thể thức chiêm niệm.

Thánh Đa Minh cũng áp dụng những nếp sống từ những dòng chiêm niệm, đan viện. Đó là đời sống cộng đoàn, tinh lặng, khổ chế bằng chay tịnh, cúi đầu trong cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ và Thánh Lễ, thú lỗi, mặc tu phục. Phần đầu của Hiến Pháp tiên khởi hầu như chỉ nói về những điều này. Cha thánh Đa Minh đã lấy những điều này từ Dòng Prêmôngtrê, mà Dòng này đã lấy từ Dòng Xi-tô, một dòng chiêm niệm rất nghiêm ngặt. Các nữ đan sĩ và các nữ tu hoạt động Đa Minh đã nhận những nếp sống tu trì này từ anh em. Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh cũng cúi mình khi đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Trong những giờ kinh riêng, người Đa Minh cũng cung kính cúi đầu khi đọc kinh Sáng Danh. Những nếp sống tu trì này là một dấu hiệu nhắc nhở người Đa Minh rằng họ phải là người chiêm niệm.

Phần thứ hai của Hiến Pháp tiên khởi cũng xác định rõ ràng tính cách chiêm niệm của Dòng. Phần này hướng dẫn việc giảng thuyết, học hành và hoạt động tông đồ; sai phái anh em ra đi giảng thuyết, một hình ảnh sinh động của sự nghiệp tông đồ chiêm niệm:

“Được tham gia vào sứ vụ tông đồ, chúng ta cũng chấp nhận nếp sống của các tông đồ theo hình thức thánh Đa Minh đã áp ủ là chung sống hoà hợp, trung thành trong việc khấn giữ các lời khuyên Tin Mừng, sốt sắng cử hành phụng vụ cộng đoàn, nhất là nhiệm tích Thánh Thể, Các Giờ Kinh Phụng Vụ và cầu nguyện, chuyên cần học hỏi và kiên tâm giữ kỷ luật tu trì. Tất cả những việc đó không những làm tôn vinh Danh Thiên Chúa và thánh hoá chúng ta, mà còn trực tiếp phụng vụ ơn cứu độ các linh hồn, vì chúng chuẩn bị và thúc đẩy việc giảng thuyết một cách hoà hợp, lại hun đúc việc giảng thuyết và ngược lại... Đó là nếp sống tông đồ đầy đủ ý nghĩa của nó, trong đó, lời giảng và đạo lý phải phát sinh từ sự sung mãn của suy niệm (HPNT §IV).

Sau khi lãnh nhận phép lành, họ ra đi như những người khao khát ơn cứu độ mình và tha nhân. Họ phải sống đạo đức, nét na như những người của Tin Mừng, bước theo chân Đấng Cứu Thế và chỉ nói với Chúa và nói về Chúa cho chính mình cũng như cho tha nhân”.

Hiến Pháp hiện hành cũng xác định những ý hướng đó và nhắc lại những lời của Hiến Pháp năm 1220:

“Như ai cũng biết, Dòng chúng ta được thành lập ngay từ đầu với mục đích là giảng thuyết và cứu độ các linh hồn... Mục đích này phải được theo đuổi bằng giảng thuyết và dạy học từ sự phong phú và sung mãn của suy niệm, theo gương thánh Đa Minh, Cha chỉ nói với Chúa và nói về Chúa vì ơn cứu độ của các linh hồn”.

“Những phương thế mà Thánh Phụ đặt ra để đạt đến mục đích: ngoài ba lời khấn vâng phục, khó nghèo và khiết tịnh còn có đời sống kỷ luật, nếp sống tu trì cử hành long trọng Các Giờ Kinh Phụng Vụ và chuyên cần học hỏi chân lý thánh. Chúng ta, không thể hủy bỏ hay thay đổi tận căn những phương thế

này mặc dù có thể được tu chỉnh (trừ ba lời khẩn) cho thích ứng hơn để đạt được mục đích và hiệu quả hơn”.

Thánh Đa Minh đã chọn *Tu Luật thánh Âu-tinh* như Tu Luật thích hợp nhất cho những mục đích của Dòng mà các tu sĩ của Dòng phải chiêm niệm. Vì vậy Tu Luật mở đầu bằng một lời nói nhằm đến cùng một mục đích quan trọng của Dòng là chỉ nói với Chúa và nói về Chúa: “Anh em thân mến, anh em hãy yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và sau đó hãy yêu thương tha nhân”. Đây là lời mời gọi chiêm niệm. Trước hết, Tu Luật hướng ta lên Thiên Chúa để chiêm ngắm Ngài trong sự chiêm niệm. Rồi sau đó, nó hướng ta ra đi, mang tình yêu của Chúa đến cho các linh hồn. Cha Humbert Romans, Bề trên tổng quyền thứ V, đã khéo léo áp dụng những lời này cho người giảng thuyết Đa Minh như sau:

“Đó là bổn phận của người giảng thuyết vào những lúc suy niệm những điều thuộc về Thiên Chúa, đồng thời cố gắng hoạt động cho tha nhân, người ấy sẽ dành tình yêu trước tiên cho Thiên Chúa, và kế đó là cho tha nhân... vì mỗi người có trách nhiệm đối với chính mình hơn là đối với tha nhân. Do đó, họ phải tạo cho mình sự an thái của đời sống chiêm niệm hơn là cho những hoạt động bên ngoài, giống như những người thợ của vua Sa-lô-môn nghỉ ngơi nhiều hơn làm việc. Người giảng thuyết phải tìm kiếm những điều thuộc về Thiên Chúa hơn là kiếm tìm những gì thuộc về tha nhân và họ phải giảng dạy cho mình hơn là cho người khác. Mến Chúa hơn yêu người, vì đó là giới răn lớn nhất và trọng nhất. Đúng như đã viết: “Trên hết mọi sự, anh em hãy yêu mến Thiên Chúa và sau đó yêu thương tha nhân”.

Những lời trong Tu Luật đã làm nổi bật sự cao cả và linh đạo của ơn gọi Đa Minh, ơn gọi này thúc giục ta thực hiện hai giới răn quan trọng nhất: *“Người phải yêu mến Thiên Chúa, Chúa các người hết lòng, hết linh hồn và hết tâm trí của người. Đó là giới răn thứ nhất và quan trọng nhất. Và giống như thế, người hãy yêu mến anh em của người như chính mình người”* (Mt 12,37-39).

CHIÊM NIỆM VÀ GIẢNG THUYẾT

Đặc tính chiêm niệm của Dòng được quảng diễn từ mục đích đặc biệt mà thánh Đa Minh đã chọn là giảng thuyết để cứu độ các linh hồn. “Hiến Pháp tiên khởi trình bày một cách rõ ràng mục đích này trong phần mở đầu: “Nên biết rằng ngay từ đầu, Dòng của chúng ta được thành lập chuyên giảng thuyết và cứu độ các linh hồn”. Sự truyền bá Lời Chúa cho các linh hồn đòi hỏi mọi người tông đồ phải có đời sống chiêm niệm. Thánh Phê-rô đã dạy chân lý này một cách rõ ràng khi chọn những vị phó tế đầu tiên, chỉ rõ những nhu cầu cho chức vụ mới, Ngài thay mặt nhóm Mười Hai tuyên bố:

“Không phải là điều đẹp lòng Thiên Chúa, nếu chúng ta từ bỏ Lời Thiên Chúa mà đi lo giúp việc bàn ăn. Vậy, hỡi anh em hãy tuyển chọn từ trong số anh em bảy người có tiếng tăm tốt, đầy Thần Khí và đầy khôn ngoan để

chúng tôi đặt họ phụ trách công việc này. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ chuyên lo cầu nguyện và phục vụ Lời Thiên Chúa” (Cv 6,2-4).

Chính thánh nhân đã muốn các trợ tế “hoạt động” phải chiêm niệm. Họ phải là những con người “đầy Thần Khí và đầy khôn ngoan”.

Thánh Đa Minh, vị tông đồ giữa những người An-bi đã chuyên “cầu nguyện và phục vụ lời Thiên Chúa”. Cha dành “ban ngày cho tha nhân còn ban đêm cho Thiên Chúa”. Trong phần chú giải Tu Luật, tu sĩ Humbert Romans đã trình bày thật tuyệt vời về những người con đầu tiên của Cha thánh Đa Minh đã noi gương vị sáng lập của mình:

“Tu sĩ phải là người chiêm niệm. Những điều giảng thuyết là chính những điều chiêm niệm. Nhận định về người giảng thuyết, chân phước Gregory nói: “Trong chiêm niệm, họ kín múc những chân lý, để rồi sau đó, họ sẽ đổ tràn ra trong giảng thuyết. Nhiệm vụ của những người giảng thuyết: Một mặt chuyên lo chiêm niệm những sự thuộc về Thiên Chúa và mặt khác tận tâm với những hoạt động vì lợi ích của tha nhân. Người giảng thuyết phải hiến mình cho cả hai đời sống: chiêm niệm và hoạt động. Nhưng vì mỗi người phải có trách nhiệm trước tiên với chính mình nên người giảng thuyết phải chuyên tâm sống đời chiêm niệm hơn là hoạt động”.

CHIÊM NIỆM TRONG ĐỜI SỐNG CỦA CÁC NỮ TU VÀ HUYNH ĐOÀN GIÁO DÂN ĐA MINH

Tất cả những gì mà chúng ta đã nói về chiêm niệm đều có thể áp dụng cho các nữ tu Đa Minh. Điều này thấy rõ nơi các nữ đan sĩ, tuy nhiên các nữ tu hoạt động cũng phải sống đời sống tinh thần của Dòng như thế. Trong những điều cốt yếu, linh đạo Đa Minh đều giống nhau cho mọi thành phần của Dòng. Không Hội Dòng nào có thể được sáp nhập vào Dòng trừ phi Bề Trên Tổng Quyền thấy rằng Hiến Pháp và tập quán của Hội Dòng đó phản ánh một cách trung thực tinh thần của Dòng Anh Em Thuyết Giáo. Một Hội Dòng được sáp nhập vào Dòng khi đã có tính chiêm niệm trong luật và tập quán. Tất cả mọi thành phần trong Dòng, ngoại trừ huynh đoàn giáo dân, đều phải tuân giữ Tu Luật thánh Âu-tinh. Hãy năng đọc Tu Luật này trong nhà cơm của tu viện, vì nó luôn yêu cầu các anh em với những lời sau:

“Anh em thân mến, trên hết mọi sự, anh em hãy yêu mến Thiên Chúa và sau đó anh em hãy yêu thương tha nhân; bởi vì những điều này là những giới răn chính đã được ban cho chúng ta. Vì thế chúng tôi yêu cầu anh em, những người sống trong tu viện phải giữ những điều sau đây: Trước tiên, anh em hãy chung sống với nhau trong mối dây liên kết ở tu viện và hãy có chung một lòng, một ý trong Thiên Chúa vì đây là lý do tại sao anh em lại đến với nhau”.

Hiến Pháp của các chị em cũng như Hiến Pháp của anh em đều bó buộc họ phải sống chiêm niệm. Dòng Anh Em Thuyết Giáo được Cha Thánh thành lập nhằm thánh hoá mỗi thành viên của Dòng và cứu độ các linh hồn. Chị Em “như con gái thực sự của Cha Thánh, vừa là vị sáng lập vừa là vị tổ

phụ, phải luôn luôn ghi nhớ mục đích kép này và phải nỗ lực để đạt được điều đó”. Điểm nhấn mạnh trước hết là “cứu độ chính linh hồn của mình”. Dòng được thành lập để thánh hoá các phần tử của mình và để làm cho họ hoàn thiện trong đức ái. Thứ đến mới là cứu độ các linh hồn. Mục đích cốt yếu của người Đa Minh khi tham dự và đời sống tu trì là thánh hoá chính bản thân. Điều này được thể hiện qua việc giữ ba lời khuyên Tin Mừng, Tu Luật cũng như Hiến Pháp. Tất cả những điều đó cũng như Tu Luật của các nữ tu đều đòi buộc họ phải tuân giữ nếp sống tu trì chiêm niệm như đã được thánh Đa Minh khởi thảo năm 1216.

Các Chị Em cũng tuân giữ lời khấn theo Hiến Pháp và Tu Luật. Họ mặc tu phục với áo phép, dấu hiệu của một Dòng chiêm niệm. Họ phải giữ chay tịnh và hãm mình, luật nội vi, đời sống cộng đoàn, tĩnh lặng, Các Giờ Kinh Phụng Vụ và nhiều nghi thức, Dòng giúp họ hướng tâm hồn lên cùng Chúa.

CHIÊM NIỆM THIÊN PHÚ - LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI ĐA MINH

Khi thánh Đa Minh đặt chiêm niệm, trước con cái của mình, như là nền tảng trong đời tu, Cha muốn đề cập tới sự chiêm niệm thiên phú. Thế kỷ XIII, người ta không biết phân biệt giữa chiêm niệm thiên phú và chiêm niệm thủ đắc như những tác giả về đời sống tâm linh sau này. Cha Thánh đã không loại bỏ khẩu nguyện (*đọc kinh*), tâm nguyện hay những hình thức khác của đời sống cầu nguyện. Chính Cha đã áp dụng và coi chúng như là những tác nhân chuyển tiếp chuẩn bị cho hình thức cầu nguyện cao hơn.

Chiêm niệm chủ yếu là một hành vi của lý trí nhưng nó phát xuất từ đức mến, một hành vi của ý chí. Khi tâm hồn yêu mến Thiên Chúa, nó ước ao được kết hợp với Ngài. Lòng yêu mến Thiên Chúa mãnh liệt sẽ dẫn đến hành vi chiêm niệm. Một khi linh hồn gặp gỡ được Thiên Chúa trong chiêm niệm thì lòng yêu mến Thiên Chúa sẽ gia tăng không ngừng theo một tiến trình hỗ tương. Trước sự hiện diện của người mà chúng ta yêu, chúng ta sẽ cảm thấy sung sướng. Dần dần điều này sẽ dẫn đến một tình yêu sâu đậm và phát triển không ngừng. Vì vậy, chiêm niệm là một chu trình khép kín (*Summa Theo II-II, q 180, a 6*). Nó khởi đầu trong lòng yêu mến Thiên Chúa và dẫn chúng ta đến chiêm ngắm Ngài; như vậy chúng ta sẽ được sung mãn trong Ngài, yêu mến Ngài sâu xa hơn.

Một số người có thể không đồng ý rằng: chiêm niệm thiên phú là một ân huệ của Thiên Chúa và không thể thủ đắc được. Thiên Chúa ban nó cho ai, khi nào và bao nhiêu tùy theo ý Ngài muốn. Thiên Chúa trao ban khi mà Thánh Thần làm cho những ơn của Ngài đặc biệt là ơn khôn ngoan, thông minh, hiểu biết, sống động trong tâm hồn ta. Khi đó, tâm hồn trở nên ngoan ngoãn và sẵn sàng đáp trả lại tiếng thì thầm của Thần Khí. Nếu nói được như vậy, nếu chiêm niệm là một ơn Chúa ban, nếu chúng ta không thể thủ đắc được nó bằng cố gắng riêng mình, thì làm sao ta có thể là những người Đa Minh đúng nghĩa. Không phải mọi người, nhưng có lẽ chỉ có một số người được đặc ân này. Dĩ nhiên chúng ta không biết ai được và ai không. Đôi khi, một người có thể có được mà chính họ không nhận ra nó hay một tâm hồn

có thể đã chiêm niệm một lần, một vài lần hoặc thường xuyên. Vì vậy, vấn đề đặt ra là làm sao ta có thể trung thành được với ơn gọi của mình nếu như ở đây và bây giờ chúng ta không chiêm niệm? Chúng ta sẽ trung thành với ơn gọi của mình nếu biết sống ơn gọi chiêm niệm một cách chân thành, biết nỗ lực thường xuyên, thẳng tiến việc cầu nguyện. Điều này đòi buộc cả những người đang chiêm niệm. Vì là một hành vi, do đó nó có tính cách tạm thời: nó diễn ra và chấm dứt trong một thời gian. Ngay cả những ai được phú bẩm cũng phải luôn luôn sẵn sàng, nếu không họ sẽ đánh mất ơn huệ của Thiên Chúa.

CHUẨN BỊ CHO CHIÊM NIỆM

Phải làm thế nào để chiêm niệm? Theo thánh Tô-ma, đó là lắng nghe, đọc sách, suy ngẫm, cầu nguyện (*Summa Theo II-II, q 180, a.3 ad 4*). Người Đa Minh chuẩn bị cho chiêm niệm khi lắng nghe những bài giảng, khi đọc những sách thiêng liêng, khi tâm nguyện hay khẩu nguyện. Hát Các Giờ Kinh Phụng Vụ ở cung nguyện trong tâm hồn suy ngẫm những đoạn Thánh Kinh và lắng nghe tiếng nói của Vị Tôn Sư vô hình, là những cách thế mà thánh Đa Minh sử dụng để tập cho con cái Cha chiêm niệm.

Người Đa Minh nên thường xuyên và khiêm tốn xin Thiên Chúa ban cho mình ơn chiêm niệm. Vì đó là một đặc ân cao trọng trực tiếp đưa đến sự thánh thiện; do đó nó đáng được ao ước. Chúa Giê-su qua cuộc nói chuyện với người thiếu phụ Samari đến lấy nước ở giếng Gia-cóp, muốn khuyến khích ta cầu xin những ơn chiêm niệm. Nếu chị ta nhận ra những ân huệ Chúa ban và ai là người đã nói với chị: “Hãy cho tôi uống nước” thì chị sẽ xin người ấy và người ấy sẽ cho chị “nước hằng sống” (*Ga 4,10*). Sách Khôn Ngoan dạy rằng cầu nguyện khiêm tốn và bền bỉ như thế có thể hy vọng được Chúa nhận lời: “*Tôi đã kêu cứu Chúa và Thần Khí khôn ngoan đã đến với tôi*” (*Kn 7,7*). Linh hồn khiêm tốn cầu xin cho được ơn này khi nhận ra rằng đó là hồng ân của Thiên Chúa và sự đáp lời tùy thuộc vào ý muốn của Ngài. Có thể Chúa không đáp trả lời cầu nguyện này ngay trong đời sống hiện tại hoặc có thể Chúa đáp trả lại sau đó khi linh hồn đã sẵn sàng hơn. Có thể Ngài chỉ trả lời một lần hay có thể nhiều hơn. Chúng ta cầu xin ơn chiêm niệm mà không tự phụ bởi vì chiêm niệm thiên phú là sự khai mở bình thường của đời sống ân sủng và sẽ tiếp tục phát triển cho đến khi đạt đến sự viên mãn trong chiêm niệm. Nếu như sự viên mãn không xảy đến ở hiện tại, nó sẽ xảy đến trong cuộc sống vĩnh cửu, theo sau việc thanh lọc ở luyện ngục. Khi những thử thách và đau khổ xảy đến trong đời mình, người Đa Minh không bao giờ kêu ca, than phiền. Tốt hơn là họ nên đón nhận chúng như những thứ thanh tẩy linh hồn, và bày tỏ những yếu đuối, dần dần lôi kéo họ đến kết hiệp với Thiên Chúa. Có nhiều linh hồn đánh mất giá trị thanh tẩy của đau khổ khi họ có ý tưởng phản kháng hay tự ti mặc cảm.

Người Đa Minh, người cảm nghiệm được tầm lòng quảng đại của Thiên Chúa, sẽ luôn cầu xin Ngài những ơn cao quý hơn. Tuy nhiên, sự cầu nguyện này sẽ trở nên tự phụ nếu họ không cần phải cố gắng liên tục để làm

mọi cách khả dĩ ngõ hầu họ sẵn sàng đón nhận những ân huệ lớn hơn. Lòng trung thành tuyệt đối với cầu nguyện và các bổn phận của đời sống tu trì là những phương thế được Chúa ban cho người Đa Minh để hoàn tất công việc này. Sự chủ tâm lười biếng hay sự bội tín thường xuyên với những bổn phận tu trì sẽ vô hiệu hoá tất cả những nỗ lực trong việc cầu xin Thiên Chúa những hình thức cầu nguyện cao hơn.

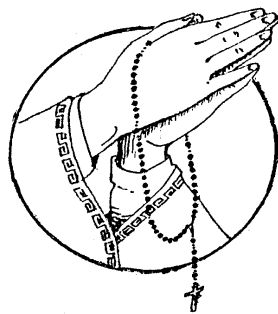
Nếu người Đa Minh cầu xin ơn chiêm niệm thì họ phải sẵn sàng trả giá, không ai có thể trở thành một người chiêm niệm trừ phi người ấy sẵn lòng hy sinh tính mạng. Mọi điều trong đời tu của Dòng đều chuẩn bị cho mỗi người để chết đi cho chính mình và sống trong Chúa. Người Đa Minh bắt đầu chết đi cho chính mình khi khởi đầu sống đời sống tu một cách chân thành, khi bắt đầu giết chết những ý riêng, ước muốn, những cái thích và không thích của mình. Trong nhiều trường hợp người Đa Minh phải biết dẹp bỏ ý riêng. Nếu người Đa Minh trung thành tuân giữ nếp sống tu trì, thanh lặng, chay tịnh và những điều tương tự như thế chuẩn bị cho người Đa Minh chiêm niệm bằng cách dẹp bỏ những trở ngại, nhất là lòng tự ái và thói xấu ngăn cản chiêm niệm, đồng thời luyện tập các nhân đức như vâng lời, nhẫn nại, kiên tâm và bác ái hỗ trợ cho chiêm niệm.

Người Đa Minh sống trong Chúa khi họ chú tâm vào việc cầu nguyện, phụng vụ, học hành và hoạt động tông đồ. Phụng vụ và chuyên chăm học hỏi chân lý thánh tạo cho người Đa Minh tiếp xúc trực tiếp với Thiên Chúa, đối tượng của chiêm niệm. Hoạt động tông đồ chuyển thông hoa trái của chiêm niệm đến các linh hồn. Không có điều gì trong linh đạo của Dòng là vô ích. Mọi yếu tố của linh đạo Dòng đều thống nhất trong một phương hướng chủ đạo nhắm tới việc thánh hoá các người Đa Minh và ơn cứu độ các linh hồn.

Đời sống, luật lệ, Hiến Pháp và những phong tục của Dòng đều tốt đẹp. Chúng tốt đẹp về hình thức, mục đích và hiệu quả. Một người Đa Minh cần hết sức cố gắng sống những điều ấy và thực sự hối hận khi sai phạm. Họ phải kiên tâm giữ luật lệ và Hiến Pháp mọi ngày trong suốt cuộc đời mình và không bao giờ được nản lòng. Duy mình Chúa mới biết lý do Ngài ban ơn chiêm niệm cho người này mà không cho người kia; trước hay sau, thường xuyên hay thỉnh thoảng. thánh Âu-tinh dạy: “Đây là một mầu nhiệm và nếu chúng ta không muốn sai lầm, đừng nên tìm hiểu. Nhưng tốt hơn, linh hồn nên hồi tâm tự kiểm về sự bất tín với ân sủng của mình. Nếu Thiên Chúa ban cho linh hồn ơn chiêm niệm thì linh hồn phải đáp trả bằng trọn lòng biết ơn và lòng mến nồng nàn”.

Nếu người Đa Minh làm tất cả để chuẩn bị cho chiêm niệm, chắc chắn họ sẽ đạt được hiệu quả cao trong việc thánh hoá linh hồn mình. Về phần mình, chính khi người Đa Minh không theo đuổi mục tiêu, những phương thế của Dòng, hay không sử dụng những phương thế đó cách quân bình, thì cũng chính khi đó, họ đã tạo ra những trở ngại cho chiêm niệm. Giảng thuyết, dạy dỗ, điều dưỡng và vô số công việc của Dòng trong thế giới hiện tại không cản ngăn người Đa Minh khao khát trở nên người chiêm niệm.

Dòng đã đào tạo được những người chiêm niệm và ngày nay vẫn có những người chiêm niệm. Có lẽ độc giả có thể không biết đến, nhưng thực ra vẫn có nhiều người chiêm niệm. Các thánh của Dòng đã minh họa cho sự quân bình xác đáng trong linh đạo Đa Minh, sự phối hợp hài hòa giữa chiêm niệm và hoạt động tông đồ. Các thánh đã từng là những người chiêm niệm vĩ đại của Giáo Hội như: thánh Đa Minh, thánh Tô-ma A-qui-nô, thánh Ca-tha-ri-na Xi-ê-na, thánh Vinh Sơn Phê-rê; nhưng đồng thời cũng là những tông đồ nhiệt thành. Những trang sử Dòng đã được điểm tô với những tâm hồn cao cả đã nên thánh theo đường hướng Đa Minh, tuân theo luật lệ với lòng trung thành tuyệt đối và một lòng một dạ hoạt động vì lợi ích các linh hồn.



CHƯƠNG 4

ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐA MINH LÀ SỐNG ĐỜI TÔNG ĐỒ

Dominican life is apostolic

Mục đích chung của Dòng Đa Minh là thánh hoá các thành viên của mình nhờ chiêm niệm và mục đích đặc biệt của Dòng là cứu độ các linh hồn qua giảng thuyết. Hai mục đích này không đối nghịch với nhau, nhưng cả hai chỉ là một. Mục đích thứ nhất được bao hàm trong mục đích thứ hai. Giảng thuyết là hoa trái của đời sống cầu nguyện. Nhờ chiêm niệm, người Đa Minh yêu mến Thiên Chúa nhiều đến nỗi họ phải yêu thương tha nhân và trở thành người tông đồ. Họ không thể nghỉ ngơi được khi vinh quang của Thiên Chúa chưa được loan báo khắp thế giới.

CHIÊM NIỆM TẠO NÊN NGƯỜI TÔNG ĐỒ

Ơn gọi của Dòng thật tuyệt vời. Ơn gọi này giúp cho người Đa Minh chu toàn hai lệnh truyền tối thượng: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Đó là lệnh truyền trọng nhất và lệnh truyền thứ hai cũng giống lệnh truyền ấy, là người phải yêu thương tha nhân như chính mình”. (Mt 22,37-39). Trước hết là Thiên Chúa, thứ đến là tha nhân.

Chúng ta thấy rất rõ trật tự lòng mến này trong cuộc đời của thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na. Trước hết thánh nữ là một người chiêm niệm, sau đó mới là một tông đồ. Chân phước Raymond Capua kể: “Trong giai đoạn đầu của cuộc đời, thánh nữ đã học cách yêu mến Thiên Chúa qua việc sống cách biệt với thế giới, ngay cả khi chị còn sống ở gia đình. Chị cảm thấy hạnh phúc được cầu nguyện với Chúa trong căn phòng nhỏ riêng. Chị sung sướng tiếp tục cầu nguyện như thế cho đến cuối đời. Nhưng sau đó Chúa đã hiện ra nói ngài rằng ngài sẽ trở thành một người tông đồ.

“Trái tim con sẽ bùng cháy mãnh liệt vì ơn cứu độ nhân loại đến nỗi con sẽ quên đi nữ tính của mình và con sẽ thay đổi cách sống hiện nay của con. Con sẽ không còn xa tránh mọi người như con đang làm nữa; nhưng vì ơn cứu độ của họ con sẽ chấp nhận mọi công việc”.

Về sau chân phước Raymond kể lại sự việc ấy đã xảy ra như thế nào. Sau khi Ca-ta-ri-na tiến sâu trong đời sống thần bí và đã được đặc ân kết hôn thiêng liêng, Chúa đưa chị ra khỏi nơi ẩn dật, thúc bách chị trở thành người tông đồ và đi giao tiếp với người khác; nhưng không làm chị lìa xa Chúa: “Hãy đi đi, đã đến giờ ăn tối rồi. Hãy ngồi vào bàn ăn cùng với gia đình con. Hãy đi và ở đó với mọi người, sau đó rồi hãy trở lại cùng Cha”. Thánh Ca-ta-ri-na đã phản ứng lại: “Không, lạy Chúa, điều đó đi ngược lại sự hoàn thiện vô cùng khi Ngài ra lệnh cho con hay bất cứ ai phải xa cách khỏi sự

thánh thiện của Ngài bằng bất cứ giá nào”. Đáp lại phản ứng của thánh nữ, Chúa nói:

“Con gái yêu dấu của Ta, con hãy yên tâm. Con cần phải chu toàn mọi bổn phận để cùng với ân sủng của Ta, con có thể giúp đỡ người khác như giúp chính bản thân con. Ta không có ý định tách lìa con khỏi Ta. Trái lại, Ta muốn kết hiệp với con mật thiết hơn bằng tình yêu tha nhân. Ta muốn con chu toàn hai lệnh truyền này. Thực vậy, con phải đi với cả hai chân và về trời bằng cả đôi cánh nữa”.

Bản văn này đã diễn tả thật đầy đủ hai yếu tố chính của Dòng: chiêm niệm và hoạt động tông đồ. Qua lời chỉ dạy cho Ca-ta-ri-na, Chúa Ki-tô đã bày tỏ cho người Đa Minh thấy rằng: nếu theo đuổi việc tông đồ với một tinh thần hợp lý thì họ sẽ không bị việc tông đồ tách lìa khỏi Thiên Chúa.

Người tông đồ Đa Minh noi gương Đức Ki-tô và thánh Đa Minh đều là những vị chiêm niệm. Đức Ki-tô chỉ sống ở trần gian 33 năm thì 30 năm trời Ngài đã sống một cuộc sống ẩn dật. Và Ngài dành cho đời sống công khai chỉ có 3 năm. thánh Đa Minh đã sống khoảng 50 năm thì 10 năm đầu trong sự vụ linh mục, Cha đã dành cho việc cầu nguyện. Chỉ có 16 năm cuối đời, Ngài mới dành cho việc tông đồ. Những tư liệu chính xác ấy dạy ta một bài học quan trọng: Đời sống chiêm niệm luôn phải đi trước đời sống tông đồ, không nhất thiết về thời gian nhưng luôn luôn giữ vai trò quan trọng. Vì chiêm niệm là nguồn mạch của tông đồ nên nó luôn giữ vai trò quan trọng hơn.

Chiêm niệm đã làm cho thánh Đa Minh trở thành người tông đồ. Chân phước Jordan Saxony khi nói về những năm tháng Cha Thánh sống ở Osma, đã diễn tả đặc ân của Cha Thánh có lòng thương xót các tội nhân, những kẻ khốn cùng và bất hạnh như sau:

“Nhiều đêm chìm đắm trong cầu nguyện, Cha đã quen với việc thường xuyên đàm đạo cùng Chúa trong phòng kín. Tỉnh thoảng trong lúc cầu nguyện Cha bật tiếng khóc nức nở và những lời than van xuất phát từ trái tim thổn thức, Cha cũng không thể kềm lòng được nên bật lên to tiếng đến nỗi người ta có thể nghe thấy rất rõ từ đằng xa. Đó chính là lời cầu nguyện riêng và thường xuyên mà Cha dâng lên Chúa để Chúa đoái thương ban cho Cha lòng bác ái. Lòng bác ái ấy đã sinh hoa kết trái trong việc chăm lo và làm việc vì ơn cứu độ con người. Cha xác tín rằng chính Cha chỉ trở thành một chi thể đích thực của Chúa Ki-tô khi Cha dành trọn cuộc đời để mưu ích cho các linh hồn; như vậy Cha đã trở nên giống Chúa Ki-tô, Đấng Cứu Thế, đã tự hiến mình cứu độ chúng ta”.

Cha đã cầu xin cho được lòng nhiệt thành vì đó là một nhu cầu thiết yếu đối với người tông đồ. Khi Chúa nhận lời khẩn cầu của Cha và mời gọi Cha dấn bước vào lãnh vực hoạt động tông đồ, Cha đã sẵn sàng đáp trả.

Trong đêm đầu tiên ở Toulouse, thánh Đa Minh đã khám phá ơn gọi mới của mình khi Cha gặp người chủ quán theo phái An-bi. Cảm xúc trước con chiên lạc này, Cha thức suốt đêm để tranh luận với người chủ quán.

Sáng sớm hôm sau, Cha đã thuyết phục được ông, đó là hoa trái đầu tiên của những năm cầu nguyện ở Osma. Đối với Cha, cuộc trở lại này đánh dấu một thời điểm quan trọng trong cuộc đời của Cha. Lòng khao khát ấy không lâu sau đã được thoả mãn. Cha dành suốt quãng đời còn lại cho việc tìm kiếm các linh hồn. Linh mục Pons, đan viện phụ Xi-tô ở Boulbonne, đã nói về lòng nhiệt thành này trong cuộc điều tra phong thánh tại Toulouse như sau: “Cha Đa Minh khao khát các linh hồn, hăng say cầu nguyện và giảng thuyết”. Tội lỗi nhân loại đã đóng đinh Cha vào thập giá. Chúng ta có thể nói về Cha như lời thánh Phao-lô tông đồ: *“Có ai yếu đau mà tôi lại không cảm thấy yếu đau”* (2 Cr 11,29).

Các Anh Em từng được sống gần gũi với Đấng Sáng Lập đã nhấn mạnh đến lòng nhiệt thành này của Cha:

“Thánh Đa Minh có lòng nhiệt thành nồng nàn đối với việc cứu độ linh hồn không những của các Ki-tô hữu mà còn của những người Hồi giáo (*Sarecens*) và ngoại giáo nữa. Cha thôi thúc anh em cũng hãy có tâm tình như thế. Tình yêu của Cha Đa Minh dành cho các linh hồn mãnh liệt đến độ Cha ao ước được đi giảng cho những người ngoại đạo và nếu cần, Cha sẵn sàng hy sinh mạng sống vì đức tin. Cha đã lên kế hoạch để thực hiện công việc này ngay khi Dòng vừa được thành lập.”

Tu sĩ John Spain đã làm chứng rằng thánh Đa Minh “...thường xuyên giảng thuyết và bằng mọi cách, Cha thôi thúc anh em cũng làm như vậy. Khi phái các anh em đi giảng, Cha khuyến khích và xin họ hãy nhiệt thành với việc cứu độ các linh hồn”.

Thánh Ca-tha-ri-na Xi-ê-na cũng có lòng nhiệt thành đó. Chân phước Raymond Capua đã kể lại tình yêu của thánh nữ đã triển nở như thế nào. Vào năm 7 tuổi, sau khi đã khấn sống trinh khiết, Ca-ta-ri-na bắt đầu khao khát các linh hồn và có lòng yêu mến đặc biệt đối với các vị thánh đã tích cực làm việc vì cứu độ các linh hồn. Khoảng thời gian này, Ca-ta-ri-na biết Dòng Anh Em Thuyết Giáo đã được thành lập vì nhiệt thành đối với đức tin và lợi ích các linh hồn. Kể từ đó, chị đã nhận ra lý tưởng cao cả của Dòng này đến độ bất cứ lúc nào chị nhìn thấy anh em Đa Minh nào đi giảng, ngang qua nhà, chị đều chăm chú nhìn theo bước chân họ. Rồi khi họ đã đi qua, chị chạy đến và khiêm tốn cung kính quỳ xuống hôn những dấu chân in trên mặt đường. Lòng khao khát khôn nguôi được trở thành một phần tử và được tham gia và các hoạt động của Dòng mạnh dần trong tâm hồn thánh nữ.

Thánh Đa Minh đã trở thành người tông đồ như thế nào? Để trở thành người tông đồ, Cha đã tuân giữ Tu Luật của thánh Âu-tinh và Hiến Pháp của Kinh sĩ đoàn Osma. Vì Tu Luật của thánh Âu-tinh mô phỏng đời sống các tông đồ, nên nó làm tinh thần tông đồ nơi những người tuân giữ tăng triển mạnh mẽ. Thánh Âu-tinh qui định đời sống cộng đoàn trong Tu Luật của mình. Đời sống này chuẩn bị cho các hoạt động phục vụ các linh hồn. Khi Đức Grêgôriô IX sẵn sàng phong thánh cho Cha Đa Minh, ngài nói với các linh mục đến xin phong thánh như sau: “Ta đã biết Cha Đa Minh là người đã

sống cách triệt để luật của các thánh tông đồ. Với lòng khao khát các linh hồn cách mạnh mẽ và lòng nhiệt thành bùng cháy ấy, Cha không làm cho chúng ta ngạc nhiên khi Cha lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo chuyên trách việc giảng thuyết nhằm cứu độ các linh hồn”.

MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ

Nếu đây là mục đích của Dòng Anh Em Thuyết Giáo thì các người Đa Minh có thể giải thích thế nào về việc Gia Đình Đa Minh gồm nhiều thành phần và sự phát triển các hoạt động tông đồ nguyên thủy của Dòng? Người Đa Minh có thể đạt tới phần chính yếu của những việc mà Đấng Sáng Lập đã thực hiện bằng cách nào? thánh Đa Minh đã thiết lập một Dòng chuyên lo việc hoạt động tông đồ để tiếp tục công việc của Đức Ki-tô. Người đã đến để cứu độ các linh hồn, chết cho họ và đã sai các tông đồ tiếp nối sứ mạng ấy. Nhiệm vụ ưu tiên của họ là rao giảng: “Hãy đi khắp thế giới và loan giảng Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo. Ai tin và chịu Phép Rửa sẽ được cứu độ, còn ai không tin sẽ bị luận phạt” (Mc 16,15-16). Hoạt động chính yếu của họ là truyền bá đức tin và cứu độ các linh hồn.

Rao giảng là loan báo đức tin. Chúng ta có thể làm việc này ở trong lớp học cũng như trên toà giảng, chúng ta có thể giảng bằng gương tốt cũng như bằng các phương tiện truyền thông và sách báo. Mọi hoạt động giảng dạy chân lý, mọi hoạt động trình bày về con người của Đức Ki-tô bằng cách này hay cách khác đều có thể được xem là công việc của người Đa Minh. Linh mục Vincent Mc Nabb đã thấm nhuần chân lý này đến độ cha muốn rao giảng bằng chính thân xác của mình. Cha xin người ta tổ chức tang lễ cho cha thật đơn giản, cha nói:

“Tôi không muốn một cỗ quan tài lộng lẫy, bóng nhoáng, tôi cũng không muốn một cây thánh giá bằng đồng hay mạ đồng đặt trên chiếc quan tài đó. Tôi muốn một chiếc quan tài thật bình thường làm bằng loại gỗ giống như gỗ lót sàn đây”.

Trên nắp quan tài ấy chỉ cần vẽ một hình thánh giá và một dòng chữ màu đen. Thi hài của cha được đem ra nghĩa trang trên một chiếc xe tải cùng với cỗ quan tài, những người giúp lễ và một người cầm thánh giá trong khung cảnh đơn sơ”. Cha kết thúc bài giảng:

“Dĩ nhiên, tôi biết có người sẽ nói rằng: “Đó là Mc Nabb với những hành động ngốc nghếch của mình. Đó là Mc Nabb, kẻ chơi nổi với trò khoe trương của mình”. Nhưng lạy Chúa, không phải thế đâu. Suốt cuộc đời, tôi đã giảng và khi tôi không còn sống nữa, tôi cũng sẽ vẫn còn giảng. Tôi sẽ giảng bằng chính thân xác đã chết của tôi...”

Hiến Pháp từ lâu đã công nhận rằng giảng thuyết có thể được hiểu theo nghĩa rộng hơn. Từ năm 1505, những ấn bản liên tiếp đều đặt giảng thuyết và dạy học ngang nhau: “... Đó là mối quan tâm đến việc mưu ích cho các linh hồn tha nhân của chúng ta. Với mục đích chuyên biệt này, việc giảng thuyết và bảo vệ chân lý của Giáo Hội Công Giáo bằng lời giảng trong các

trường học và những hình thức giảng dạy khác có liên hệ chặt chẽ với nhau”. thánh Đa Minh là người đã dùng mọi cách thức để loan báo đức tin, và nếu Cha sống vào thời đại của chúng ta, chắc chắn Cha sẽ thúc đẩy con cái của mình bước vào lãnh vực giáo dục và sử dụng những phương tiện thính thị, những phương tiện truyền thông đại chúng, cũng như các kỹ thuật hiện đại, những phương pháp mới khác để đi đến với các linh hồn.

Có thể Cha còn hài lòng với các hoạt động tông đồ bằng ca nhạc của chị Sourire nữa. Những đĩa nhạc của chị mang một âm điệu nhẹ nhàng kèm theo một thông điệp (*light music with a message*). Bộ sưu tập những bài dân ca dịu dàng của chị đã chứng minh rằng: mọi điều thuộc về Thiên Chúa thì vui tươi chứ không u sầu, chẳng có điều gì ở trần gian này lại đi ngược với việc phục vụ Thiên Chúa (*chị vừa soạn nhạc và lời, vừa đọc tấu dương cầm*). Bài *Dominique* là ca khúc được phổ biến nhất của chị:

*Kìa nhìn xem Cha thánh Đa Minh
Đơn sơ ra đi làm người bộ hành,
Hát xướng, nghèo nàn vẫn vui,
Vào từng nơi đi qua các dân,
Cha loan truyền về Chúa nhân hiền,
Ngài chỉ nói đến Cha trên trời.
Rồi một ngày gặp người lạc đạo,
Quyết dẫn ông tới nơi chiến hào,
Đa Minh Cha tươi vui không nao,
Chinh phục ông về cho Thiên Chúa.
Thân lạy Cha, yêu thương, Đa Minh,
Giúp chúng con sống vui đơn bình.
Mang tin yêu cho muôn sinh linh,
Cuộc đời mới và chân lý Chúa.*

(Bản dịch của Lm. Chu Quang Đương, O.P.)

Khi người ta báo cho chị biết album nhạc của chị đã trở thành một album quốc tế bán chạy nhất, chị trả lời:

“Tôi vui mừng vì nó đã đem một sứ điệp đến với thế giới bên ngoài những bức tường đan viện của chúng tôi. Đời sống tu trì của chúng tôi ở Fichermont này chẳng có nghiêm khắc và ngọt ngào như người ta thường nghĩ đâu. Chúng tôi cười nói và ca hát với nhau, và tôi nghĩ rằng những bài hát của tôi đã chứng minh điều đó”.

Mặc dù thánh Đa Minh chịu ảnh hưởng của những hoàn cảnh ở những năm đầu thế kỷ thứ XIII và Cha đã không thể biết được Dòng sẽ phát triển như thế nào. Nhưng Cha không muốn Dòng bị ngừng trệ. Cha có tinh thần

rất tiến bộ. Cha không ngần ngại đổi mới để tiếp cận với những vấn đề của thời đại. Toàn bộ quan niệm của Dòng cùng với sứ vụ giảng thuyết cho toàn thế giới và những phương tiện thực hiện, đều thật mới mẻ thích nghi vào thời đại, chẳng hạn: quyền chuẩn chức, bỏ việc lao động chân tay, tin tưởng mạnh mẽ vào đạo lý và việc học hành, chấp nhận đức thanh bần nhiệm nhặt, phát triển một hệ thống quản trị dân chủ tập trung. thánh Đa Minh đã có tinh thần cởi mở và phổ quát như Giáo Hội Công Giáo vốn có từ bản chất.

Đặc tính Công Giáo và tính cách giống Chúa Ki-tô của vị sáng lập đã được Chúa bày tỏ rất rõ cho thánh Ca-ta-ri-na trong một thị kiến. Chính Chúa Cha đã so sánh thánh Đa Minh với Chúa Ki-tô, và so sánh các người Đa Minh với các thánh tông đồ:

Thánh nữ khẳng định rằng trong một thị kiến thánh nữ đã thấy Đức Chúa Cha vĩnh cửu, từ miệng của Ngài phát sinh Chúa Con cùng vĩnh cửu. Chúa Cha giới thiệu Chúa Con trong bản tính nhân loại của Người cho thánh nữ. Và trong khi thánh nữ chiêm ngắm Chúa Con thì thánh nữ thấy tổ phụ Đa Minh bước ra từ lồng ngực của Chúa Cha với ánh sáng và hào quang bao quanh. Thánh nữ nghe thấy tiếng Chúa Cha nói với thánh nữ: "... Hỡi con gái yêu dấu, Ta là Cha của hai người con này: một người được sinh ra từ bản tính, còn người kia được sinh ra do sự thừa nhận ngọt ngào và êm ái. Đang khi thánh Ca-ta-ri-na ngạc nhiên về việc so sánh không cân xứng giữa một vị thánh với Đức Giê-su Ki-tô thì chính Đấng đã phán những điều lạ lùng ấy giải thích về hai người con của Ngài:

"... Cũng như Người Con tự bản tính của Ta, là Ngôi Lời Vĩnh Cửu từ miệng Ta đã nói cách công khai cho thế giới những điều Ta đã uỷ thác và làm chứng cho sự thật khi Người đối mặt với Phi-la-tô, thì dưỡng tử của Ta, là Đa Minh, cũng đã giảng công khai sự thật về Lời của Ta cho thế giới, cho những người lạc giáo và những người Công Giáo, và không những giảng khi còn sống nhưng còn qua hậu duệ của mình. Cha sẽ vẫn còn và luôn giảng thuyết. Vì như Con Ta đã sai các môn đệ của Người thế nào thì dưỡng tử của Ta cũng đã sai các anh em như vậy".

Việc so sánh Cha Thánh với Đức Ki-tô không cần dừng lại ở điểm này nhưng chúng ta có thể khai triển sâu xa hơn. Khi Chúa chết thì Giáo Hội sơ khai còn non trẻ, nhưng Người đã ban cho Giáo Hội những gì cần thiết để Giáo Hội phát triển và trưởng thành. Các tông đồ Công Giáo tiến hành đã phát triển bằng hàng ngàn phương cách. Chính các thánh tông đồ chưa bao giờ biết được tất cả những gì mà Hội Thánh Công Giáo đang thực hiện trong thế kỷ XX này. Cũng không có ai đặt vấn đề những hoạt động này có phải là sự phát triển phù hợp với điều mà Chúa nhắm đến hay không? Dù sao chẳng nữa thì thực tế cho thấy việc giảng thuyết là một sứ vụ ưu tiên được trao phó cho các tông đồ. Nếu Đức Thánh Cha và các Giám Mục phê chuẩn một hoạt động nào đó thì chúng ta hiểu rằng hoạt động ấy có tính Công Giáo và Tông Truyền.

Khi Đấng Sáng Lập qua đời vào năm 1221, Dòng Anh Em Thuyết Giáo còn là một Dòng non trẻ. Lúc ấy, Dòng có ba nữ đan viện, khoảng 25 tu viện và chừng 250 anh em. Nhưng khi lập Dòng, thánh Đa Minh đã trù liệu tất cả những gì cần thiết để Dòng phát triển. Trước hết, Cha đã trao cho con cái lệnh truyền giảng thuyết. Ngày nay, khi nhìn lại Dòng, chúng ta thấy sứ mạng này đã được triển khai bằng hàng trăm cách. Chúng ta không hỏi điều này có hợp pháp hay không? Hơn nữa, lịch sử và những sử liệu của Dòng cho thấy các Bề Trên Tổng Quyền và các Tổng Hội đã thích nghi những hoạt động tông đồ của Dòng như thế nào? Và Dòng đã cập nhật hoá theo những nguyên tắc cơ bản được thánh Đa Minh đề ra theo thời đại như thế nào? Việc cập nhật hoá tức thời này được tiếp tục thường xuyên.

Trường hợp sau đây cho thấy các anh em tiên khởi đã lý giải tinh thần của Đấng Sáng Lập như thế nào. Năm 1217, thánh Đa Minh đã gửi 8 anh em đến học tại đại học Paris. Khoảng 10 năm sau khi Cha Thánh qua đời, một anh em đã là giáo sư thần học của đại học Paris. Việc anh em trở thành giáo sư là điều mà thánh Đa Minh chưa bao giờ nghĩ có thể xảy ra. Hiện nay, chính đại học này cũng đang phát triển. Năm 1221 không ai có thể tiên đoán những chuyển biến lớn lao về trí thức sẽ xảy ra tại đó. Nhất là dưới sự lãnh đạo của chân phước Jordan Saxony, kế vị thánh Đa Minh, rồi sau đó là các tu sĩ Humbert Romans, Anbê, Tô-ma đã đưa Dòng đến trung tâm của thế giới đại học đang phát triển này. Sự biến chuyển này là sự tăng triển tự nhiên từ hạt giống của Đấng Sáng Lập đã gieo vào năm 1217.

Trong nhiệm kỳ của Cha Tổng Quyền Jordan Saxony, nhiều anh em tiên khởi vẫn còn sống, Dòng đã đảm trách những hoạt động như: giảng dạy tại các đại học, truyền giáo ở hải ngoại và làm việc ở Toà Tra của Toà thánh. Ít lâu sau, các anh em Đa Minh còn phải giải quyết những vấn đề của xã hội, cải tổ các đan viện, kinh lý các giáo phận thay mặt Đức Thánh Cha, giúp đỡ thành lập một số Dòng khác, giải tội cho các vua chúa và cố vấn cho các Đức Giám Mục. Họ còn giúp đỡ dân chúng thực hiện các chúc thư, hoạt động như đại sứ và trọng tài. Mặc dù Dòng lấy làm tiếc vì có nhiều anh em làm những công việc đó, vì Dòng sợ rằng việc giảng thuyết sẽ bị chệch mảng; nhưng Dòng không ngăn cản làm những công việc ấy. Nếu chân phước Jordan Saxony hay những anh em tiên khởi thấy rằng những hoạt động ấy đi ngược lại ước muốn của Cha Thánh thì họ đã phản đối và ngăn cấm chúng rồi. Trái lại, khi các anh em nhận thấy có nhiều con đường mới nhằm cứu độ các linh hồn, họ đã không lý giải việc giảng thuyết theo nghĩa hẹp và họ đã dấn thân vào những con đường đó.

TÍNH LINH ĐỘNG CỦA DÒNG

Hoạt động của Dòng có khả năng mở rộng như thế vì chính Cha Thánh đã lập một Dòng có tính tông đồ đem lại cho Dòng khả năng thích nghi. Nhờ đó, Dòng có thể hoàn thành được mục đích của mình trong mọi thời đại, đó là cứu độ các linh hồn bằng giảng thuyết. Cha Thánh đã đạt được thành quả này nhờ việc áp dụng quyền chuẩn chước trong Hiến Pháp, nghĩa là các bề trên

có thể chuẩn chước một số kỷ luật tu viện khi những luật ấy làm cản trở việc “giảng thuyết, học hành hay cứu độ các linh hồn”. Năm 1916, Đức Tổng Giám Mục Paschal Robinson, một sử gia Dòng Phan-xi-cô nổi tiếng, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuẩn chước này trong một bài diễn văn Ngài đọc nhân dịp kỷ niệm 700 năm thành lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo:

“Tôi sẽ nêu lên một nét mới lạ nổi bật trong Tu Luật của thánh Đa Minh. Và đây thực sự là nét đặc trưng đối với Dòng của ngài, đó là nguyên tắc chuẩn chước. Nguyên tắc chuẩn chước này được nói đến ở phần đầu của Hiến Pháp khi đề cập tới mục đích của Dòng. Điều này cho thấy rằng việc chuẩn chước điều chỉnh và dung hoà việc ứng dụng các luật lệ, một điều hoàn toàn chưa hề có trong các Tu Luật trước đó. Hiểu một cách chính xác, việc chuẩn chước này đúng là kiệt tác của việc lập pháp Đa Minh. Hơn nữa, nó cho phép Dòng có thể đáp ứng những nhu cầu mới mà vẫn duy trì được sự thống nhất. Nó cũng là một khí cụ hoàn hảo của tinh thần khổ chế, vì khi thực hiện nó đòi hỏi một sự từ bỏ những cách nhìn hẹp hòi và những mục tiêu tầm thường ở mọi thời đại”.

Vì thế, người Đa Minh không bao giờ được dèm pha khi bề trên chuẩn chước. Các ngài không được nhắm đến lợi ích của cá nhân anh em (*trừ phi người này bị ốm đau hay bất lực*): nhưng phải nhắm đến lợi ích của các hoạt động tông đồ. Khi được chuẩn chước vì mục đích đó, các vị không làm suy yếu tinh thần tu trì vì các ngài làm không vì lòng vị kỷ mà chỉ do lòng nhiệt thành thúc đẩy.

Lịch sử của Dòng tại Hoa Kỳ đã chứng minh rằng các tu sĩ Đa Minh ở vùng Tân Thế Giới đã am hiểu tinh thần của Đáng Sáng Lập. Khi hạnh phúc của các linh hồn mời gọi, họ mau mắn dấn thân vào những lãnh vực hoạt động mới. Cha Edward Dominic Fenwick, một tu sĩ người Mỹ thuộc Tỉnh Dòng Anh Quốc ngay khi đem Dòng đến Hoa Kỳ đã mong ước thành lập một học viện ở Maryland. Tại nước cộng hoà mới này, người ta rất cần sự hiện diện của các linh mục, và Cha Edward hy vọng rằng học viện này sẽ là vườn ươm trồng ơn thiên triệu. Nhưng Đức Giám Mục John Carroll đã nhắm đến những cánh đồng truyền giáo ở bên kia dãy Allegheny. Như vậy, cuộc chiến đấu kéo dài cả một thế kỷ đã bắt đầu ở vùng hoang vu này. Ơn gọi thì ít mà những gian nan lại quá nhiều. Các tu sĩ của Tỉnh Dòng ấy đã phải đi ngựa suốt miền Trung Tây tới miền Tây Bắc. Các tu sĩ đem theo mình các vật dụng thánh trong những túi đeo ở yên ngựa để củng cố đức tin nơi những khu vực dân cư Công Giáo sống rải rác. Chính Cha Fennick đã trở thành tông đồ của vùng Ohio. Sau năm 1900, ơn thiên triệu gia tăng và các hoạt động phát triển mau lẹ có lẽ là phần thưởng Chúa ban vì công sức và sự hy sinh của các tu sĩ tiên khởi.

Tỉnh Dòng đầu tư rất nhiều cho vùng hoang mạc ấy. Tu sĩ Bernard Walker kể lại thật sinh động về những đóng góp của Dòng cho Giáo Hội Hoa Kỳ:

“Trong suốt 60 năm (1807 – 1867), Tỉnh Dòng thánh Giuse đang phát triển... với tổng số những người gia nhập và tuyên khấn trong Dòng tại Mỹ chừng 100 người. Cuộc sống quá khó khăn đến nỗi 8 tu sĩ đã chết trước khi được thụ phong linh mục, 12 người được thụ phong nhưng chỉ sống được 5 hay 6 năm để truyền giáo; và chừng 10 người đã tham gia việc chống lại bệnh dịch hạch, là một trong số những bệnh dịch đáng sợ và khủng khiếp thời đó. Tỉnh Dòng này chưa bao giờ có hơn 40 linh mục... Và trong số những anh em đầu tiên đến đây đã có 6 người được chọn làm Giám Mục trước cuộc nội chiến. Thời đó chỉ có một Dòng tu khác ở Mỹ đã đóng góp nhiều nhân sự cho hàng giáo phẩm... Thực ra, trong gần một thế kỷ Dòng đã quan tâm và phát triển chỉ vì lợi ích của Giáo Hội trên quê hương Mỹ quốc”.

Khi cuộc nội chiến ở Mỹ kết thúc, Tỉnh Dòng thánh Giuse bước vào một giai đoạn mới: việc giảng thuyết trở thành một hoạt động ưu tiên, nhất là hoạt động truyền giáo tại các xứ đạo. Công việc này đã đưa các linh mục đến các thành phố lớn và trở lại vùng duyên hải Đại Tây Dương. Các nhóm truyền giáo của các anh em đã trở vượt trong lãnh vực hoạt động tông đồ này. Điều đó gợi cho ta nhớ đến thời đại của thánh Đa Minh. Những người như các cha Charles Hyacinth McKenna, Clement Thuente và Ignatius Smith đã thu hút những đám đông dân chúng vào nhà thờ khi các cha bước lên giảng đài.

Theo một nghĩa nào đó, cha Walter Farrell đã bắt đầu cho một kỷ nguyên mới. Công việc chủ yếu của cha là dạy học, cha đã làm việc tại các học viện suốt đời linh mục. Ngoài việc giảng dạy ở đại học, cha còn là văn sĩ, diễn giả, giảng tĩnh tâm, giải tội và linh hướng. Cha nổi tiếng qua bộ sách gồm 4 tập có tựa đề *A Companion to the Summa*, viết phỏng theo cuốn Tổng Luận Thần Học của thánh Tô-ma dành cho người hiện nay. Chính cha James M.Gillis CSP, một nhà báo và nhà giảng thuyết nổi tiếng, đã bày tỏ sự thích thú của mình khi phát hiện ra cuốn sách ấy như sau:

“Trong bản dịch và bản giải thích với lối viết rõ ràng về cuốn Tổng Luận, chúng ta nhận thấy ở đó một lối diễn tả vừa khôn ngoan vừa hài hước lại vừa trào phúng. Và tác phẩm này kỳ diệu ở chỗ hình như tác giả nói (cha là tác giả dù rằng cha vẫn coi mình chỉ là một dịch giả và chú giải thôi) toàn bộ cuốn sách không phải bàn về cuốn Tổng Luận; nhưng là chính cuốn Tổng Luận đã được rút gọn bằng một ngôn ngữ bình dân”.

Sự nghiệp của cha Farrell có lẽ là khuôn mẫu của việc sửa đổi mà các tu sĩ Đa Minh đã tiến hành cho thích nghi với những nhu cầu hiện tại. Trải qua suốt giai đoạn truyền giáo ở địa phương, rồi bước vào những cánh đồng truyền giáo ở hải ngoại như Trung Quốc, Pakistan, Nigeria, Chilê, Pêru và Bôlivia và hoàn tất trong công tác giáo dục và tổ chức câu lạc bộ Newman Club cho thời bấy giờ, các cha đã nỗ lực nhiều để theo kịp với hoàn cảnh đang thay đổi.

Các nữ tu Đa Minh đã cộng tác với các cha thực hiện những thích nghi ấy. Cha Thomas Wilson, bề trên tu viện thánh Rôsa ở Kentucky đã biết cách gợi lên một tinh thần hiến thân nơi những thiếu nữ Công Giáo. Tháng 2 năm

1882, cha đã vận động ơn gọi nữ tu cho hội Dòng của cha. Chị Katherine Burton đã kể lại kết quả của lời mời gọi ấy như sau:

“Sau lời yêu cầu của cha, cha đã nhận được kết quả quá sự mong đợi của cha. Cha chỉ hy vọng có hai hoặc ba người đáp lời vì cha đã chú ý đến một số thiếu nữ lắng nghe cha nói. Có 8 người đáp lại lời mời gọi ấy, một kết quả cha không ngờ”.

Cha Wilson cùng với chị Angela Sansbury, một trong số 8 chị tình nguyện, đã thành lập hội Dòng nữ Đa Minh đầu tiên ở Hoa Kỳ. Sau đó Mẹ Angela lập nhà mẹ thứ hai ở Ohio. Cha Samuel Mazuchelli đã lập lại kinh nghiệm Kentucky qua việc thiết lập một cộng đoàn ở Wisconsin. Năm 1853, một số nữ đan sĩ thật can đảm và tình nguyện, từ Regensburg (Đức) đã đến cộng tác với các nữ tu Đa Minh Hoa Kỳ trong công tác giáo dục. Hàng chục Huynh Đoàn giáo dân đã được thành lập từ việc thành lập huynh đoàn ở Brooklyn. Quả nhiên, các nữ tu Đa Minh đã đứng trong đội quân tiên phong của các hoạt động tông đồ trong nền giáo dục Công Giáo ở Hoa Kỳ. Hầu như cả 13 nhà mẹ đều dốc thân vào lãnh vực giáo dục.

Sự nhạy cảm của người Đa Minh đối với nhu cầu thời đại liên tục được biểu lộ. Mẹ Anphonsa (*Rose Hawthorne Lathrop, con gái của Nathaniel Hawthorne*) và Mẹ Mary Walsh đã bước vào việc tông đồ bác ái. Khi trình bày những mục đích của hội các tội tở của thánh Đa Minh lo về việc cứu trợ các bệnh nhân bị ung thư, do Mẹ thành lập, Mẹ Rose viết:

“Tôi cố gắng phục vụ những người nghèo như là một người tội tở. Tôi mong ước được phục vụ những bệnh nhân bị ung thư nghèo khổ vì họ là những người bị người đời xa lánh hơn bất cứ lớp người đau khổ nào khác và tôi mong ước đến với họ như chính tôi là một thụ tạo nghèo hèn mặc dù khả năng giúp đỡ họ tôi phải nhờ đến những người giàu hảo tâm. Vì chính nhờ lòng khiêm nhường và sự hy sinh mà chúng tôi mới xứng đáng nhận được tình thương thánh thiện ấy, và chia sẻ tình yêu phần khởi mà chúng tôi nhận được từ Nước Trời với những tâm hồn bất an vì nghèo hèn và bệnh tật”.

Mẹ Mary Walsh đã lập hội Dòng các nữ tu Đa Minh phục vụ giới bệnh nhân nghèo. Các chị hoạt động truyền giáo ngay tại quê hương mình bằng việc tập trung chăm sóc những bệnh nhân nghèo khổ không phân biệt chủng tộc, màu da hay tín ngưỡng ngay tại gia đình của họ. Cả hai cộng đoàn này tìm thấy nhiều cơ hội để giúp đỡ tầng lớp nghèo khổ cả về thể xác và nhu cầu tâm linh của họ.

Các nữ tu Maryknoll đã đem các tu sĩ Đa Minh Hoa Kỳ đến những cánh đồng truyền giáo ở hải ngoại. Các nữ tu Đa Minh truyền giáo này được thành lập tại Chicago vào năm 1953. Các chị chọn công tác giảng dạy giáo lý và công tác xã hội là hoạt động tông đồ của mình ở Hoa Kỳ cũng như trên tại các miền truyền giáo hải ngoại khắp thế giới. Các nhóm truyền giáo đầu tiên của họ đã đến với những miền truyền giáo còn thiếu nhiều nhân sự ở Châu Mỹ La Tinh.

Những mẫu gương này là những chứng cứ tích cực cho thấy các nữ tu Đa Minh đã góp phần vào sứ vụ tông đồ của Dòng. Quả vậy, qua việc tuyên khấn các lời khuyên Tin Mừng, mỗi tu sĩ đã trở thành một tông đồ, họ mong ước ơn cứu độ cho nhân loại, như Đức Hồng Y Paul Philippe O.P viết trong cuốn “Những mục đích của đời tu theo” thánh Tô-ma A- qui-nô:

“... Sự hoàn thiện trong Ki-tô giáo bao gồm việc chiêm ngắm Thiên Chúa và yêu thương tha nhân; người ta không thể yêu mến Thiên Chúa thực sự nếu họ không tìm kiếm để biết Ngài và nếu họ không yêu thương tha nhân. Mỗi tu sĩ, dù là người hoạt động nhất, cũng phải hướng đến sự hoàn hảo trong chiêm niệm và phải đạt được nó. Đời sống của các thánh cho chúng ta nhiều mẫu gương về việc chiêm niệm sâu xa trong đời sống hoạt động. Cũng vậy, dù là người chuyên chiêm niệm và sống cô tịch thì các nữ đan sĩ cũng phải mong ước việc cứu độ mọi người và họ có thể cộng tác vào công việc đó bằng lời cầu nguyện và đời sống sám hối của mình. Nói cách khác, chiêm niệm và yêu mến tha nhân là một phần trong mục đích chung của mỗi Hội Dòng. Bởi vì chúng là những thành tố của sự hoàn thiện Ki-tô giáo...”

Nếu những gì trên đúng cho mọi tu sĩ của các dòng tu, thì đối với người Đa Minh, chúng có vai trò đặc biệt. Họ thuộc về Dòng Anh Em Thuyết Giáo, một Dòng được Giáo Hội tín nhiệm giao cho tác vụ giảng thuyết là một tác vụ tông đồ cao cả. Khi nhìn vào đời sống của các anh em trợ sĩ, chúng ta có thể minh định được các thành viên của Dòng đã đóng góp vào công tác này như thế nào. Tuy họ không giảng thuyết, không dạy học hay làm việc mục vụ; nhưng họ vẫn là những người tông đồ thực sự. Vì họ là những phần tử cần thiết cho sự toàn vẹn của Dòng Anh Em Thuyết Giáo. Bằng lời khấn, họ đã thuộc về Dòng và chia sẻ những cộng tác của Dòng. Những anh em đó đã giúp cho các linh mục có thời giờ để nghiên cứu, cầu nguyện và giảng thuyết qua việc làm nhẹ bớt công việc của các linh mục. Họ là trợ lực bằng những lời cầu nguyện rất hữu hiệu và những hy sinh. Người ta kể rằng trong lúc cha Lacordaire, nhà giảng thuyết thời danh đang giảng ở nhà thờ Đức Bà Paris thì có một thầy ngồi bên dưới giảng đài cầu nguyện với cổ tràng hạt trong tay: có lẽ trước Thiên Chúa, lời kinh mân côi của những anh em trợ sĩ có lẽ còn tốt hơn những lời nói của những nhà giảng thuyết. Các anh em ấy đã đóng trọn vai trò trợ tá của mình.

Cũng vậy, các nữ đan sĩ không tham gia trực tiếp vào việc tông đồ nhưng họ được sát nhập vào Dòng Tông Đồ nhờ lời khấn. Các chị phấn đấu để đạt đến sự hoàn thiện Ki-tô giáo; và nhờ sự hoàn thiện ấy mà cầu xin cho các công việc của anh em sinh nhiều hoa quả trong sự thánh thiện. Nhờ lời cầu nguyện và đời sống hy sinh, các chị khấn nài Thiên Chúa ban ân sủng cho các anh chị em đang trực tiếp làm việc cho các linh hồn.

Các nữ tu hoạt động, các hội viên tu hội đời và các huynh đoàn giáo sĩ, giáo dân cũng tham gia vào việc tông đồ của Dòng, trợ giúp Dòng bằng cầu nguyện, hy sinh và sống thánh thiện. Hơn nữa, các nữ tu còn dạy giáo lý,

không cần phải đứng trên tòa giảng mới làm được việc đó. Hầu hết các linh mục dành nhiều thời gian để linh hướng trong tòa giải tội hay ở phòng khách hơn là để giảng trên giảng đài. Một nữ tu điều dưỡng cũng có thể dạy giáo lý ấy cho một bệnh nhân trong một bệnh viện nào đó.

Có lẽ các anh chị em và các thành viên huynh đoàn giáo dân không thể giảng dạy như các Giám Mục hay các Linh Mục được. Tuy nhiên, các trường học, bệnh viện là những nơi đức tin có thể được loan báo. Hơn nữa, các nữ tu Đa Minh thuộc các hội Dòng đã được công nhận theo giáo luật và sát nhập vào Gia Đình Đa Minh, được Giáo Hội trao cho một sứ mạng bao hàm một lệnh truyền và một bổn phận là giảng dạy. Họ đã thực hiện một vai trò rõ ràng, chính thức, hợp luật và được Giáo Hội chuẩn nhận. Họ cộng tác với hàng giáo sĩ trong việc thi hành công việc thánh hoá và quản trị, không phải vì họ có chức thánh và có quyền tài phán, nhưng vì Hội Dòng của họ được uỷ nhiệm cách rõ ràng việc huấn luyện đức tin Ki-tô giáo. Trước hết, việc làm này là bổn phận của các chủ chăn, nhưng các nữ tu là những thành viên của các gia đình tu sĩ Dòng được công nhận. Các chị có nghĩa vụ giúp đỡ các chủ chăn.

Thánh Tô-ma bàn về những ân sủng đặc biệt, mà thánh Phao-lô đã nói ở thư 1 Cô-rin-tô, trong cuốn Tổng Luận Thần Học của mình, như là ơn làm phép lạ, hay ơn nói tiên tri (*Summa theologica, II-II, q.177*). Trong số những ơn này, thánh Phao-lô nói tới ơn giảng thuyết (*ơn giảng thuyết, khôn ngoan và ơn thông hiểu... 1 Cr 12,8*). Đây là ân sủng nổi bật đôi khi được ban cho các nhà giảng thuyết, các giáo sư hay văn sĩ không phải vì lợi ích thiêng liêng của cá nhân họ; nhưng để họ có thể dạy dỗ hữu hiệu hơn, giúp người khác thiết tha và hân hoan nghe Lời Chúa và thuyết phục giáo dân yêu mến đạo lý và đem ra thực hành. Thánh Tô-ma viết tiếp: “mặc dù không giảng dạy như các Giám Mục và các Linh Mục nhưng các phụ nữ cũng nhận được ơn này khi họ giảng dạy Lời Chúa. Ví dụ: một người mẹ dạy con của mình hay một nữ tu thi hành chức vụ người mẹ tinh thần của mình trong lớp học. Nhưng Thiên Chúa thường không ban ơn huệ đặc biệt này. Tại sao Ngài ban ân trong trường hợp này mà lại không ban trong trường hợp khác thì vẫn còn là một màu nhiệm. Đó là một hồng ân được ban nhưng không. Đối với người giảng thuyết và người nghe chỉ có lãnh nhận ơn ấy nhờ lời cầu nguyện và những việc lành. Hơn nữa, một khi đã được ban cho, thì cũng có thể sẽ bị mất: hoặc là người giảng thuyết phạm sai lầm khi chỉ tìm vinh quang hay sự tán thưởng cho mình, hoặc là người nghe có thái độ kháng cự lại ân sủng.

Khi không được đặc ân này thì cả người nói lẫn người nghe cũng đều phải trông cậy vào ơn thường sủng: người nói phải chuẩn bị và thi hành nhiệm vụ của mình, còn người nghe đón nhận Lời Chúa cách có hiệu quả. Công bố Lời Chúa khác với giảng dạy sao cho sinh ích thiêng liêng. Đó là ân sủng làm cho lời nói của giảng viên, giáo viên hay văn sĩ đạt được hiệu quả trong tâm hồn của người đang được hướng đến. Đó là lý do tại sao chúng ta đặt tin tưởng nơi thầy trợ sĩ của cha Lacordaire. Lời cầu nguyện của thầy đã kéo ơn Chúa xuống trên cả vị giảng thuyết lẫn thính giả. Thánh Giáo Hoàng Grê-gô-ri-

ô Cả viết: “Nếu tâm hồn người nghe không được tràn đầy Chúa Thánh Thần thì lời nói của giảng viên chỉ vang lên bên tai họ cách vô ích mà thôi”.

Vì thế đời sống của người tông đồ liên hệ mật thiết với các hoạt động của họ. Nếu người tông đồ muốn làm cho giá trị của Nước Trời được sinh hoa kết trái thì họ phải cậy trông vào ơn Chúa, tránh tạo nên những chướng ngại làm cản trở ơn sủng, tránh sống hờ hững hay lạnh nhạt làm cản trở lòng nhân hậu của Thiên Chúa. Họ phải sống làm sao để xứng đáng lãnh nhận ơn Chúa, họ cầu nguyện và hy vọng vào ơn sủng ấy. Thậm chí họ có thể hy vọng nhận được ơn giảng thuyết nếu Chúa muốn.

Về điểm này chúng ta gặp lại đặc tính của Dòng Đa Minh. Người Đa Minh chiêm niệm, hy vọng rằng khi họ suy niệm về những chân lý đức tin và khi trái tim của họ được tình yêu đối với Thiên Chúa đốt cháy, họ có thể đem những kiến thức và tình yêu ấy đến cho người nghe. Chính đời sống nội tâm phát sinh đời sống tông đồ. Khi giảng thuyết và dạy học, các linh mục và các nữ tu hy vọng rằng: nhờ ơn Chúa, những điều họ giảng dạy sẽ sinh hoa kết trái và thính giả sẽ lắng nghe và tuân giữ Lời Chúa.

SỰ THÁNH THIỆN CẦN THIẾT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ

Để là một tông đồ đích thực, người Đa Minh trước hết phải thánh hóa bản thân. Họ luôn phải cố gắng trở về với khởi điểm là sự thánh hóa bản thân: “Một sứ điệp tông đồ không được hình thành trong cung thánh, trong cung nguyện hay trong khu nội cấm thì không bao giờ hoàn hảo”. Ngay từ đầu, Hiến Pháp đã nhấn mạnh đến sự thánh hóa bản thân:

“Nhu Tu Luật dạy, trước hết sở dĩ chúng ta đoàn tụ làm một là để sống hòa hợp trong một nhà và để đồng tâm nhất trí trong Chúa hầu chúng ta đạt đến sự viên mãn trong đức ái”.

Con đường dẫn đến sự thánh thiện bản thân là vấn đề trước tiên mà Hiến Pháp chỉ thị cho vị giám sư tập sinh phải dạy cho các tập sinh của mình những đề tài sau:

“Trước hết, vị giám sư tập sinh phải dạy họ và nhắc nhở họ rằng: họ chu toàn giới luật về tình yêu Chúa và tha nhân là giới luật quan trọng nhất của Tu Luật của chúng ta”.

Hiến Pháp của các nữ đan sĩ cũng nhấn mạnh đến sự thánh thiện bản thân: “Các nữ đan sĩ thuộc Dòng Anh Em Thuyết Giáo.... cố gắng đạt đến sự hoàn thiện Ki-tô giáo”. Đó là điều duy nhất có liên quan đến hoạt động tông đồ của họ: “...và nhờ vào sự hoàn thiện đó, các chị cầu nguyện cho các hoạt động của anh em đem lại kết quả dồi dào trong sự thánh thiện”.

Những phương thế mà thánh Đa Minh trao cho con cái của Ngài để làm cho họ trở thành người tông đồ giống như những phương thế làm cho họ

nên thánh. Điều này có nghĩa là hai mục đích phải trở thành một. Đức ái hướng dẫn người Đa Minh tìm kiếm sự kết hợp với Thiên Chúa, thúc đẩy họ yêu thương tha nhân và hoạt động vì ơn cứu độ của tha nhân. Trước hết, thánh Đa Minh đã dùng những phương thế để đạt đến hai mục đích ấy là các lời khẩn và đời sống cộng đoàn. Rồi đến phụng vụ, những hình thức cầu nguyện khác và kỷ luật tu trì như: chay tịnh, kiêng khem, thỉnh lặng và tất cả mọi thực hành khác mà Tu Luật, Hiến Pháp và tập tục ấn định. Những phương thế này đáp ứng mục đích kép: thánh hoá các phần tử và chuẩn bị cho việc tông đồ. Cầu nguyện này xin lòng nhân từ của Thiên Chúa, đền tội và xin ơn tha thứ cho các tội nhân để thi hành tác vụ. Khi ra khỏi cung thánh, cung nguyện hay khu nội cấm là lúc người Đa Minh đã sẵn sàng lên đường.

Những phương thế do Dòng thiết định cho phép anh em có khả năng giúp đỡ các linh hồn bằng đời sống hy sinh của mình. Như vậy, họ bắt chước thánh Đa Minh đã tận hiến chính mình qua các lời khẩn như một lễ vật toàn thiêu để phục vụ Thiên Chúa. Cha tiếp tục hy sinh mỗi ngày bằng việc kiên trung giữ kỷ luật tu trì. Khi đã trở thành một tông đồ, Cha đánh giá cao việc giữ kỷ luật không những vì hy sinh nhưng còn vì giá trị tông đồ của chúng. Suốt cuộc đời, như một nhà giảng thuyết, Cha đã luôn sống trong tu viện, chu toàn những bổn phận trong tu viện theo hoàn cảnh của mình, giữ thỉnh lặng, nguyện Các Giờ Kinh Phụng Vụ theo giờ khắc đã được giáo luật chỉ định, cầu nguyện lâu giờ vào ban đêm sau một ngày thuyết giảng.

Nhưng đời sống chiêm niệm và đời sống tông đồ của Dòng được hoà nhịp với nhau mặc dù những điều kiện sống náo nhiệt ở thế kỷ XX này tạo nên nhiều bất lợi cho việc đem tinh thần chiêm niệm vào các hoạt động tông đồ. Nhất là các nữ tu Đa Minh sẵn sàng hy sinh đảm nhận việc giáo dục. Các chị dành một phần lớn thời gian trong ngày để dạy học. Công việc này làm mất nhiều thời gian dành cho đời sống cộng đoàn và cầu nguyện. Các chị dạy học suốt ngày, hội họp, thảo luận và giải trí. Sau đó, các chị trở về tu viện và bắt đầu chuẩn bị cho ngày hôm sau. Nếu công việc này được giảm bớt, nghĩa là dạy ít lớp hơn, ít các hoạt động ngoại khoá hơn, các chị sẽ rảnh rỗi hơn và có nhiều thời gian để dành cho việc thỉnh lặng và sống cô tịch hơn.

Thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na, vị bổn mạng đặc biệt của các nữ tu Đa Minh, đã dạy cho các chị biết cách thánh nữ vượt qua khó khăn và bảo vệ được bầu khí tĩnh mịch. Khi gia đình không còn dành cho thánh nữ phòng riêng nữa và bắt chị “làm tất cả công việc tầm thường trong bếp”, chị không còn thời gian và nơi riêng để cầu nguyện và suy niệm nữa. Chân phước Raymond Capua đã kể lại cách chị giải quyết khó khăn này như sau:

“Dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, chị đã xây dựng trong tâm hồn mình một căn phòng kín đáo, chị hứa sẽ không bao giờ rời bỏ căn phòng ấy vì bất cứ điều gì ở thế gian này... Chính chị đã dựng nên một căn phòng nội tâm mà không ai có thể lấy mất, chị không cần phải đi ra khỏi căn phòng ấy nữa”. Thánh Catarina đã xây cho mình một căn phòng không do bàn tay con người, nhưng được Chúa Ki-tô trợ giúp từ bên trong, và vì thế chị không

buồn lòng vì đã mất căn phòng do con người xây có tường có vách nữa. Chân phước kể tiếp: “Tôi nhớ rằng mỗi khi tôi thấy mình bị quá nhiều công việc lôi kéo hay phải tiếp tục một cuộc hành trình nào đó, chị Catarina lại nhắc tôi: “Cha hãy xây cho mình một căn phòng trong chính tâm hồn Cha và Cha không bao giờ cần phải đi ra ngoài căn phòng ấy nữa”.

Cha Gerald Vann đã khuyên cùng một lời khuyên ấy một cách khéo léo như sau:

“Là người chiêm niệm có nghĩa là người luôn cầu nguyện và là người luôn chìm đắm trong suy tư trước Thiên Chúa. Hiện nay, điều này không đòi buộc thình lặng bên ngoài. Nhiều vị thánh đã hăng say hoạt động. Tu sĩ Lawrence, một trợ sĩ Dòng Cát Minh, thế kỷ XVII, kể rằng thầy đã học cách sống thường xuyên và hoàn toàn thình lặng với Thiên Chúa giữa tiếng lách cách trong nhà bếp”.

Để tự khích lệ mình trong trách nhiệm tông đồ nặng nề, người Đa Minh nên biết rằng: thánh Đa Minh đã phải hy sinh sự an bình và thình lặng của khu nội cấm trong nhiều năm để Cha đi thăm viếng và giảng thuyết. Người giảng thuyết chân chính sẽ ở trong tu viện để thờ phượng Chúa khi tha nhân chưa cần đến họ. Việc thờ lạy thì tốt hơn là giảng dạy; nhưng người Đa Minh yêu Chúa mãnh liệt đến nỗi họ sẽ rời khỏi cộng đoàn để đi giảng dạy nhằm cứu giúp các linh hồn. Thánh Tô-ma đã diễn tả tinh thần tông đồ như sau:

“Một số người đã lên đến đỉnh cao của đức ái đến nỗi họ dám tạm bỏ việc chiêm niệm mặc dù họ cảm thấy sung sướng được ở trong trạng thái đó để được phục vụ Chúa qua việc cứu độ tha nhân. Thánh Phao-lô nói đến sự hoàn thiện này trong các thư gửi tín hữu Rô-ma và Phi-líp-phê (Rm 9,3; Pl 1,23). Sự hoàn thiện ấy thích hợp với các vị Giám mục và các người giảng thuyết mà những công việc của các ngài như những Thiên Thần lên xuống trên chiếc thang ông Gia-cóp, đang leo lên bằng việc chiêm niệm và leo xuống qua sự quan tâm đến ơn cứu độ của tha nhân” (De Carit, a.11, ad 6).

Đây là việc làm của một nữ tu Đa Minh mỗi khi chị bước vào lớp học. “Tạm quên đi sự ngọt ngào của việc suy niệm về tình yêu Thiên Chúa, điều mà chị ưa thích, để chị tiếp tục tích cực hoạt động hầu đem ơn cứu độ cho tha nhân” (St Thomas, Quodl q7, a14, ad 2). Sự hy sinh này làm đẹp lòng Chúa, vì nó được tình yêu và sự vâng phục thúc đẩy. Trong lớp học, chị nói về con người của Đức Ki-tô, chị dạy cho các học sinh biết Người và yêu mến Người. Trong tinh thần này, Đức Ki-tô ở với chị khi chị dạy học. Khi chị tạm bỏ việc chiêm niệm, Đức Ki-tô nói với chị như Người đã nói với thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na: “Cha không định tách lìa con khỏi Cha. Trái lại, Cha muốn kết hợp với con mật thiết hơn bằng tình yêu tha nhân”.

Khi sinh con, người mẹ phải chịu đau đớn và hy sinh. Người nữ tu cũng cảm nghiệm được sự đau đớn trong những giờ xa cách Chúa Giê-su Thánh Thể. Chị cảm thấy phải hy sinh đời sống cầu nguyện để có thể thực hiện công tác của mình ở lớp học. Đây không phải là nỗi đau đớn và hy sinh phải chịu của tình mẫu tử thiêng liêng sao? Điều này có vẻ lý tưởng quá; nhưng nó thực sự là một tình mẫu

tử thiêng liêng. Trước Thiên Chúa, ngoài các nữ tu thì ai đang làm việc cho các linh hồn ở Hoa Kỳ? Các linh mục thi hành một số việc quan trọng hơn trong việc cử hành các bí tích và Thánh Lễ, nhưng giá trị bản thân chẳng hơn gì các nữ tu. Thánh lễ và các bí tích đến từ Thiên Chúa. Các nữ đan sĩ chiêm niệm với những khổ hạnh và đời sống đan tu nghiêm ngặt không trực tiếp làm những công việc cực khổ ấy, không cảm nghiệm những căng thẳng thường xuyên và không cần phải cố gắng giữ bầu khí tĩnh mịch nội tâm. Những đau đớn của tình mẫu tử thiêng liêng là điều có thật.

Các phần tử của Dòng phải yêu mến ơn gọi của mình. Sống ơn gọi ấy là noi theo cả đời sống công khai lẫn đời sống ẩn dật của Đức Ki-tô và thánh Đa Minh. Họ chứng tỏ cách hữu hiệu rằng họ yêu mến Thiên Chúa. *“Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những người anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người làm cho chính Ta vậy”* (Mt 25, 40). Khi người Đa Minh phục vụ tha nhân, là họ đang phục vụ chính Chúa Ki-tô. Họ chu toàn hai nhiệm vụ chính yếu của luật: mến Chúa yêu người. Họ luôn tuân giữ Tu Luật của họ: “Anh em rất thân mến, chúng ta phải kính mến Thiên Chúa, rồi đến yêu thương tha nhân, vì đó là mệnh lệnh chính ban cho ta”.

CHƯƠNG 5

ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐA MINH LÀ SỐNG PHỤNG VỤ

Dominican life is liturgical

Chúng ta đã nghiên cứu những mục đích của Dòng là chiêm niệm và hoạt động tông đồ, kết quả chiêm niệm là hoạt động tông đồ. Đây là những mục đích cao cả mà Dòng đã đề ra cho những người Đa Minh. Tuy nhiên, điều đó chưa đủ để có những lý tưởng tuyệt vời. Vì thế, những phương thế thích hợp để đạt được những mục đích này là điều cần thiết. thánh Đa Minh đã để lại cho Dòng những phương thế hữu hiệu phù hợp với những lý tưởng mà Cha đã phác thảo. Hiến pháp của Dòng đã tóm lược phần quan trọng nhất của những phương thế này như sau:

“Tất cả những yếu tố làm thành đời sống Đa Minh và tổ chức nó theo kỷ luật chung đều thuộc về nếp sống tu trì. Trong những yếu tố đó nổi bật nên đời sống chung, việc cử hành phụng vụ và cầu nguyện riêng, thực hiện những lời khẩn, chuyên cần học hỏi chân lý và tác vụ tông đồ. Còn nội vi, thinh lặng, tu phục và những việc hãm mình thì giúp giữ trọn những điều trên” (Hiến pháp số 40).

Hiến pháp của các nữ đan sĩ cũng dùng kiểu nói như vậy khi diễn tả những phương thế chính yếu để đạt được sự hoàn thiện:

“Những phương thế mà thánh Tổ Phụ đã đặt ra cho các nữ đan sĩ để đạt được mục đích hoàn thiện này, và theo truyền thống, đó là: Ba lời khẩn trọng thể: khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục; cử hành long trọng Các Giờ Kinh Phụng Vụ, chay tịnh và khổ chế, chiêm niệm sốt sắng liên li và sâu xa về Thiên Chúa, Đáng Sáng Tạo, Đáng Cứu Chuộc và Đáng Thánh Hoá”.

Hiến pháp của các nữ tu hoạt động dù được diễn tả bằng một hình thức hơi khác: “Tuyên khẩn, cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ tại cung nguyện, tâm nguyện; sống cộng đoàn, kỷ luật và tuân giữ nếp sống tu trì, mang tu phục”.

Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh cũng giữ luật tương tự như các tu sĩ nam, nữ theo hoàn cảnh sống ở giữa đời. Họ hứa sống theo tinh thần của Dòng nếu có thể, tham dự Thánh Lễ mỗi ngày và nguyện một phần của Các Giờ Kinh Phụng Vụ hoặc lần chuỗi Mân Côi. Họ tổ chức họp hàng tháng và cố gắng tìm hiểu sâu xa về chân lý đức tin. Mọi thành phần của Gia Đình Đa Minh theo đuổi cùng những mục đích, sử dụng cơ bản cùng những phương thế, được sinh ra và tồn tại trong cùng một tinh thần do thánh Đa Minh để lại. Trong chương này, chúng ta chỉ bàn về đời sống cầu nguyện của người Đa Minh.

ĐỜI SỐNG CHIÊM NIỆM CỦA NGƯỜI ĐA MINH VÀ PHỤNG VỤ

Trong việc huấn luyện thành những tông đồ chiêm niệm, Dòng đòi hỏi con cái mình một đời sống cầu nguyện như một điều kiện bắt buộc. Điều này có nghĩa là Dòng muốn đưa đời sống thường ngày của họ vào cầu nguyện, buộc họ cử hành phụng vụ và chu toàn nhiều bổn phận thiêng liêng khác. Hơn nữa, Dòng cũng tạo ra một đời sống cầu nguyện trong các tu viện, cộng đoàn, buộc thịnh lặng như điều kiện thiết yếu cho đời sống của người Đa Minh.

Một ngày của người Đa Minh phải xoay quanh phụng vụ. Cao điểm của một ngày là Thánh Lễ. Thánh Lễ là lời ca tụng tốt đẹp nhất mà con người có thể dâng lên Thiên Chúa Ba Ngôi. Kết hợp với Thánh Lễ là Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Và từ đó ta chuẩn bị tâm hồn cho Thánh Lễ, lãnh nhận ơn ích của Thánh Lễ và mang nó trong suốt cả ngày. Được chia theo các giờ khác trong ngày, Các Giờ Kinh Phụng Vụ vừa thánh hiến mọi phần của ngày cho việc phục vụ Thiên Chúa, vừa thánh hiến mỗi giờ qua đi với một nghi thức phụng vụ nào đó.

Chỉ khi nào chu toàn bổn phận chính yếu của mình là phụng thờ Thiên Chúa và thánh hoá bản thân, thì người Đa Minh mới có thể ra đi hoạt động cho ơn cứu độ của tha nhân. Tu luật thánh Âu-tinh cũng đã nhấn mạnh điều này: “Trước hết, anh em hãy kính mến Thiên Chúa và rồi yêu thương tha nhân”.

Trong hoạt động cao nhất như một người cầu nguyện, người Đa Minh trở nên giống Ngôi Lời Nhập Thể, Ngôi Hai Thiên Chúa đã làm người. Đức Ki-tô vừa là Thiên Chúa vừa là con người, Đức Ki-tô làm Đầu của toàn thể nhân loại và là Thượng Tế của Thiên Chúa Cha trên trời. Là người, Đức Ki-tô không ngừng dâng lời tôn vinh Thiên Chúa vì Người là Ngôi Vị Thiên Chúa. Người có bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại. Ngôi Lời hoạt động trong hai bản tính này chính là Thiên Chúa. Như hành động của ngôi vị được đánh giá theo phẩm giá của ngôi vị, hoạt động của Thiên Chúa chúng ta có giá trị vô cùng, kể cả những gì Người làm dưới bản tính nhân loại. Khi Đức Ki-tô, xét như con người, tôn thờ Chúa Cha trên trời thì việc thờ phượng của Người cũng có giá trị vô cùng. Vì thế, Người thi hành trách nhiệm đầu tiên của toàn thể nhân loại là tôn thờ Chúa Cha trên trời. Vì thế, Chúa chúng ta đã hiển dâng ở trần gian.

Như một tu sĩ, người Đa Minh cũng phải có bổn phận tế lễ. Khi gia nhập Dòng, họ tự nguyện hiến dâng chính bản thân mình bằng lời khẩn phục vụ Thiên Chúa. Từ ngày đó trở đi, bổn phận của người Đa Minh chính là cùng với Dòng dâng lời ca ngợi không ngừng lên Thiên Chúa.

Qua việc thờ phượng long trọng. Dòng Anh Em Thuyết Giáo noi gương Mẹ Hội Thánh, cộng đồng dân Chúa trên hoàn vũ, hiện hữu để ngợi khen, yêu mến và tôn thờ Đấng Tối Cao trong Hội thánh, Dòng là một cộng đoàn những người chuyên việc thờ phượng. Mỗi phần tử được hợp với nhau bằng mối dây liên kết siêu nhiên của lời khẩn với ý hướng thánh thiện là ca ngợi Thiên Chúa. Hơn nữa, tất cả những ngành của Dòng cùng nhau hoạt động

như một gia đình, để hoạt động tông đồ của mình, họ gia tăng số người thờ phượng Thiên Chúa. Để đạt được mục đích này cách hoàn hảo nhất, Dòng làm cho các phần tử của mình thành những con người chiêm niệm, những hình ảnh sống động của Đức Ki-tô, Người Thờ Phượng hoàn hảo.

DI SẢN CỦA THÁNH ĐA MINH

Lòng mộ mến phụng vụ là di sản quý giá của người Đa Minh thừa hưởng từ Tổ Phụ của mình. Chính Cha Thánh chuyên chú vào việc phụng tự, một nhiệm vụ mà chúng ta gặp thấy trong cuộc sống của Cha, trong Hiến Pháp và trong cách thức Cha đã dạy con cái mình.

Cha đã từng khấn trong Kinh Sĩ Đoàn. Cha là một linh mục với nhiệm vụ chính là cử hành phụng vụ thánh tại nhà thờ chính toà Osma. Cuộc sống của Cha quy về Các Giờ Kinh Phụng Vụ; bởi vì Cha có bổn phận tham dự Các Giờ Kinh Phụng Vụ hàng ngày. Vì thế linh đạo của Cha tự cơ bản là linh đạo mang tính tự tế.

Thánh lễ là cuộc sống của Cha. Cha đã xúc động trong khi cử hành các nhiệm tích thánh, đến nỗi Cha đã khóc khi đọc phần Lễ Quy và kinh Lạy Cha. Điều này chứng tỏ Cha là một con người thần bí hầu như thấu suốt được dấu chỉ của các bí tích. Một cách mâu nhiệm, thánh Đa Minh đã nhìn thấy Chúa Ki-tô hiện diện trên bàn thờ, Con Thiên Chúa đã bị sát tế và vẫn còn mang thương tích. Tu sĩ Stêphen Spain làm chứng về lòng yêu mến Thánh Lễ của thánh Đa Minh như sau:

“Tôi rất thường thấy Cha Thánh cử hành Thánh Lễ và thấy mặt Cha luôn đắm lệ suốt phần Lễ Quy. Những người tham dự đều dễ dàng nhận ra lòng sùng kính và sốt sắng của Cha trong suốt Thánh Lễ và cách thức Cha đọc kinh Lạy Cha. Tôi nhớ rằng không bao giờ Cha dâng lễ mà Cha không rơi lệ”.

Tu sĩ Frogier Penna cũng đã chú ý đến lòng sùng kính này:

“Tôi thấy Cha Đa Minh cử hành Thánh Lễ nhiều lần khi ở trong tu viện cũng như trong lúc du hành, và không lần nào mà Cha không rơi lệ”. Ý nghĩa của các nhiệm tích thánh đã làm cho Cha ngây ngất”.

Ngay sau khi trở thành một tông đồ, thánh Đa Minh vẫn tiếp tục đời sống phụng vụ. Dù Cha thường đi du thuyết nhiều ngày, nhiều tuần, nhưng Cha vẫn cử hành Thánh Lễ mỗi ngày tại một nhà thờ nào gần nhất. Cha khẳng định rằng: “Người ta có thể vừa là một người chiêm niệm vừa là một tông đồ”. Ở thế kỷ thứ XIII, linh mục không thường xuyên cử hành Thánh Lễ mỗi ngày như hiện nay. Đây là lý do giải thích tại sao những người viết tiểu sử thời Trung Cổ nhấn mạnh là các vị thánh của họ cử hành Thánh Lễ mỗi ngày. Chúng ta thấy chi tiết này trong đời sống của các thánh: Đa Minh, Tô-ma, Vinh Sơn Phê-rê. Lòng sùng kính đối với Thánh Lễ như thế đã được lưu ý đặc biệt trong cuộc sống của người tông đồ du thuyết như thánh Đa Minh và thánh Vinh Sơn. Thánh Vinh Sơn đã đồng hành với một nhóm anh em để cùng nhau hát Các Giờ Kinh Phụng Vụ và thành một ca đoàn hát lễ hàng

ngày. Tu sĩ Paul Venice đã làm chứng rằng thánh Đa Minh cũng thích hát lễ: “Ngay trong lúc du hành, Cha Thánh cũng sốt sắng và không ngừng cầu nguyện. Nếu có thể tìm được một nhà thờ thích hợp, Cha đến đó để dâng lễ hát mỗi ngày”. Những lời này cho chúng ta biết nhiều về cách thức giảng thuyết của thánh Đa Minh. Cha không ngừng truyền giảng, đi khắp nơi đến nỗi người ta thường gặp Cha ở nơi rất xa nhà thờ khi trời tối. Những khi đó, Cha dừng chân nơi quán trọ hoặc Cha quấn chiếc áo choàng và ngủ ngay trên vệ đường. Tu sĩ Ventura Verona nhận xét: “Khi Cha đến quán trọ, nếu có nhà thờ gần đó, Cha luôn đến đó cầu nguyện. Kể cả lúc du hành, Cha cũng dâng Thánh Lễ gần như mỗi ngày nếu tìm được một ngôi nhà thờ”.

THÁNH ĐA MINH MỘ MẾN CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

thánh Đa Minh không những sùng kính đối với Thánh Lễ nhưng còn với cả Các Giờ Kinh Phụng Vụ nữa. Cha đã dạy anh em thời sơ khai phải hát Các Giờ Kinh Phụng Vụ vào đúng giờ quy định ngay cả khi đang đi đường nữa. Tu sĩ Ventura kể tiếp:

“Khi ở ngoài tu viện, mỗi khi Cha Thánh nghe tiếng chuông báo hiệu giờ nguyện kinh từ các đan viện, Cha thường thức dậy và đánh thức anh em. Cha sốt sắng cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ, ngày cũng như đêm vào những giờ quy định để không bỏ qua một giờ nào. Sau kinh tối, khi đi đường, Cha cùng các anh em đồng hành giữ thinh lặng như thể đang ở tu viện”.

Thực vậy, khi ở tu viện, Cha giữ thinh lặng như thế. Tu sĩ Rudolph Faenza cho chúng ta biết: “Vì lòng yêu mến Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Cha thánh Đa Minh luôn luôn hiện diện nơi cung nguyện với cộng đoàn”. Cha thực hiện điều này ngay cả khi Cha đã thức suốt đêm. Đây là những bằng chứng sâu sắc về sự trung thành giữ giờ hát kinh ở cung nguyện vào tuần lễ cuối đời của Cha. Khoảng tháng 7 năm 1221, thánh Đa Minh hoạt động ở Lombardy, Cha thuyết giảng ở nhiều thành phố trong vùng đó. Đến cuối tháng, Cha trở về Bologna, bị kiệt sức và lên cơn sốt. Tu sĩ Ventura kể về tinh thần quả cảm của Cha như sau:

“Vì cơn sốt của Cha quá cao, bề trên tu viện đã xin Cha đi nghỉ và khởi thức dậy để nguyện kinh ban đêm. Nhưng Cha không chấp nhận đề nghị này mà cứ đến tham dự Các Giờ Kinh Phụng Vụ và cầu nguyện thâu đêm như thường”.

Thánh Tô Phụ thường thúc giục anh em chuyên tâm đến Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Tu sĩ Paul Venice kể về đức tính này như sau:

“Cha thường đi quanh cung nguyện dùng lời và gương mẫu thúc giục anh em chú tâm hát và đọc thánh vịnh sốt sắng. Chính Cha cũng miệt mài chăm chú vào lời Cha đang cầu nguyện đến nỗi Cha không bao giờ bị chi phối bởi bất cứ sự ồn ào, tiếng động nào”.

thánh Đa Minh cũng siêng năng cầu nguyện riêng. Ngay trong những năm Cha truyền giáo giữa những người thuộc phái An-bi, Cha cũng rất say mê cầu nguyện. Một nhân chứng kể rằng: “Khi chúng tôi tìm Cha thì đã thấy

Cha đang quỳ cầu nguyện bất chấp những đe dọa của bầy lang sói đã lan tràn ở vùng này”. Suốt đời Cha đã thức suốt đêm để cầu nguyện. Tu sĩ Ventura Verona làm chứng rằng: “Chúng tôi vui mừng nhìn thấy Cha trong nhà thờ vừa cầu nguyện vừa khóc nức nở”. Tu sĩ Paul Venice nói: “ Ngay trong lúc du hành, Cha đều say mê cầu nguyện không ngừng”. Một số con cái của Cha cũng đã thường cầu nguyện như Cha. Nhưng Thiên Chúa đã ban cho Cha, vị sáng lập, hồng ân đặc biệt. Qua những lời cầu nguyện và canh thức đầu đêm, Cha Thánh đã mang lại nhiều ân sủng cho toàn Dòng, không chỉ vào thời của Cha sống; nhưng còn cả thời nay và mãi sau. Việc hãm mình và cầu nguyện của Cha vẫn còn ích lợi cho con cái của Cha.

ĐỜI SỐNG CẦU NGUYỆN CỦA DÒNG

Đáng sáng lập không muốn đưa ra một khuôn mẫu cho Dòng. Nhưng ngay từ đầu, Cha đã truyền cho Dòng mình phải cầu nguyện khi Cha sát nhập Dòng vào Gia Đình kinh sĩ Đoàn. Điều này đã được chính thức công nhận vào năm 1216. Sau đó hàng thế kỷ, lời dẫn nhập của Hiến Pháp viết như sau: “Điều thích hợp là chúng ta, những người sống dưới một Tu Luật và một lời khấn, phải có sự thống nhất trong nếp sống tu trì kinh sĩ của chúng ta”. Thêm vào đó, những đoạn mở đầu của Hiến Pháp qui định việc cử hành Thánh Lễ tu viện và Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Trước hết, Hiến Pháp hiện hành chỉ định rằng việc nguyện chung Các Giờ Kinh Phụng Vụ là nhiệm vụ chung của người Đa Minh và không bao giờ có thể thay đổi hoàn toàn.

Ngoài việc phụng tự căn bản này, Dòng còn qui định cho các phần tử của mình những trách nhiệm về cầu nguyện như: đọc kinh Mân Côi, các giờ suy gẫm, đọc kinh tạ ơn trước và sau mỗi bữa ăn, cầu nguyện cho các anh chị em và ân nhân qua đời, rước kiệu...Hàng tuần tu viện cử hành Thánh Lễ cầu nguyện cho các linh hồn đó, và rước kiệu 4 Chúa Nhật trong tháng để tôn kính Đức Mẹ Mân Côi, Thánh Danh, Thánh Thể và thánh Đa Minh.

THINH LẶNG - BẦU KHÍ CỦA CẦU NGUYỆN

Để tạo ra và duy trì bầu khí cầu nguyện trong các tu viện của Dòng, thánh Đa Minh buộc con cái mình giữ tinh lặng nghiêm ngặt. Phải giữ tinh lặng tuyệt đối ở mọi nơi trong tu viện, trừ ở phòng giải trí trong giờ chơi. Hiến Pháp tiên khởi và hiện nay đưa ra bốn nơi phải giữ tinh lặng nghiêm túc: phòng ngủ và hành lang, phòng riêng, phòng cơm và cung nguyện. Thời điểm tinh lặng đặc biệt từ cuối ngày cho đến sáng hôm sau. Ngay cả trong giờ ăn, trái với thói quen của người đời muốn làm cho bữa ăn vui nhộn thì tu sĩ giữ tinh lặng. Nếu cần thiết, anh em chỉ nói một vài lời. Các bữa ăn được liên kết với phụng vụ ở cung nguyện. Cộng đoàn tụ họp tại “hành lang an táng người qua đời” đợi vào phòng ăn. Nơi đặc biệt này của tu viện được gọi như vậy vì ở những thế kỷ trước, người chết được chôn cất ngay dưới những viên đá lát nền hành lang. thánh Đa Minh cũng muốn được chôn tại đó, “ngay dưới chân anh em”. Những điều này giải thích sự tinh lặng tuyệt

đổi của “hành lang an táng người qua đời”. Đó là nơi cầu nguyện cho những anh chị em đã qua đời mà không còn có thể làm được gì cho mình nữa. Khi cộng đoàn vào phòng ăn, anh em đọc kinh vực sâu, rồi trước bữa ăn, anh em hát kinh sám hối. Lời tạ ơn sau bữa ăn là việc phụng tự cao đẹp mà nó khởi sự từ phòng ăn, đi rước và kết thúc khi anh em tới cung nguyện. Bữa ăn diễn ra trong nghi thức phụng vụ như thế để nhắc nhở người tu sĩ rằng mọi giây phút của cuộc sống đều để làm vinh danh Thiên Chúa. Ngay việc ăn uống cũng là một bổn phận. Nó tượng trưng cho một bổn phận thánh thiện hơn của việc nuôi dưỡng linh hồn trong chân lý thánh. “Người ta sống không nguyện bởi cơm bánh: nhưng còn bởi mọi lời do miệng Thiên Chúa phán ra” (Mt 4,4). Để nhắc nhở cộng đoàn chân lý đó, nên các bữa ăn đều bắt đầu và kết thúc với các bài đọc Sách Thánh. Trong bữa ăn, anh em nghe đọc sách để như Tu Luật thánh Âu-tinh dạy: “không chỉ có miệng anh em ăn lương thực, mà tai anh em còn được uống Lời Thiên Chúa nữa”. Những bữa ăn được sắp xếp trong khung cảnh phụng tự và đọc sách thiêng liêng được coi như một Á Bí Tích và tiếp nối đời sống phụng tự của anh em.

Sự thinh lặng nghiêm ngặt của Dòng đời là điều cần thiết và là động lực hỗ trợ cho người tu sĩ. Nó không chỉ nhắm tới mục đích tiêu cực là hãm mình; nhưng còn để thực thi chức năng cao quý hơn, đó là tạo nên bầu khí cầu nguyện trong tu viện. Bằng việc tránh các thứ ồn ào của thế giới bên ngoài, giữ im lặng miệng lưỡi, và làm cho các xao trộn bên trong tâm trí và tư tưởng lắng xuống, anh em hồi tưởng lại chính mình và quỳ gối cầu nguyện trong niềm yêu mến trước Thiên Chúa Tối Cao.

PHỤNG VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ

Tại sao thánh Đa Minh, vị sáng lập Dòng hoạt động tông đồ, lại quá nhấn mạnh đến phụng vụ? Hai vấn đề dường như đối lập nhau: cầu nguyện lâu giờ ở cung nguyện và nhu cầu hoạt động tông đồ cần thiết. Đầu tiên thánh Đa Minh là người chiêm niệm. Cha đã lập nên một Dòng chiêm niệm mà bổn phận tiên quyết là phải ca ngợi Thiên Chúa. Tâm hồn sống cầu nguyện sẽ say sưa bởi vẻ đẹp của Thiên Chúa và chìm đắm trong tình yêu Người. Nó chẳng tìm gì khác hơn là tôn thờ và đáp trả tình yêu của Người. Tâm hồn muốn lưu lại luôn mãi trong Thiên Chúa. Qua phụng vụ, Giáo Hội trên trần thế không ngừng dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, thì thánh Đa Minh, một người chiêm niệm, chẳng muốn gì hơn là Dòng của mình luôn tôn thờ, kính yêu Thiên Chúa.

Thánh Tổ Phụ làm cho Dòng của Cha thành Dòng sống phụng vụ để con cái của Cha làm chứng cho những chân lý mà họ loan báo và giảng dạy. Chúa Ki-tô đã làm chứng cho những chân lý này bằng chính cuộc đời của Người: *“Tôi sinh ra và đến trong thế gian để làm chứng cho chân lý”* (Ga 18,37). Người đã thực hiện Lời chứng tột đỉnh này trên đồi Can-vê, bằng việc hy sinh mạng sống mình, Người minh chứng rằng Thiên Chúa là Đấng Tối Cao, nhờ Người chúng ta mới được mọi sự, ngay cả mạng sống của chúng ta. Cũng như hy lễ Thập Giá, Thánh Lễ là hành vi thờ phượng hoàn hảo. Đó là một hành vi có giá trị vô cùng của một Thiên Chúa làm người. Trong Thánh Lễ, chúng ta kết hợp với Chúa Ki-tô để làm chứng cho sự tuyệt hảo của Thiên Chúa.

Các Giờ Kinh Phụng Vụ tự bản tính hòa theo Thánh Lễ nhờ các thánh vịnh, thánh thi và lời giáo đầu đã kéo dài hiến tế của Chúa Ki-tô trên bàn thánh. Thánh Phao-lô nói: *“Vì thế, trong mọi nơi mọi lúc, ta hãy lấy lời ngợi khen làm lễ tế dâng lên Thiên Chúa, tức là dùng miệng lưỡi mà ca tụng Danh Thánh, nhờ trung gian của Đức Ki-tô”* (Dt 13,15).

Nhờ Thánh Lễ và Các Giờ Kinh Phụng Vụ, người Đa Minh thấm nhuần những chân lý đức tin, nhằm nuôi dưỡng tâm hồn và chuẩn bị rao giảng những chân lý này. Giảng thuyết nhiệt thành bắt nguồn từ cầu nguyện nhiệt thành. Khi ca ngợi vinh quang Chúa trong phụng vụ, các tu sĩ trở nên những tông đồ bởi vì những bản văn phụng vụ chỉ dạy cho họ biết các tội nhân lạc xa Chúa và xúc phạm đến Chúa thế nào. Hơn nữa, phụng vụ làm cho họ khao khát hoán cải, ra đi loan báo Tin Mừng cho các linh hồn được Đức Ki-tô cứu độ. Được phục vụ nung nấu, các tu sĩ hoạt động tông đồ sẵn sàng hy sinh thời gian đầy niềm vui trong chiêm niệm để ra đi rao giảng Lời. Dòng dùng châm ngôn sau đây rất phù hợp: Ngợi Khen – Chúc Tụng- Giảng Thuyết (*Laudare – Benedicere - Praedicare*). Trước khi phái con cái đi hoạt động tông đồ. Dòng đã uỷ thác cho họ việc thờ phượng Thiên Chúa, tập trung đời sống vào Các Giờ Kinh Phụng Vụ ngợi khen Chúa. Tinh thần và kết quả của hoạt động

tông đồ của Dòng trở nên nghèo hèn khi các anh em không tha thiết với phụng vụ theo tư tưởng, lối sống của thánh Đa Minh.

CẦU NGUYỆN CỦA CHỊ EM NỮ TU VÀ ANH CHỊ EM HUYNH ĐOÀN GIÁO DÂN

Linh đạo của Chị Em Nữ Tu và Anh Chị Em Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh tham dự vào Dòng tư tế và tông đồ, cũng là sống phụng vụ. Họ đọc Giờ Kinh Phụng Vụ kính Đức Mẹ và noi gương Đức Mẹ cứu độ các linh hồn, qua đó họ hiểu rằng mọi việc phải được làm với tâm tình trong Mẹ, nhờ Mẹ, do Mẹ và cho Mẹ...

CÁC THÁNH DÒNG ĐA MINH VÀ PHỤNG VỤ

Các thánh trong Dòng cũng có được lòng sùng mộ phụng vụ của vị thánh sáng lập Dòng và trở nên những người nam và những người nữ sống cầu nguyện. Tu sĩ Bernard Gui, chọn lọc những thông tin từ những người quen biết thánh Tô-ma, đã viết về đời sống cầu nguyện của thánh nhân như sau:

“Đời sống cầu nguyện của thánh Tô-ma tăng triển cách lạ thường, nếu như không có trọng lượng của thân thể thì người có thể bay bổng lên tới Thiên Chúa. Ban đêm, nhu cầu tự nhiên đòi phải nghỉ ngơi, thánh Tô-ma chỉ ngủ chốc lát rồi chỗi dậy nằm phủ phục trên nền nhà để cầu nguyện. Những đêm cầu nguyện như vậy, người học biết được những điều người sẽ viết lại hay đọc cho người thư ký viết lúc ban ngày”.

Tu sĩ Bernard đã ghi lại sự việc xảy ra vào Chúa Nhật V Mùa Chay ở Naples đang khi thánh Tô-ma cử hành Thánh Lễ:

“Nhiều người thấy Cha xuất thần mà Cha đã công nhận mình được thông dự vào cuộc khổ nạn của Chúa Ki-tô, Cha ở trạng thái xuất thần suốt thời gian dài, mặt Cha đầm đìa nước mắt. Một số anh em tiến lên chạm vào người Cha, Cha trở lại trạng thái bình thường và tiếp tục dâng lễ. Sau đó, anh em và một số hiệp sĩ bạn hỏi Cha về điều gì đã xảy đến trong lúc xuất thần đó, Cha từ chối trả lời họ”.

Ở trang khác, tu sĩ Bernard ghi lại sự việc quan trọng này như sau:

“Thánh Tô-ma đáng kính có lòng mộ mến đặc biệt đối với Bí Tích Thánh Thể và những tác phẩm Cha viết về chủ đề này thật thâm sâu; và phải có ơn đặc biệt mới làm cho Cha dâng lễ sốt sắng như thế được, Cha dâng lễ mỗi ngày, chỉ trừ khi Cha đau ốm.. sau khi dâng lễ, Cha còn ở lại tham dự và thường giúp lễ cho cha bạn hoặc cho một linh mục nào đó”.

Hiệp sĩ Henry Caracciolo người Neapoly đã trình bày trong hồ sơ phong thánh cho vị Tiến sĩ thiên thần rằng: Cha Tô-ma có lòng mộ mến Thánh Lễ như Cha thánh Đa Minh:

“Chúng tôi thường nghe nói về người tu sĩ này rằng: rất ngay thẳng, thanh khiết và thánh thiện, là một người chiêm niệm sâu xa và chuyên chăm

cầu nguyện. Cha dâng lễ mỗi ngày và còn dự Thánh Lễ khác nữa. Nếu vì ngăn trở không dâng lễ được, Cha tham dự hai Thánh Lễ và sau đó học hỏi, đến nỗi cả cuộc đời Cha là đọc sách, cầu nguyện và nghiên cứu”.

Chân phước Raymond Capua kể lại một biến cố đáng ghi nhớ trong đời của thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na cho thấy chị đã nhận ra giá trị quan trọng của Phụng Vụ. Chị không biết đọc, biết viết, nhưng lòng ao ước đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ mãnh liệt thiêu đốt tâm can chị. Để thỏa lòng mong ước, chị quyết tâm học để đọc được. Chân phước Raymond kể tiếp:

“Chị Ca-ta-ri-na nói với tôi: con quyết tâm học để đọc được những lời ca ngợi Thiên Chúa và đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Một người bạn của chị viết bản mẫu tự và cố gắng dạy cho chị; sau nhiều tuần lễ vô ích chị quyết định không chờ đợi nữa và chạy đến cầu xin Chúa. Một buổi nọ, chị quì gối than thở với Chúa: “Lạy Chúa, nếu Chúa muốn con biết chữ để đọc được các Thánh Vịnh và hát những lời ngợi khen Chúa trong những giờ kinh, thì xin Chúa đoái thương dạy con, điều mà con không làm nổi. Nếu Chúa không muốn, con xin vâng theo ý Chúa. Con bằng lòng chịu ngu dốt và con sẽ dành nhiều thời giờ để chiêm ngắm Chúa bằng những phương cách khác. Rồi phép lạ xảy ra như một bằng chứng rõ ràng về quyền năng Thiên Chúa. Chị được Thiên Chúa dạy bảo đang khi cầu nguyện. Chị đã đọc được một cách dễ dàng và rất trôi chảy. Tôi biết được điều này và kinh ngạc vô cùng nhất là vì chị có thể đọc nhanh như vậy, lẽ ra chị phải vất vả đánh vần từng chữ. Tôi tin rằng: Thiên Chúa đã thực hiện một dấu lạ nơi thánh nữ”. Từ đó thánh Ca-ta-ri-na tìm sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ để đọc các thánh vịnh, thánh thi, thánh ca và những gì liên quan đến các giờ kinh đó”.

Nơi khác, chân phước Raymond ghi: “Đức Ki-tô thường đến thăm Ca-ta-ri-na. Chúa nói chuyện với chị như hai người bạn, nhiều lần đến nỗi chị e dè thú nhận với tôi: Hai vị đọc thánh vịnh với nhau cách đối đáp như hai tu sĩ đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Trong những cuộc gặp gỡ này, khi đọc đến câu: “Vinh Danh Chúa Cha và Chúa Con, thay vì đọc Chúa Con thì Ca-ta-ri-na cúi mình trước Chúa Giê-su và đọc: Vinh danh Chúa Cha và Ngài cùng với Chúa Thánh Thần. A-men”.

NGƯỜI ĐA MINH, NGƯỜI CẦU NGUYỆN

Lòng ước muốn trở thành người sống cầu nguyện phải nung nấu người Đa Minh. Họ phải quan tâm đặc biệt đến đời sống thiêng liêng, nhiệt thành cầu nguyện, tham dự Các Giờ Kinh Phụng Vụ đầy đủ, đọc kinh Mân Côi, suy niệm. Thánh Lễ phải là trung tâm điểm của một ngày. Người Đa Minh cần xác tín rằng cầu nguyện là điều quan trọng hơn mọi việc; không bao giờ được bỏ cầu nguyện dù cả ngày bận rộn nơi giảng giải, toà giải tội, giảng đường, lớp học hay học hỏi nghiên cứu, soạn bài. Cầu nguyện nhằm thánh hoá các hoạt động này qua những thời khắc khác nhau trong ngày cùng với việc hồi tâm và canh tân những động lực căn bản.

Những người Đa Minh còn là tông đồ nữa, nên họ cũng cần tạm ngưng cầu nguyện một vài thời khắc để hoạt động cho các linh hồn. Khi làm như

vậy, ở một mức độ nào đó, họ tạm gác lại những lời chúc tụng Chúa trong tu viện. Các nữ tu cũng làm như vậy khi các chị đi vào lớp học hay phục vụ trong bệnh viện. Các chị tạm bỏ qua đời sống tâm linh của mình; nhưng nhu cầu này không nguy hiểm nếu việc cầu nguyện hướng dần cuộc đời của các chị. Nếu các chị giữ lời khuyên của thánh Ca-ta-ri-na một cách nghiêm túc và tạo cho mình một căn phòng ngay trong tâm hồn mình. Nếu họ sống trong căn phòng nội tâm này và được trang bị bằng khiên một đức tin, họ có thể yên tâm xông vào chiến đấu cho linh hồn. Tu sĩ Bede Jarrett, là một trong những gương sáng chói ngời của người tông đồ cầu nguyện, nhận định về các anh em tiên khởi đã ra ngoài tu viện trong tinh thần này như sau:

“Họ tự coi mình như những nhà viết báo về tâm linh, phản đối từ Đông sang Tây mọi hình thức sai lầm và bảo vệ chân lý. Các tu sĩ được tự do trong phạm vi tu viện và được Cha Thánh Đa Minh cho phép chuẩn chước hát Các Giờ Kinh Phụng Vụ khi nó làm cản trở cho việc học hành hay giảng thuyết. Các tu sĩ tự hào về điều này mà Mathew Paris thường nói với vẻ khinh chê rằng: “Toàn trái đất là căn phòng của người tu sĩ và đại dương là tu viện của họ”.

Không chỉ có các tu sĩ phải đem tinh thần của tu viện vào trong hoạt động tông đồ; nhưng một mức độ nào đó, hoạt động tông đồ cũng phải đi vào tu viện. Anh em Đa Minh phải thích ứng đời tu của mình với khung cảnh mới. Anh em phải giảm bớt việc đọc kinh vào lúc nửa đêm. Các nữ đan sĩ vẫn nghiêm túc giữ thời khoá biểu này như các chị ở Prouile vào thời của Đấng Sáng Lập; nhưng anh em ít có thể làm được điều này. Thường thường ngày làm việc của anh em kết thúc tới nửa đêm. Ở thời Trung Cổ, các tu sĩ ngủ khoảng từ 19 giờ đến 21 giờ tùy từng mùa; nửa đêm họ thức dậy nguyện kinh Sách và rồi ngủ lại cho đến khi kinh nguyện sáng. Nhiều tu sĩ không muốn được chuẩn chước như thánh Antonius và nhiều tu sĩ khác tiếp tục đọc hết Các Giờ Kinh Phụng Vụ rồi học hành.

Người tông đồ ngày nay phải niềm nở tiếp khách dù tín hữu đến quá muộn. Hiến pháp cho phép một cách khôn ngoan thích nghi thời khoá biểu và những kỷ luật tu viện với đời sống tông đồ. Việc điều chỉnh này không làm tổn thương đến tinh thần tu trì của linh mục nếu đời sống của Cha là một đời sống cầu nguyện. Trung thành với hoạt động tông đồ là Cha đang thi hành mục đích của Dòng. Một linh mục nhiệt thành thực hiện mục đích này trong tinh thần chiêm niệm, tìm cách mang lại những thành quả của đời sống tu viện đến mọi người trên thế giới. Cha có tinh thần thường xuyên sống với Chúa trong tu viện, tâm sự với Chúa trong căn phòng; và sống với Chúa nơi các linh hồn, tâm sự với Chúa nơi các con cái của Chúa.

Nếu người Đa Minh không sốt sắng cầu nguyện và ngợi khen Chúa, họ không thể nào chiêm niệm được và không có hy vọng chiêm niệm. Không cầu nguyện, người Đa Minh không thể thấm nhuần những chân lý đức tin. Thánh Tô-ma viết về những màu nhiệm của Chúa như sau:

“Bất cứ ai siêng năng và yêu thích nghiên ngẫm mẫu nhiệm Chúa Nhập Thể, người đó tìm thấy sự khôn ngoan thâm sâu vượt trên mọi hiểu biết con người... Ý nghĩa kỳ diệu của mẫu nhiệm này được tỏ hiện dần dần cho những ai thành tâm thiện chí suy tư về mẫu nhiệm này” (IV Contra Gentes. c 54).

Thánh Tô-ma nhấn mạnh đến việc suy tư. Tâm hồn ngợi khen Chúa phải thường xuyên suy gẫm về những chân lý đức tin. Tâm nguyện là bổn phận quan trọng của người Đa Minh. Suy niệm các chân lý đức tin suốt đời làm cho họ thấm nhuần được ý nghĩa thâm sâu của các chân lý. Trong từng giai đoạn của chiêm niệm, người tu sĩ cảm thấy suy niệm được rất ít, rất có thể họ không cưỡng nổi ngũ gặt. Ngay cả thánh Đa Minh, do kiệt sức, có lần đã ngủ thiếp trong lúc Cha đang canh thức. Người tu sĩ không được ngã lòng vì những khó khăn trong việc tâm nguyện để bỏ và cho rằng tâm nguyện là vô giá trị. Để cầu nguyện đạt kết quả luôn luôn đòi hỏi công phu lâu dài, kiên tâm là điều kiện quan trọng. Thiên Chúa ban thưởng cho những cố gắng liên lỉ. Người tỏ mình cho những ai trung tín, ban cho họ am hiểu sâu xa những chân lý đức tin: *“Ai yêu mến Thầy thì sẽ được Cha yêu mến. Thầy sẽ yêu mến người ấy và sẽ tỏ ra cho người ấy biết Thầy” (Ga 14, 21)*. Đôi khi Chúa Thánh Thần soi sáng lâu cho họ sau giờ cầu nguyện chính thức. Có thể trong thời gian bận rộn hoạt động tông đồ, linh mục nghe thấy những tiếng thầm thì của Chúa Thánh Thần. Linh mục sẽ không nghe thấy những tiếng nhắc nhở này nếu không sống trong bầu khí cầu nguyện, nếu không làm cho mình một căn phòng nội tâm. Ít nhất, người Đa Minh cũng phải làm sao cho những chân lý trở thành của mình bằng việc sống những chân lý này. Họ không thể giảng dạy những chân lý này mà không có kết quả. Chắc chắn, họ có thể nói về những chân lý này, giảng hùng hồn làm vui lòng những người nghe; nhưng nếu họ không cầu nguyện, họ chỉ nói suông. Nếu họ là người sống tâm linh, lời cầu nguyện của họ càng có giá trị; những lời họ nói sẽ sinh ích lợi cho các linh hồn, cầu xin ơn Chúa cho các linh hồn.

LỜI CẦU NGUYỆN CỦA GIA ĐÌNH ĐA MINH

Cũng như Giáo Hội là một gia đình, Nhiệm Thể Chúa Ki-tô; Dòng Anh Em Thuyết Giáo cũng là một gia đình huyền nhiệm. Những thành phần của gia đình này lên đến hàng ngàn, được liên kết với thánh phụ Đa Minh và liên kết với nhau bằng sợi dây lời khấn. Khi sinh ra, con người liên kết với cha mẹ, anh chị em bằng quan hệ huyết tộc. Lời khấn tu trì nối kết người Đa Minh trong tương quan thiêng liêng với vị Sáng Lập và mọi con cái của người ở trần thế, nơi luyện ngục và trên thiên quốc. Sự liên kết này chặt chẽ hơn quan hệ huyết tộc nối kết cha mẹ, con cái vì có tính siêu nhiên.

Chính Chúa Ki-tô ngự trên trời hiến dâng lên Chúa Cha hy lễ của mình và những lời cầu của Nhiệm Thể Người, thì thánh Đa Minh, tổ phụ của Gia Đình Đa Minh cũng tiến việc thờ phượng của Dòng lên Chúa. Người Đa Minh cầu nguyện không chỉ với tư cách cá nhân nhưng còn là phần tử của một đại gia đình: hàng ngàn anh em linh mục, tu sĩ, nữ tu và giáo dân Đa Minh tạo thành một bản hợp xướng của các tâm hồn vì cầu nguyện là bổn phận ưu

tiên của mỗi người. Mỗi người đều phải góp phần vào lời ngợi khen của Dòng để tôn vinh Ba Ngôi Thiên Chúa mỗi ngày; tạo nên bản hoà tấu Đa Minh về tình yêu, tôn vinh và thờ lạy.

Có khi một tu sĩ cầu nguyện của một tu viện nhỏ thì tu sĩ này cũng đứng trong hàng ngũ các anh chị em trong Dòng đang tôn thờ Thiên Chúa khắp thế giới. Cho dù lời cầu nguyện của họ có thể vô tình chia trí, nếu ngay từ đầu họ thành tâm cầu nguyện và cố gắng tránh những chia trí này, họ có thể an tâm với ý tưởng là họ được bổ túc bởi lời cầu nguyện hàng ngày của Dòng dâng lên Thiên Chúa. Những chia trí ngoài ý muốn không làm thương tổn lời cầu nguyện bắt đầu với ý ngay lành có khả năng lập công và đền tội hữu hiệu. Tuy nhiên thánh Tô-ma nói: *“Người cầu nguyện không chia trí nhận được sự an ủi do lời cầu nguyện đem lại”* (Summa theol. II-II, q 83, a.13-15). Tuy nhiên khi áp dụng những nguyên tắc này của vị tiến sĩ thiên thần, người ta có thể nghĩ rằng: mình đã đạt được mục đích chính của cầu nguyện là thờ lạy, đền tạ, cảm tạ và xin ơn. Họ liên kết những lời cầu nguyện của mình với bản hợp ca chúc tụng mà các thánh Dòng Đa Minh thường xuyên hiện diện như những phần tử của ca đoàn thiên quốc; những lời nguyện của các anh chị em ở khắp nơi như trong tu viện, đan viện, tu xá hàng ngày phó dâng vào đôi tay thánh Đa Minh để Cha Thánh dâng lên Thiên Chúa. Lời cầu nguyện của mỗi phần tử thuộc Dòng nối kết với lời chúc tụng khắp nơi của Dòng bay lên tới ngai toà Thiên Chúa.

Hoạt động tông đồ của Anh Em Thuyết Giáo không thể đem lại kết quả nếu không có sự hỗ trợ từ lời cầu nguyện của bản thân và của toàn thể Dòng. Khi mọi anh chị em chu toàn bổn phận cầu nguyện như: Thánh Lễ hàng ngày, rước lễ, hát Các Giờ Kinh Phụng Vụ, đọc kinh Mân Côi và nguyện ngắm; họ trợ giúp Dòng thi hành sứ vụ của mình. Dòng không hiện hữu tách biệt khỏi các phần tử; Dòng chỉ có thể đạt được mục đích của mình khi mỗi phần tử cầu nguyện và làm việc. Thánh Đa Minh coi việc thờ phượng tập thể của Dòng rất quan trọng; đến nỗi Cha Thánh đã lập một ngành chuyên trách việc cầu nguyện. Hiến pháp của các nữ đan sĩ quy định: *“Các nữ đan sĩ của Dòng Anh Em Thuyết Giáo được thánh hiến, tạo nên một dòng tu... Những phần tử của Dòng này cố gắng đạt tới sự hoàn thiện Ki-tô; nhờ đó, cầu xin cho những công việc của anh chị em được phong phú về đàng thánh đức”*. Cha Gerald Vann kể lại một cách văn hoa về bổn phận của các nữ đan sĩ Đa Minh này:

“Cũng như Adam cần và được Thiên Chúa ban cho người nữ trợ tá đắc lực giống như ông, theo kiểu nói của Cha Cornier; Dòng cũng cần và được Thiên Chúa ban cho một trợ tá để tham gia vào hoạt động và đời sống của Dòng, một trợ tá được đóng dấu cùng một tinh thần của thánh Đa Minh. Các tu viện là những trung tâm đầy sinh lực của Dòng...”

Điều gì đúng cho các đan sĩ thì cũng đúng cho mọi thành phần khác của Dòng. Họ không thể sót sáng kiên trì và thường xuyên cầu nguyện bằng các nữ đan sĩ; nhưng họ là những con người (*nam, nữ*) cầu nguyện, linh

mục, trợ sĩ, nữ tu và giáo dân Đa Minh kiên trì cầu xin Thiên Chúa chúc lành cho hoạt động của Dòng trên khắp thế giới.

Người Đa Minh cầu nguyện, họ là người đầu tiên hưởng lợi. Lời cầu nguyện làm cho người tu sĩ trở thành bạn tâm huyết và thân thiết của Chúa. Họ cũng giúp đỡ anh chị em Đa Minh và tha nhân ở khắp nơi. Người Đa Minh cứu độ được nhiều linh hồn nhờ cầu nguyện và suy niệm hơn là nhờ thuyết giảng và hoạt động.

Khi người Đa Minh hát Các Giờ Kinh Phụng Vụ, thánh Đa Minh vẫn hiện diện ở giữa họ cách thiêng liêng như Cha đã hiện diện với anh em cách đây hơn 777 năm tại Bô-lô-nha. Thánh Phụ đi từ bên này sang bên kia cung nguyện để khích lệ anh em tập trung hoàn toàn vào lời kinh. Khi họ lắng nghe Cha, họ đặt mọi lời cầu nguyện vào tay Cha. Lần lượt, Cha cúi mình trước Ba Ngôi Thiên Chúa và tôn kính dâng lên Thiên Chúa tất cả tâm tình thờ phượng của toàn thể huyền nhiệm Gia Đình Đa Minh.

CHƯƠNG 6

ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐA MINH

LÀ ĐỜI SỐNG HỌC HÀNH, TRUYỀN GIẢNG ĐẠO LÝ

Dominican life is doctrinal

Giảng dạy và bảo vệ đức tin trên tòa giảng là hoạt động tông đồ của Dòng Anh Em Thuyết Giáo. Dòng đã triển khai hoạt động chủ yếu này gồm: việc giảng dạy và những phương cách khác để loan truyền chân lý. Lớp học và báo chí là các lãnh vực quan trọng của hoạt động Đa Minh. Giảng dạy chân lý theo một phương cách nào đi chăng nữa cũng làm cho người Đa Minh động lòng trắc ẩn: Một tu sĩ “khai tâm người dốt” và “khuyên bảo kẻ hoài nghi”. Hiến pháp đã đề cập trực tiếp đến hoạt động tông đồ bác ái này:

Ngay từ thời sơ khai, Dòng ta đã được lập ra để đặc trách việc giảng thuyết và cứu độ các linh hồn. Như thế, việc học hỏi nghiên cứu của chúng ta chủ yếu phải trở nên hữu ích cho linh hồn của tha nhân. Liên quan mật thiết đến mục tiêu chính đáng này là việc giảng dạy và bảo vệ đức tin Công Giáo bằng việc giảng dạy nơi trường học và miệt mài viết sách.

Mục đích đặc biệt của các nữ đan sĩ Dòng là “Khẩn cầu cho công lao của anh em được sinh hoa kết trái dồi dào trong sự thánh thiện”. Theo đuổi mục đích này, các nữ đan sĩ đã chu toàn một số việc bác ái thiêng liêng. Một mặt, các chị cầu nguyện trực tiếp cho các anh chị em của mình đang tích cực tham gia vào hoạt động tông đồ. Mặt khác, cách gián tiếp, thông qua ơn Chúa khi cầu nguyện, các chị cũng chia sẻ việc dạy dỗ người ngu dốt và khuyên bảo kẻ hoài nghi.

Các nữ tu Đa Minh ngày nay cũng đã triển khai hoạt động tông đồ bác ái của Dòng rộng hơn nữa. Các chị không chỉ dạy học mà thôi; nhưng còn đảm nhận việc chăm sóc bệnh nhân và trẻ mồ côi. *(Điều này thật rõ ràng ngay trong chương đầu Hiến Pháp của các chị).*

Một chị nữ tu trong lớp học hay coi sóc cô nhi thì dạy dỗ các em đã được trao cho mình. Một y tá hay người làm công tác xã hội cũng dạy dỗ luôn luôn. Họ dạy người mình chịu trách nhiệm cách tìm gặp Chúa, biết Chúa và yêu mến Chúa.

Việc giảng dạy kéo theo việc học hành. Hiến Pháp đã coi “việc chuyên tâm học hỏi chân lý thánh” là một trong những phương thế chính yếu để đạt đến mục đích của Dòng. Sự chuyên tâm học hỏi như thế đã tạo cho công việc của người Đa Minh có một sắc thái riêng. Cha Humbert Romans đã đặt việc học của chúng ta trong một viễn tượng đúng đắn: “Việc học không phải là mục đích của Dòng chúng ta, nhưng là một việc hết sức cần thiết để đạt

đến mục đích kép của Dòng. Đó là giảng thuyết và cứu độ các linh hồn. Vì không có học hành thì không thể đạt được điều gì”.

Thánh Đa Minh đã đánh giá cao việc học hành, nghiên cứu và giảng dạy. Cha đã say mê những chân lý đức tin đến nỗi đã dành trọn đời mình để loan truyền và ước ao được chết cho những chân lý ấy. Cha đã muốn gieo rắc những chân lý đức tin đến tận cùng trái đất. Cha đã quý trọng chân lý mạc khải đến nỗi luôn mang theo mình Tin mừng theo thánh Mat-thêu và các thư của thánh Phao-lô. Cha “thường khuyên răn và khích lệ anh em dùng việc học của mình hãy không ngừng nghiên cứu Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước”. Khi còn là sinh viên ở Palencia, người ao ước khởi sự nghiên cứu thần học đến nỗi người đã học lướt qua lớp khoa học nhân văn.

Khi Cha cảm thấy đã học đủ văn chương, Cha ngưng ngay như thể đã bắt đắc dĩ dành nhiều thời gian lâu nay cho môn học vô bổ này, và Cha chuyển ngay sang nghiên cứu thần học. Cha đã dành trọn bốn năm cho việc nghiên cứu đó. Và trong thời gian này, Cha đã khao khát và không ngớt uống nguồn suối Thánh Kinh. Cha không hề biết mệt mỗi trong sự say mê học hỏi và bền chí tuân giữ những chân lý mình nghiên cứu, đến nỗi hầu như suốt đêm Cha không ngủ...Chúa đã ban cho Cha ơn thông hiểu để nhờ đó, Cha có thể sẵn sàng không chỉ hiểu biết những học thuyết đơn giản; nhưng còn với lòng khiêm tốn, Cha tìm đến bí ẩn của những vấn đề phức tạp, và thấu hiểu những điều ấy một cách dễ dàng.

Như trình bày ở trên, học thần học ở các trường thời Trung Cổ tức là học Thánh Kinh. Giáo sư thần học cũng là giáo sư Thánh Kinh. Nhiệm vụ của các sinh viên thần học là giải nghĩa Sách Thánh theo đúng nguyên văn; còn đối với các giáo sư được dành cho phần dẫn giải sâu rộng tính học thuyết của bản văn. Chính nhờ vào thánh Tô-ma là một giáo sư thần học, mà nay chúng ta có những chú giải Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước của thánh nhân. Khi thánh Đa Minh nhắc nhở các anh em tiên khởi phải luôn nghiên cứu Cựu Ước và Tân Ước, tức là Cha bảo học thần học Thánh Kinh để thấu hiểu những chân lý đức tin, để tận hưởng chúng từ một nguồn suối đích thực.

Trong việc xác định mục đích chiêm niệm và tông đồ cho các con cái nam nữ của mình, vị sáng lập đã trao cho họ những bổn phận mà họ không thể nào chu toàn được nếu họ không học hành và rao giảng chân lý, thánh Đa Minh đã đưa đặc tính học vấn này vào Dòng ngay từ lúc Đức Cha Foulques giáo phận Toulouse chuẩn nhận Anh Em Dòng Thuyết Giáo như một Hội Dòng giáo phận vào năm 1215. Trong sắc lệnh thành lập Dòng của Đức Cha, chúng ta đọc thấy: “ Chúng tôi thiết lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo nhằm để dập tắt lạc giáo và những suy đồi, để giảng dạy đức tin và dẫn đưa người ta về với đời sống luân lý trong sáng”. Hiến Pháp Dòng cũng đưa ra cùng những mục đích: “Ngay từ đầu, Dòng chúng ta được thành lập để giảng thuyết và cứu độ các linh hồn”. Chúng ta không thể thực hiện được điều mà sắc lệnh năm 1215 đề ra hay Hiến Pháp đòi hỏi nếu thiếu học vấn.

Cha Thánh đã muốn con cái mình có học vấn càng cao càng tốt. Do vậy, ngay khi Đức Cha Fouques ban hành sắc lệnh, vị sáng lập đã ghi danh những đứa con đầu tiên của mình theo lớp thần học ở trường nhà thờ chính toà Toulouse dưới quyền giáo sư Alexander Stavensby. Đầu năm 1216, anh em đã khởi sự xây dựng tu viện đầu tiên: tu viện thánh Romanus ở Toulouse. Chân phước Jordan Saxony, người có thẩm quyền nhất trong sự kiện này, đã đòi hỏi nói mọi điều liên quan đến tu viện trong một câu vắn tắt. Cha không nói tu viện cao rộng bao nhiêu, bằng gỗ, gạch hay bằng đá hoặc nằm trên đường phố nào, mà chỉ có điều duy nhất ngắn gọn là: "...tu viện có những phòng để học".

Tháng 8 năm 1217, thánh Đa Minh đã phái 8 trong số 16 anh em đi Paris. Theo Cha John Spai cho chúng ta biết trong án phong thánh là: họ đến đó "để học, giảng thuyết và lập tu viện". Họ đã làm điều đó, tức là lập tu viện thánh Gia-cô-bê cùng ghi danh vào đại học Paris, một đại học "mẹ" các đại học thế giới, Năm 1218, thánh Đa Minh lập một tu viện khác ở Bologna, nơi có đại học lớn thứ nhì ở Châu Âu. Năm sau, khi đến kinh lý ở Paris, Cha đã liên hệ với giáo sư thần học John St.Albans để ông giảng dạy tại tu viện Đa Minh. Việc làm này đã sát nhập tu viện thánh Gia-cô-bê vào trường đại học, và được hợp pháp hoá, tức là biến nó thành học viện đầu tiên tại trường học lớn nhất Châu Âu. Năm 1220, khi vua xứ Castile mở đại học Palencia, thánh Đa Minh đã gửi anh em đến thành phố này và cùng năm đó, uỷ ban thành phố Montpellier ở miền nam nước Pháp cũng mở một trường đại học và Cha đã thành lập một tu viện tại đây. Năm 1221, ở Tổng Hội lần thứ hai của Dòng, thánh Đa Minh đã phái 13 anh em đi Oxford để lập tu viện ở trường đại học thành phố này, trung tâm trí thức lớn thứ ba của Ki-tô giáo. Như Cha Jarret có nhận xét đúng đắn như sau:

"Điểm chính cần được ghi nhận... chủ đích của anh em khi đến nước Anh là Oxford. Họ không dừng chân tại Centebury và Luân-Đôn, nhưng rõ ràng đã không thành lập gì ở những nơi này. Đây là dữ kiện đáng lưu ý và nó nói lên được nguyên tắc chủ đạo của lý tưởng thánh Đa Minh. Các anh em đến nước Anh, những hòn đảo mà đối với họ là nơi đất khách quê người, sắc phục dị đồng, lối sống mới lạ. Họ được chào đón ở giáo đô nhưng họ đã đi qua. Thành đô chính trị là trung tâm hành chánh và thương mại; nhưng cũng không giữ họ dừng bước. Chỉ có thủ phủ trí thức của nước Anh mới là "đích điểm" họ đi đến. Trước hết, họ định cư không gần Tòa Giám Mục, cũng không gần cung vua nhưng là ở trường đại học. Bởi vì ở thời Trung Cổ, người ta thường nói rằng trong Ki-tô giáo có tam đại quyền. Đó là: giáo sĩ quyền (sacerdotium), vương quyền (imperium) và học vấn (stadium). Trong đó học vấn là quan trọng nhất.

Chính khi theo sát với truyền thống này mà các tu sĩ Đa Minh Hoa Kỳ đã chuyển dời học viện từ Ohio sang Washington D.C., ngay sau khi trường đại học Công Giáo Mỹ Châu ra đời. Như ở Paris, các Anh Em Thuyết Giáo cũng đã là những người tiên khởi của các Dòng sinh cơ lập nghiệp ở trường đại học, và họ đã đóng góp một số giáo sư và sinh viên cho đại học mới này.

Sự hiện diện của anh em đã mang một ý nghĩa lớn lao vừa cho Tỉnh Dòng thánh Giuse cũng vừa cho trường đại học. Nhân ngày lễ kỷ niệm 700 năm thành lập Dòng (năm 1916), Đức Hồng Y James Gibbons, trong bài diễn văn sau bữa cơm tối, đã tỏ lòng chân thành cảm ơn đối với sự giúp đỡ lâu nay mà Dòng đã mang đến cho trường đại học bằng việc lập học viện của mình bên cạnh đại học, ngài nói:

“Tôi sẽ không nói gì nhiều về những điều mà Dòng thánh Đa Minh đã làm cho trường đại học Công Giáo Mỹ Châu. Bởi vì các tu sĩ Đa Minh đã làm một chứng cứ rõ ràng cho tình hữu nghị đồng lao cộng khổ như thế khi chen vai sát cánh, hợp sức hợp lực với trường đại học trong những giờ phút nguy khó của trường. Một điều không thể nghi ngờ là 100 năm tới, đại học này sẽ được thừa nhận là một thành quả Công Giáo to lớn nhất của thời đại chúng ta và các tu sĩ của thánh Đa Minh sẽ xứng đáng được công nhận là đã góp vào một phần không nhỏ công trạng cho thành công đó.

Như ai cũng biết, trường đại học đã phải trải qua bao ngày đen tối, những ngày của thử thách và gian khổ khi sự hiện hữu của trường đã bị đe dọa. Thời thế của nó dường như đã nghiêng tà xế bóng. Tất cả chỉ còn là những áng mây thực đen tối gọi lên một hiện tình tan vỡ. Chính lúc ấy, giây phút hầu như tuyệt vọng đối với hàng giáo phẩm Hoa Kỳ thì các tu sĩ Đa Minh như những chiến sĩ can trường đến giải cứu. Họ đến nói lên lòng tin nhiệm của mình vào trường cũng như xác tín rằng trường phải tiếp tục tồn tại và phải thành công. Tất cả mọi người đều dồn hết tâm trí cho đại học, họ đã đem đến một sự nâng đỡ tinh thần, một giá trị mà thiết nghĩ không thể nào ước lượng được. Theo tôi, đó như là một tia sáng chiếu qua màn đen đêm tối. Giả như khi đó họ không đến thì ắt là chúng ta đã mất đi một hỗ trợ tinh thần quý giá mà thiếu nó đại học không thể nào cứu vãn được. Một số các dòng tu đã và đang không ngừng nhanh chóng quy tụ quanh đại học ngày nay, chỉ củng cố và xác tín cho lòng tin tưởng lạc quan của các tu sĩ Đa Minh mà thôi...”

Hàng loạt các dữ kiện sau đây thiết tưởng cũng đã đủ chứng minh cho tầm quan trọng như thế nào mà các Anh Em Thuyết Giáo gắn bó vào việc học hành. Thánh Đa Minh đã muốn con cái mình sống gần các trường đại học; vì nơi đó có thể lãnh nhận được các khoa học thánh từ những thần học gia trứ danh nhất Châu Âu. Một trong những nguyên nhân mà thánh Đa Minh đã gửi con cái mình đến đại học là sau này chắc chắn sẽ có một số người trong họ trở thành giáo sư. Hiến Pháp đòi buộc mọi tu viện đều phải có các giáo sư cũng như bề trên tu viện. Nhưng điều quan trọng hơn đó không thể lấy một bằng cấp đại học thời Trung Cổ, nếu không có thời gian giảng dạy như một phần của việc huấn luyện. Như vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy các tu sĩ Đa Minh ở Paris chiếm học vị giáo sư đợt đầu vào năm 1229 và đợt hai vào năm 1230 tức chưa đầy một thập niên sau khi thánh Đa Minh qua đời. Thánh Đa Minh đúng là một con người thực tiễn, vì ngay ở Tổng Hội đầu tiên của Dòng, Cha đã đưa vào Hiến Pháp ngay bốn phạm của vị giám sư sinh viên, đời sống của anh em. Những quy định này đã cho phép anh em

nơi phòng riêng của mình được “đọc sách, viết sách, cầu nguyện, nghỉ ngơi và có thể thức khuya để học”. Vị giám sư tập sinh chỉ dẫn để dạy cho tập sinh phải biết chú tâm vào việc học cả ngày lẫn đêm, ở nhà hay khi đi đường, họ đều có thể đọc hay suy gẫm một điều gì đó.

Điều này cũng có thể nói được là mới lạ trong lịch sử các dòng tu, vì lần đầu tiên trong một nghìn năm lịch sử đan viện, một dòng tu đưa vào luật của mình các khoản liên quan đến đời sống học hành. Sự việc này mang một ý nghĩa sâu sắc khi viết những khoản luật này vào Hiến Pháp. Thánh Đa Minh đã thánh hóa việc học hành và nghiên cứu. Những quy định về học hành cũng quan trọng như những quy định về Thánh Lễ tu viện, Các Giờ Kinh Phụng Vụ, cầu nguyện và giảng thuyết. Những luật này đã làm cho việc học hành trở thành một bổn phận thánh đối với người Đa Minh; một nghĩa vụ cũng bắt buộc như việc cầu nguyện. Các thánh An-bê-tô và Tô-ma là những biểu tượng cho nguồn lực thánh hoá và sức sống thiêng liêng của việc học vì lòng yêu mến các linh hồn. Giáo Hội đã tuyên phong thánh An-bê-tô là quan thầy những nhà khoa học tự nhiên; còn thánh Tô-ma là quan thầy các trường Công Giáo.

Trong sinh hoạt thường nhật của Dòng, các giờ khác được sắp xếp liên tục với nhau như khi anh em đi từ nhà nguyện về phòng riêng hay đến lớp học. Ở mỗi nơi, ai cũng đều phải chu toàn bổn phận người tu sĩ của mình. Một người Đa Minh vẫn phải là một tu sĩ khi ra khỏi cung nguyện. Việc học hành là một chuẩn bị không thể thiếu được cho đời sống tâm linh, giảng thuyết, dạy dỗ và hoạt động tông đồ của người Đa Minh. Đối với các nữ đan sĩ, việc học là điều thiết yếu “cho chiêm niệm liên lý và sâu xa về Thiên Chúa, Đấng sáng tạo, cứu chuộc và thánh hoá”. Còn đối với những nữ tu hoạt động, việc học là điều cần thiết cho sự thánh hoá bản thân, dạy dỗ hay chăm sóc tha nhân.

Lịch sử Dòng chứng minh rằng các người Đa Minh luôn trung thành với di sản học thức này. Dòng có một số trường lớn như: trường cao đẳng thánh Giê-gô-ri-ô ở Valladolid, trường thánh Tô-pha-nô ở Salamanca, trường thánh Tô-ma ở Minera, trường đại học thánh Tô-ma ở Rô-ma, trường Thánh Kinh Giê-ru-sa-lem...

Bên Châu Mỹ, trước khi đại học Havard lần đầu tiên khai giảng năm 1636, các anh em Tây Ban Nha đã thiết lập một số trường cao đẳng và đại học nằm rải từ miền Tây Châu Mỹ xuyên qua Mêhicô vào Nam Mỹ và vượt qua Thái Bình Dương đến quần đảo Philippin. Tại Santo Domingo, Havana, Puerto Rico, Mexico, Caracas, Bogota đều đã có các trường cao đẳng và đại học của Dòng cấp các văn bằng ở trình độ cao. Trường đại học Santo Tomas được thành lập ở Manila năm 1611 nay vẫn do các tu sĩ Đa Minh điều hành. Đó là đại học lâu đời nhất ở Châu Á và hiện có khoảng trên dưới 40 ngàn sinh viên theo học hàng năm.

Sức mạnh truyền thống tri thức này đã hướng dẫn các người Đa Minh ở Kentucky dưới sự điều hành của Cha Fenwick xây dựng trường cao đẳng

đồng thời với việc thành lập tu viện. Cao đẳng thánh Tô-ma là trường công giáo đầu tiên ở miền tây Allghanies và là trường thứ 3 của Hoa Kỳ. Học viện vùng biên cương này đã thất bại sau 20 năm. Các Cha đã thành lập hai trường cao đẳng khác có tuổi thọ vẫn vững nhưng cuối cùng các ngài đã thành công ở Providence và Rhode Island. Các người Đa Minh Hoa Kỳ đã gia tăng đầu tư vào giáo dục. Số 17.000 nữ tu Đa Minh Hoa Kỳ, mà hầu hết là giáo viên và có nhận thức sâu sắc về hoạt động tông đồ trong lãnh vực đạo lý của Dòng, đã thành lập cũng như cung cấp nhân sự cho 24 trường cao đẳng. Và chắc chắn rằng con số này chưa phải là kết thúc.

Hoạt động tông đồ trí thức ngày nay đòi hỏi các giáo sư phải được đào luyện đến trình độ đại học. Điều này không cần thiết vào những năm 1850 – 1920. Nhưng đến quá bán thế kỷ 20 nó đã trở nên điều thiết yếu. Nếu các trường Công Giáo muốn hợp thời và chiếm vị trí trong thế giới trí thức thì các giáo sư của trường phải được chuẩn bị cho kỹ càng. Xây dựng trường lớp, thư viện, các trung tâm nghiên cứu ở các thư viện, nhà mẹ và các trung tâm Đa Minh là một sự tiến triển mà Đấng sáng lập chắc chắn sẽ chấp nhận.

Thánh Đa Minh không muốn cho Dòng mình trở nên lạc hậu. “Hạt giống được đem cất giữ sẽ thối đi; nhưng nếu được đem gieo vãi nó sẽ nảy mầm” là câu châm ngôn của Cha khi Cha sai con cái của mình đi đến mọi hang cùng ngõ hẻm của Châu Âu để mở ra những biên cương mới. Các người Đa Minh phải luôn động não để thích hợp với thời đại. Giả sử thánh Đa Minh đang sống tới nay, Cha sẽ thay đổi và uyển chuyển để giữ Dòng của mình hòa nhịp vào những tiến bộ của thế kỷ XX này. Chúng ta biết rằng Cha sẽ thực hiện điều này, bởi vì Cha đã viết trong Hiến Pháp theo đường lối như thế. Do đó, Dòng luôn luôn có thể thực hiện những thay đổi cần thiết. Những luật cũ có thể bãi bỏ, thay vào đó là những luật mới, và tất cả các điều khoản mới được thêm vào Hiến Pháp sau khi được Tổng Hội xét duyệt.

Canh tân Dòng cho hợp thời không phải là chỉ chấp nhận di sản và truyền thống lâu đời; nhưng còn là điều mà Giáo Hội kỳ vọng ở các dòng tu. Đức Hồng Y Larraona, thư ký thánh bộ các Dòng tu và đặc sứ của Đức Thánh Cha tại hội nghị tu sĩ năm 1956 ở Notre Dame, đã nói với các đại biểu rằng các tu sĩ phải có những thay đổi cần thiết để các hoạt động tông đồ của mình hợp thời: “Bằng việc thực hiện điều mà các đấng sáng lập của anh em sẽ làm ở vị thế của anh em, điều mà các đấng ấy sẽ làm nếu các ngài đang sống ở thời đại của anh em, anh em sẽ tiếp tục công trình của các ngài”. Đây là vấn đề “nóng bỏng” trong hơn 30 năm qua, thời tiền và hậu Công Đồng Va-ti-can-nô II. Các Văn Kiện của Công Đồng, Bộ Giáo Luật và các văn kiện của thánh Bộ các Hội Dòng sống đời thánh hiến và Tu Đoàn Tông Đồ đã đề cập rất rõ về vấn đề này...

Bề Trên Tổng Quyền và Tổng Hội có quyền sửa đổi luật hiện hành cho thích nghi nhân danh thánh Đa Minh. Hiến pháp nền tảng của Dòng đã trù liệu: “... như truyền thống của Dòng cho chúng ta hay sự am tường và quý chuộng những yếu tố ấy càng trở nên cấp bách khi xuất hiện những yếu tố

của một sự thay đổi và biến hóa lớn lao. Trong những trường hợp đó, Dòng phải tự canh tân và thích nghi một cách dũng cảm” (số VIII). Khi bề trên Tổng Quyền chúc lành là ngài ban phúc lành của thánh Đa Minh. Đức Hồng Y MiChael Browne (*lúc đó là bề trên Tổng Quyền*) khi ở Hoa Kỳ đã nói với các người Đa Minh rằng: Cha nói nhân danh đáng sáng lập của chúng ta, rằng điều cha nói chính là điều mà “Cha Thánh Đa Minh của chúng ta sẽ nói nếu Cha Thánh hiện diện ở đây với anh chị em”.

Người Đa Minh nên lấy làm vui mừng khi Dòng cập nhật hóa hoạt động tông đồ. Thánh Đa Minh đã là một con người “hết sức thức thời” của thế kỷ XIII. Khi thành lập Dòng, Cha đã đương đầu với các vấn đề của thời đại. Đó là các Giám Mục không rao giảng, các Linh Mục không giáo huấn; giáo dân không hiểu biết đức tin. Các trường học được thiết lập ở mỗi tu viện của Dòng phù hợp với Hiến Pháp đã sớm đào tạo nên một lớp Linh Mục ưu tú, những người giảng thuyết được chuẩn bị tốt, những cha giải tội có thể khuyên bảo, những vị linh hướng có thể dẫn đưa các linh hồn nên thánh, những nhà thần học uyên thâm chỉ đạo cho nền thần học của Giáo Hội. Bởi thế không lấy làm lạ khi các Đức Thánh Cha, Giám Mục đã tuyển dụng anh em vào các chức vụ mặc dù anh em từ chối. Cho đến gần đây, các ngài vẫn còn cần đến anh em khi muốn cất cử các vị Đại Sứ Tòa Thánh hay để thực hiện các sứ vụ đặc biệt của Giáo Hội. Ngày nay, khi hầu hết hàng giáo sĩ triều và tu sĩ được đào tạo kỹ lưỡng thì các tu sĩ Đa Minh không còn thường xuyên được mời đảm nhận những trách nhiệm đặc biệt này nữa.

Thánh Đa Minh chắc chắn sẽ chuẩn nhận bất cứ điều gì mà chúng ta thực hiện để đáp ứng hoàn cảnh hiện thời miễn là chúng ta không làm mất đi căn tính của Dòng. Căn tính của Dòng ở mọi thời là giảng dạy đức tin. Chúa Ki-tô luôn nói cho mọi thế hệ tông đồ rằng: *“Hãy đi và thu nạp môn đệ khắp muôn dân... dạy họ tuân giữ hết những điều Thầy đã truyền cho anh em”* (Mt 28, 19-20). Nhưng sứ điệp cứu độ đó phải được diễn tả bằng ngôn ngữ của thời đại. Có thể họ đã giảng dạy tiến bộ hơn, như thánh Tô-ma đã thực hiện. Tuy nhiên, những phương pháp ở thời Trung Cổ ngày nay phải được canh tân. Người Đa Minh thế kỷ XX phải là con người của thế kỷ XX. Thánh Phaolô đã nói:

“Với người Do Thái, tôi đã nên như người Do Thái, hầu tôi có thể lợi được những người này ở dưới lề luật; với những người ở ngoài lề luật, tôi nên như những người ở ngoài lề luật. Tôi đã trở nên yếu đuối với những người yếu để lợi được những người yếu. Với mọi người tôi đã nên mọi sự hầu để cứu vớt tất cả. Mọi sự tôi làm đều là vì Tin Mừng ngõ hầu thông chia phần phúc của Tin Mừng” (1 Cr 4, 20-23).

Người Đa Minh Hoa Kỳ phải nói: “Tôi đã trở nên một người Mỹ đối với người Mỹ ngõ hầu lợi được người Mỹ, trở nên Linh Mục của thế kỷ XX ngõ hầu lợi được con người của thế kỷ XX”. Người tu sĩ phải hiểu được các suy tư của người đồng thời với mình, biết đường lối và cách thức họ được huấn luyện. Anh em phải đón nhận và áp dụng những chân lý vĩnh cửu, cụ thể hóa

chúng để đáp ứng những nhu cầu của thời đại này. Đó là điều mà các thánh Đa Minh, An-bê-tô, Tô-ma đã làm. Trong khi Giáo Hội thời Trung Cổ đi tìm một giải pháp cho những vấn đề lớn của thế kỷ XIII, thì thánh Đa Minh đã đưa ra một hướng đi với một kiểu Hội Dòng mới, một Dòng hòa hợp chiêm niệm với hoạt động tông đồ. Khi mà các thần học gia Châu Âu lúng túng bấn khoăn, trong sự cố gắng của mình để đối phó những lạc thuyết Đông Phương sau nhiều thế kỷ đang bắt đầu lan tràn vào Tây Phương, thì thánh An-bê-tô cả với sự sáng suốt kỳ tài đã tiên đoán được tình thế và đã đáp ứng những nhu cầu thời đại của ngài. Ngài thấy rằng giải pháp đúng đắn không hệ tại ở chỗ bỏ qua, ngăn cấm hay chọn lọc các tác phẩm, các bản văn của Aristote. Nhưng tư duy Ki-tô giáo phải đi vào di sản này và biến nó thành của riêng mình. Tuy nhiên phải chờ mãi đến thánh Tô-ma mới hoàn tất công trình này. Thánh An-bê-tô đã dọn đường nhưng chưa xây dựng hoàn chỉnh được một hệ thống tư duy thần học và triết học. Thánh Tô-ma đã phân tích những dò dẫm và cả những điều không phải của các vị tiền bối để tổng hợp nên một hệ thống triết học đầu tiên kể từ các triết học Hy Lạp và một hệ thống thần học đầu tiên kể từ thánh Âu-tinh. Trong các tác phẩm của mình, thánh Tô-ma đã quan tâm đến mọi vấn đề của thời đại. Ngài hiền hòa, không bao giờ nặng lời với một đối thủ nào. Ngài chỉ là một chiến sĩ Chúa Ki-tô dành trọn đời làm giáo sư trên đấu trường bút chiến.

Ngày nay, một độc giả thiếu hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp của thánh Tô-ma, khi đọc các tác phẩm của ngài, có thể kết luận rằng những vấn đề của ngài thật lỗi thời. Nhưng vào thời đó, với tư cách là một giáo sư thần học Paris, Naples và Rô-ma, thánh Tô-ma đã là trung tâm của mọi cuộc luận chiến đang gây nhiều sóng gió. Ngài chủ trương đối thoại không ngừng, gặp gỡ liên li với những trí tuệ siêu việt nhất của thời đại, đặc biệt trong tiểu luận về các vấn đề thời sự. Một thế kỷ trước đây, Cha Lacordaire đã phải luận chiến tương tự như thế. Cha đã đối phó với những nhu cầu của Châu Âu thế kỷ XIX như một số người đương thời. Tính hiện đại và tính linh động của Dòng Đa Minh thật có ý nghĩa, chính khi cha Lacordaire, người có tư tưởng cấp tiến, là một trong những người sáng lập học thuyết Công Giáo tự do, đã quyết định gia nhập Dòng và trở thành một người Đa Minh.

Cha đã quyết tâm theo đuổi và nghiên cứu về mọi phương diện của đời tu cũng như giải thích lý do tại sao cha đã mang một Dòng tu cổ xưa trở lại Pháp thay vì lập một Dòng mới của riêng mình:

“Ngay khi Chúa cho chúng tôi có khả năng thiết lập một Dòng tu, chúng tôi khẳng định, sau những suy nghĩ kỹ lưỡng, rằng mình không thể tìm thấy điều gì mới mẻ hơn, tốt đẹp hơn thích ứng được với thời đại và nhu cầu của chúng tôi cho bằng luật của thánh Đa Minh. Nó không có gì là cổ là xưa ngoài lịch sử của nó, và chúng tôi cũng chẳng thấy cần chi để nhìn về với cái quá khứ ấy”.

Đầu thế kỷ này, cha Joseph Lagrange đã đáp ứng được những nhu cầu của Giáo Hội về Kinh Thánh. Cha đã loại bỏ được một số “vũ khí” công kích

của một số người bảo thủ. Cha đã bỏ xa những học giả Thánh Kinh Công Giáo đến nỗi một nửa thế kỷ sau họ mới bắt đầu theo kịp Cha. Dòng lấy làm hãnh diện về công việc của cha cũng như trường do cha thành lập. Đó là trường Thánh Kinh Tê-pha-nô ở Giêrusalem, một trong những trung tâm nghiên cứu Thánh Kinh hàng đầu của thế giới. Các giáo sư của trường được xếp loại uyên thâm bậc nhất về Thánh Kinh. Công trình của cha Henry Pire cho người tị nạn trên thế giới thời hậu chiến thiết nghĩ cũng đã nổi tiếng mà ta không cần phải nhắc lại.

Thánh Đa Minh chắc sẽ tán đồng với công việc mà Dòng đang thực hiện. Cha Thánh sẽ đồng ý với các nữ tu Đa Minh dạy học mọi cấp từ nhà trẻ đến đại học. Ở thế kỷ XIII, các cha anh của chúng ta chỉ dạy các thánh khoa trong những học viện và đại học. Ngoại trừ các trường luật và trường của địa phương thì không có một trường lớp nào khác vào thời kỳ đó. Giới phụ nữ rất hiếm khi nhận được một nền giáo dục chính qui. Ngày nay, mọi người trẻ nam, nữ đều cần được giáo dục, thì đối với người Đa Minh, việc giáo dục cho giới trẻ trở thành việc bình thường. Việc dạy thánh khoa cho các Tu Sĩ trẻ ở thế kỷ XIII là việc bình thường thì giảng dạy về nhiều lãnh vực nghiên cứu mà người trẻ hôm nay đang cần như: tôn giáo, thần học, toán học, âm nhạc, sinh học hay vật lý hạt nhân, tin học... chắc chắn là một điều đáng khích lệ. Dù giảng dạy ở trường học hay làm việc nơi bệnh xá, người Đa Minh luôn có thể nói rằng: "Tôi là một người con của thánh Đa Minh". Mọi chân lý đều thuộc về Chúa Ki-tô bởi lẽ tất cả sự thật đều phát xuất từ Thiên Chúa. Tất cả mọi đối tượng nghiên cứu cần thiết cho hôm nay đều phải cấu thành nên một con người toàn diện, chi thể của Nhiệm Thể Chúa Ki-tô. Giáo dục phải qui hướng về định mệnh cuối cùng ấy. Những người Đa Minh hôm nay bằng cách này hay cách khác phải đi vào lãnh vực giáo dục ngõ hầu chu toàn sứ vụ tông đồ Đa Minh: cứu độ các linh hồn bằng giảng thuyết.

CÁC NGUỒN MẠCH CỦA SỨ VỤ TÔNG ĐỒ ĐA MINH

Người Đa Minh có thể chuẩn bị thế nào để giảng thuyết và giáo dục theo đường hướng Đa Minh? Họ phải đi vào con đường của thánh Đa Minh: tìm biết Chúa Ki-tô để được kết hợp với Người trong mối dây thân hữu mật thiết nhất. Thánh Đa Minh nhận được ơn gọi hoạt động tông đồ vào chính giờ suy niệm gắn bó với Chúa Ki-tô. Thi sĩ Dante cũng là một thần học gia Italia thời Trung Cổ diễn tả về thánh Đa Minh một cách duyên dáng như sau:

... Và chốn ấy đã tác sinh ra

Người con yêu của lòng tin Ki-tô giáo.

Người lực sĩ được hoá thánh, vẻ hiền lành lan toả

Nhưng địch thù lại khiếp vía hồn kinh...

Và tôi nói về Người như là một lao công

Đức Ki-tô trong vườn riêng của mình đã chọn

*Đề là người công tác, là sứ giả, là một bạn
Thắt chặt vào Đức Ki-tô,
Và sau buổi ban đầu gặp gỡ
Với Đức Ki-tô mối tình đầu của người chớm nở.*

*Rồi học thuyết khôn ngoan và thiện chí hỗ trợ
Thẳng vươn lên đại sự tông đồ người dần bước
Như dòng lũ tuôn ra từ mạch đĩnh
Vỗ đập vào những phùng lặc giáo phải tiêu tan.*

(Paradiso, XII)

Chính khi là một “người bạn thắt chặt vào Đức Ki-tô”, thánh Đa Minh đã trở nên người “lao công”, “cộng tác”, “sứ giả” của Chúa. Trước khi rao giảng Chúa Ki-tô chịu đóng đinh, thánh Đa Minh đã suy niệm hàng giờ về điều ấy:

Cha Thánh ở lại cung nguyện trước Nhà Tạm chăm chú nhìn lên Đấng chịu đóng đinh. Cha thường quì gối mãi... Nhờ vậy trong tình thương của Thiên Chúa, Cha hoàn toàn tin thác bản thân, các tội nhân và những anh em trẻ mà Cha đã phái đi rao giảng cho các linh hồn.

Nếp mình dưới khổ giá, Cha đã nhận được một sinh lực dồi dào của chiêm niệm và tông đồ cũng như ơn Chúa để Cha vượt thắng bản thân. Như lời của Chúa Cha trong tác phẩm “Đối Thoại” của thánh nữ Ca-ta-ri-na Xi-ê-na”... sứ vụ của Ngôi Lời, Người Con Duy Nhất của Cha. Và Người đến trong thế gian như một tông đồ rao truyền lời Cha trong chân lý và sự sáng. Người là ánh sáng mà Cha đã đặt vào thế giới qua cung lòng Đức Ma-ri-a”.

Các người Đa Minh sống thánh thiện đã trở nên những tông đồ dưới chân Đức Ki-tô. Thánh Tô-ma đã say mến Nhiệm Tích Thánh Thể, thánh An-bê-tô sùng mộ Trái Tim Chúa Giê-su Thánh Thể. Chân phước Henry Suso đã khắc ghi Danh Thánh Chúa trên ngực. Thánh Ca-ra-ri-na Xi-ê-na đã làm mọi việc trong “Bữa Huyết Đức Ki-tô”. Chính Đức Ki-tô, chân lý thánh “Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, Ánh Sáng bởi Ánh Sáng”, là Đấng mà các thánh nhân đã khao khát kiếm tìm. Anh Em Thuyết Giáo phải trở nên tha thiết với Chúa Ki-tô đến nỗi không thể nói về điều gì khác ngoài chính Chúa. Họ phải nói như thánh Phao-lô: “*Quả tôi đã quyết định là nơi anh em, tôi không muốn biết gì ngoài Đức Ki-tô Giê-su, và Đức Ki-tô Giê-su chịu đóng đinh thập giá*” (1 Cr 2,2). Như một người cầu nguyện dù bất cứ nơi đâu, người Đa Minh sẽ giảng dạy “Đức Ki-tô và Đức Ki-tô chịu đóng đinh thập giá bởi lẽ họ phải trở nên “một Đức Ki-tô khác” ở ngay trong chính đời mình.

Như thế, người Đa Minh phải chuẩn bị giảng dạy và giáo huấn bằng cách trở nên người chiêm niệm. Chiêm niệm phải là căn bản cho đời sống. Người Đa Minh phải là người chiêm niệm hướng đến hoạt động tông đồ. Chiêm niệm và kết quả của chiêm niệm trong đời sống cầu nguyện của

người Đa Minh phải tuôn chảy vào hoạt động tông đồ. Hoạt động tông đồ sẽ sinh hoa kết trái tùy vào sự thánh thiện của bản thân người Tu Sĩ ấy. Nó phải được “hình thành trong cung nguyện và trong tu viện”. Chiêm niệm của người Đa Minh phải giống nơi Đức Ki-tô và mang ơn cứu độ. Người Đa Minh phải gặp Đức Ki-tô nơi những người nghe, những học viên, những người họ nuôi dưỡng. Như những Ki-tô hữu tiên khởi đã diễn tả điều đó: “Ai gặp anh em mình là gặp Thiên Chúa”. Theo một nghĩa nào đó, mỗi người nghe, mỗi học viên, mỗi bệnh nhân đã được Đức Ki-tô cứu chuộc đều là Đức Ki-tô. Người tông đồ Đa Minh phải nhìn ra được Đức Ki-tô trong mỗi con người dù là một em nhỏ mạnh khỏe hay một cụ già ốm đau thường khó tính, kể cả những người dễ làm phiền lòng ta nhất.

Người chiêm niệm Đa Minh chuẩn bị giảng dạy không được nghĩ rằng thời gian bị hoang phí thay vì để hoạt động tông đồ, hoặc cũng không cảm thấy hối tiếc khi vì bổn phận mà phải bỏ cung nguyện để đến lớp học hay lên giảng đài. Cầu nguyện và học hành không được cắt thành hai phần riêng biệt mà phải hợp thành dòng thủy triều luôn lên xuống. Từ cầu nguyện sang học hành, từ học hành đến cầu nguyện, người Đa Minh không được trở thành người “trí thức thuần túy”, một người không quen cầu nguyện hay không sống nội tâm, người có trí mà không có tâm. Đôi khi người ta nói người Đa Minh là một người “trí thức thuần túy”, nhưng thực sự một nhà trí thức phải không được đặt trong ngoặc kép. Người trí thức Đa Minh trước hết phải là người sống cầu nguyện và là người sống đời trí thức tràn đầy cầu nguyện. Cầu nguyện sẽ bồi dưỡng và kiện toàn kiến thức làm cho sự hiểu biết trở nên sống động, hợp thời và hiện thực.

Hai vị thầy nổi danh nhất của Dòng đã học hỏi và giảng dạy như những người chiêm niệm. Thánh An-bê-tô, một học giả vĩ đại nhất ở thời Ngài, đã là một vị thánh và đã làm nên một vị thánh khác, thánh Tô-ma. Tu Sĩ Thomas Cantimpre, là học trò của thánh An-bê-tô đã nói về thầy mình:

“Là một sinh viên lâu ngày của giáo sư An-bê-bô, tôi đã theo dõi và thấy hầu như trong thời gian làm viện trưởng phân khoa thần học, giáo sư An-bê-tô đã chăm chú cầu nguyện ngày đêm đến nỗi mỗi ngày giáo sư đã đọc hết 150 thánh vịnh”.

Một số tác giả ngày nay khi phê bình đoạn văn này nói rằng Cantimpre chắc đã làm. Cantimpre muốn nói đến 7 thánh vịnh sám hối chứ không phải toàn bộ các thánh vịnh. Nhưng là một tu sĩ có học thức, Cantimpre đã biết 7 thánh vịnh sám hối khác với tập thánh vịnh, gồm 150 thánh vịnh của vua Đa Vít. Nhưng thánh An-bê-tô đã không bị những náo động và thú vui thời đại quyến rũ. Sau đó, Cantimpre kể tiếp: “Cha đã chú tâm vào các giờ kinh nguyện, bài thuyết trình và cuộc tranh luận”. Thực vậy, Cantimpre đã sử dụng một từ mà người có tính “hẹp hòi” có thể coi là khiếm nhã. Chỗ nào tôi dùng “chú tâm” thì Cantimpre dùng “đắm mồ hôi”. Giáo sư An-bê-tô đã “đắm mồ hôi trong các giờ kinh, bài thuyết trình và cuộc tranh luận”. Điều này muốn nói đến sự chú tâm và lòng sốt sắng. Tu Sĩ Cantimpre kết: “Người ta

có thể ngạc nhiên gì về một con người như thế? Một người thăng tiến trên con đường công chính và thánh thiện như thế? Lại không tiến bộ hơn người về nhân đức sao?” Tu Sĩ William Tocco cũng viết về thánh An-bê-tô trong cuốn “Sự nghiệp của thánh Tô-ma” như sau: “Vị giáo sư này đã trao ban cho các học trò cả tri thức khôn ngoan cả gương sống thánh thiện”. Đó là một vị thầy tuyệt hảo.

Có lẽ chính vì thánh Tô-ma đã noi gương thánh An-bê-tô nên khi tuyên phong thánh Tô-ma làm quan Thầy các trường Công Giáo. Đức thánh Cha Lê-ô XIII nhận định rằng Ngài có được hai đức tính này đến mức cao độ: “vị tiến sĩ thiên thần vĩ đại về nhân đức và thánh thiện cũng như về học thuyết của Ngài. Nhân đức là một chuẩn bị lý tưởng nhất cho việc bồi luyện những năng lực trí tuệ và cho việc lãnh hội tri thức”.

Những người đương thời với thánh Tô-ma rất cảm kích về thói quen cầu nguyện của ngài vào những lúc gặp khó khăn trong việc nghiên cứu học hành. Tu sĩ Riginald Priverno, người bạn đồng hành nhiều năm của ngài đã phát biểu trong lớp học sau tang lễ của thánh Tô-ma ngắn gọn như sau:

“Anh em rất thân mến, khi thầy tôi còn sống, thầy đã ngăn cản tôi không được tiết lộ những điều kỳ diệu mà tôi biết về thầy... Trong đó có tri thức của thầy, một tri thức trỗi vượt hơn người không là kết quả của tài lực con người; nhưng do bởi cầu nguyện. Bởi vì trước khi thầy nghiên cứu, tranh luận, thuyết trình, viết sách hay đọc bài cho thợ ký ghi chép, thầy luôn luôn cần đến sự trợ lực của cầu nguyện. Thầy cầu xin trong những dòng lệ để được Chúa soi sáng cho biết những chân lý mạc khải mà thầy cần nghiên cứu. Vì vậy nhờ cầu nguyện mà những điều trước đó thầy còn hoài nghi này được trở nên minh bạch lạ lùng”.

Tu Sĩ Riginald đã nói đến sự trợ lực nổi bật của cầu nguyện này như sau:

“Một đoạn văn của ngôn sứ I-sai-a tối nghĩa khó hiểu đến nỗi trong nhiều ngày liền thầy Tô-ma không đọc một đoạn văn nào khác. Mặc dù thầy đã cầu nguyện và chay tịnh liên li cầu xin Chúa soi sáng cho được hiểu ý nghĩa của vị ngôn sứ. Sau cùng, vào một đêm khi thầy ở lại cầu nguyện đến khuya, bạn của thầy thoáng nghe thầy đang nói như nói với nhiều người khác trong phòng. Người bạn không nhận ra được những giọng nói khác. Thế rồi những tiếng ấy lặng đi và người bạn nghe thầy Tô-ma gọi: “Riginald, con ơi, dậy mau, mang đèn và bản chú giải I-sai-a đến đây. Thầy muốn con viết giúp thầy”.

(Thánh Tô-ma có nét chữ đều đặn nhưng khó đọc. Một chuyên viên nghiên cứu cổ tự thuộc uỷ ban Leonine Commission đã phỏng đoán rằng muốn học đọc được những nét chữ này thì mất 6 tháng. Sau 10 năm đầu làm giáo sư, thánh Tô-ma đã ngưng viết. Ngài soạn dàn ý và đọc cho các thợ ký viết, và Riginald là một trong các thợ ký đó).

Vì thế, Reginald chỗi dậy và bắt đầu viết những gì giáo sư Tô-ma đọc. Bản viết tay mạch lạc như giáo sư đang đọc cuốn sách ở trước mặt. Giáo sư đọc liền trong một giờ và sau đó nói: “Đi ngủ đi con, chỉ còn ít giờ nữa thôi”. (nhưng Reginald không chịu đi ngủ, thầy quyết không đi cho đến khi thánh Tô-ma nói cho biết ai đã nói chuyện với Ngài). Cuối cùng, thánh Tô-ma đã nói trong những dòng lệ chảy dài trên đôi gò má: “Con ơi, con đã thấy nổi bất lực mà cha đã chịu đến nay vì đoạn văn đó mà bây giờ cha mới giải thích xong. Cha đã không thể nào hiểu được đoạn văn và cha đã nài xin Chúa trợ giúp. Đêm nay, Chúa đã sai những vị thánh tông đồ đến với cha. Thánh Phê-rô và Phao-lô, những vị này can thiệp giúp cha đồng thời cầu thay nguyện giúp cho cha. Các ngài đã đàm đạo cùng cha và nói tất cả những điều mà cha khát khao biết. Nhưng giờ đây nhân danh Chúa, con không bao giờ được kể lại cho bất cứ ai khác về điều này bao lâu cha còn sống. Cha đã kể cho con biết chỉ vì con đã quá nài xin Cha”.

Nếu người Đa Minh muốn giảng dạy theo đường hướng Đa Minh thì cũng phải làm như thế với ý thức thi hành sứ vụ. Từ “sứ vụ” (*mission*) bắt nguồn từ tiếng La-tinh: *Mitere* = sai đi. Họ phải giảng dạy như một người được Giáo Hội sai đi. Thực ra chỉ có các Giám Mục mới được giảng dạy chính thức. Các ngài sai các Linh Mục đi. Và chính khi các Giám Mục không thể giảng dạy một mình, nhưng sai các Linh Mục đi, thì các Linh Mục cũng thế, không thể làm việc một mình, nhưng cần đến các nữ tu. Các nữ tu không phải là những thầy dạy đúng nghĩa như các Giám Mục; nhưng họ cộng tác với các Linh Mục, giảng dạy do Giáo Hội ủy nhiệm rõ ràng.

Các phần tử của Dòng phải hoạt động tông đồ với lòng yêu mến chân lý. Mọi chân lý chỉ là một; nhưng theo nhãn quan hạn chế của con người, chúng ta chỉ hiểu được chân lý bằng cách chia nó ra thành nhiều đề tài nghiên cứu. Mọi chân lý là hình ảnh của Thiên Chúa, Chân Lý đầu tiên. Mọi chân lý đều xuất phát từ Thiên Chúa qui hướng về Ngài. Toàn bộ đời sống của Anh Em Thuyết Giáo phải thấm nhuần lòng mộ mến chân lý. Người Tu Sĩ phải theo đuổi chân lý như trung tâm điểm của mọi chuẩn bị hoạt động tông đồ. Đây là chủ đề họ nhằm đến trong khi giảng thuyết, dạy dỗ, khuyên nhủ và hướng dẫn. Đó là điều kiện phải có, khi ta làm, ta nói, vì “lòng có đầy, miệng mới nói ra” (Mt 12, 34).

Khi người Đa Minh tạm ngưng việc cầu nguyện và lên toà giảng hay đến lớp học, họ phải đi giống như Chúa Ki-tô trên những con đường ở Pa-lét-tin, như những tông đồ trên các nẻo đường thế giới, như thánh Đa Minh đi qua miền thuộc người An-bi và những cánh đồng miền Lombardy “*Anh hãy tìm kiếm các linh hồn, rao giảng Lời Chúa, ứng phó lúc thuận cũng như lúc nghịch, biện bác, khiển trách, khuyên lơn với hết lòng kiên nhẫn và dụng tâm dạy dỗ*” (2 Tm 2,2).

Đó là cách mà thánh Đa Minh đã muốn con cái mình phải giảng dạy, noi theo tinh thần bất khuất của Cha Thánh. Tu Sĩ John Spain đã diễn tả tinh thần ấy một cách sống động như sau:

“Đầy lòng trắc ẩn, Cha đã khao khát mãnh liệt ơn cứu độ cho tha nhân. Chính Cha thường xuyên rao giảng và bằng mọi cách có thể, Cha khích lệ anh em rao giảng. Cha sai họ đi giảng dạy, nài xin và thúc giục họ hãy lo lắng đến ơn cứu độ của các linh hồn”. Với thái độ hoàn toàn tín thác nơi Chúa, Cha đã sai họ ra đi kể cả những anh em bất tài để rao giảng. Cha nói với họ: “Hãy ra đi trong sự phó thác, bởi vì Chúa sẽ ban cho anh em lời để giảng và Ngài ở cùng anh em, và anh em sẽ không còn lo lắng điều chi”. Họ đã ra đi và mọi sự xảy ra y như lời Cha Thánh đã nói.



CHƯƠNG 7

ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐA MINH LÀ SỐNG HUYNH ĐỆ

Dominican life is fraternal

Mục đích của Dòng Anh Em Thuyết Giáo là chiêm niệm sinh hoa kết trái trong hoạt động tông đồ. Trong số những phương thế để đạt được mục đích đó là ba lời khấn: Vâng lời, khiết tịnh, nghèo khó và đời sống kỷ luật tu trì với những nếp sống đan tu. Cụm từ “đời sống kỷ luật tu trì” muốn nói đến đời tu trong cộng đoàn.

Trọng tâm của đời sống người Đa Minh là sống tình huynh đệ. Trong đời sống cộng đoàn, tình huynh đệ này có nhiều cơ hội để phô diễn: không thể có dòng tu, không thể có tình huynh đệ giữa anh em hay chị em với nhau, khi không có đời sống chung. Tất cả mọi thành phần của Dòng đều được mời gọi sống chung với nhau, chia sẻ với nhau lương thực hàng ngày, đồ dùng, tiện nghi... thánh Âu-tinh viết trong Tu Luật của mình:

“Đừng ai lấy của gì làm của riêng nhưng tất cả đều là của chung cho mọi anh em. Bề trên sẽ phân phát của ăn áo mặc cho mỗi người không đều nhau vì mọi người không cần thiết như nhau. Ai cần bao nhiêu sẽ cho bấy nhiêu. Vì anh em đã đọc trong sách Tông Đồ Công Vụ: *“Họ để mọi sự làm của chung và phân phát cho mỗi người theo nhu cầu”* (Cv 2,45).

GIÁ TRỊ CỦA ĐỜI SỐNG CHUNG

Đời sống chung đem lại nhiều lợi ích trần gian và thiêng liêng cho các phần tử của một Dòng Tu. Nó tạo nên tình liên đới huynh đệ cùng chí hướng, kiến thức, đào tạo và định hướng trong đời tu, một bầu khí hoà hợp để sống đức hạnh, ổn định kinh tế, gương mẫu của anh em, sự cộng tác hoạt động tông đồ, sự đảm bảo cho công việc được tiếp tục một khi nó vượt quá nỗ lực bản thân, nhất là tình yêu và sự hỗ trợ đầy huynh đệ.

Ngay cả những vấn đề của đời sống cộng đoàn như sự tuân phục quyền bính, bỏ ý riêng, chịu đựng những khuyết điểm của nhau cũng mang lại nhiều cơ hội để người tu sĩ khổ chế và hy sinh. Chúng ta không nói nhiều về những lợi ích này mà chỉ chú trọng tới chức năng của đời sống cộng đoàn để thăng tiến chiêm niệm và hoạt động tông đồ, đó là hai mục đích chính của Dòng. Chúng ta đặc biệt xét đến khía cạnh khổ chế của đời sống chung và của nếp sống tu trì trong chương sau.

Ngày nay, đời sống cộng đoàn không còn nghiêm ngặt như trong những thế kỷ đầu. Hiện nay, các tu sĩ được giữ một số đồ dùng như tu phục và sách vở theo nhu cầu cá nhân. Họ được ăn uống đầy đủ, có những đồ dùng cần thiết và được chăm sóc sức khỏe thích đáng. Đa số các tu sĩ xuất thân từ tầng lớp trung lưu nên họ không quen với những tiện nghi cao cấp và không cảm thấy khó khăn nhiều trong đời sống chung. Trước khi vào Dòng,

họ có mức sống trung bình và bây giờ họ bằng lòng với những tiện nghi tối thiểu. Nhưng cho dù có đầy đủ nhu cầu vật chất, họ cũng không nên coi nhẹ tầm quan trọng của đời sống cộng đoàn là yếu tố giúp họ tiến đức trong đời sống thiêng liêng. Mặc dù đời sống chung cũng có nhiều cơ hội để phạm lỗi; nhưng nó cũng tạo nên nhiều cơ hội cho đức ái và hy sinh.

Đời sống cộng đoàn không chỉ dừng lại ở việc để của cải vật chất làm của chung. Nhưng điều quan trọng hơn, đó là chia sẻ của cải thiêng liêng nữa: cả linh hồn cả tâm trí. Chia sẻ về đức vâng phục và khiết tịnh, chia sẻ về các nhân đức và tài năng, chia sẻ về tất cả những gì mà người tu sĩ có cũng như những gì tạo nên con người của mình. Đời sống chung vừa hỗ trợ vừa đem mọi của chung ấy phục vụ lợi ích của Dòng. Người đời làm việc nhằm mưu tìm một cái gì đó; còn người tu sĩ thì không như vậy. Họ làm việc vì tình yêu Thiên Chúa và cộng đoàn. Họ hiến dâng thời giờ và năng lực của mình cho Giáo Hội. Đây không phải là một vấn đề nhỏ. Các hiệp hội giáo dục ghi nhận những đóng góp phục vụ của các giáo sư Dòng Tu như một sự tài trợ vốn hoạt động. Ví dụ: người ta ước tính rằng sự đóng góp của các linh mục ở đại học Providence vào nền giáo dục Công Giáo qua công tác giảng dạy tương đương với việc tài trợ một triệu Mỹ kim (USD). Các trường học của chúng ta không có được những tài trợ to lớn nhưng những đóng góp như thế thì rất nhiều.

ĐỜI SỐNG CỘNG ĐOÀN VÀ CÁC LỜI KHẨN

Qua lời khẩn, tu phục, khu nội vi và sự thỉnh lạng, đời sống cộng đoàn bảo vệ đức khiết tịnh của người tu sĩ. Nó bảo đảm cho việc tuân giữ luật, vâng lời, khổ chế và hy sinh. Đời sống cộng đoàn cất đi những gánh nặng của gia đình để người tu sĩ có thể thường xuyên cầu nguyện và làm việc cho tha nhân. Các linh mục và các nữ tu có thể không có nhiều thời giờ để cầu nguyện như họ muốn; nhưng họ vẫn có nhiều thời giờ dành cho việc tâm linh hơn các người cha, người mẹ trong gia đình là những người ít tham dự Thánh Lễ, rước Chúa mỗi ngày. Cho dù người Đa Minh mất nhiều thời gian cho việc tông đồ hay dạy học thì các lời khẩn vẫn đem lại cho họ nhiều tự do và thời giờ để họ hiến thân cho Thiên Chúa.

Vâng phục là lời khẩn quan trọng nhất. Nó giúp người tu sĩ: sử dụng đúng các tài năng của mình, đón nhận sự hướng dẫn của bề trên, kiên trì với lý tưởng và vững tiến đến sự trọn lành. Lời khẩn vâng phục làm nên một của lễ toàn thiêu trong đời sống thánh hiến tỏa hương hy sinh từ hàng ngàn tu viện, đan viện và trụ sở trung ương của Dòng Đa Minh trên toàn thế giới. Vâng phục cũng là điều kiện quan trọng trong việc sử dụng các tài năng vào việc tông đồ. Nó đưa ra đường hướng liên quan với những hoạt động nhất quán trong các sinh hoạt của cộng đoàn với nhau. Trong lời khẩn vâng phục, người tu sĩ có khả năng trung bình có thể đạt được những thành quả to lớn và hoàn thành những công tác mà sức riêng không thể làm được. Nhờ có anh em đóng góp tài lực, người tu sĩ làm việc có hiệu năng và kiên trì hơn. Hơn nữa chẳng ai có thể tự đánh giá đúng khả năng của mình. Khi tự kiểm, mỗi người

khó nhận ra được điều ấy một cách khách quan: hoặc quá thấp hoặc quá cao. Và như thế, họ có nguy cơ sử dụng sai mục đích những tài năng của mình vì hứng chí, ích kỷ hay tự mãn. Từ đó, người tu sĩ có thể sẽ gặp phải những vướng mắc vì họ không biết cách hướng những tài năng của mình theo kế hoạch chung của bề trên.

Những tu sĩ xuất sắc cũng hãy phục vụ lợi ích của cộng đoàn cho dù bề trên có kém khả năng hơn thì khi vâng phục, các tu sĩ này không làm mất nhân cách của mình bởi vì bề trên là vị đại diện của Thiên Chúa. Bề trên thể hiện ý Thiên Chúa cho người thuộc quyền. Điều này không có nghĩa là bề trên không bao giờ sai lầm, hay luôn thận trọng và khôn ngoan. Kinh nghiệm cho thấy điều này không hoàn toàn đúng. Dù là thiên tài thì cũng có sai lầm, kẻ ít người nhiều. Nhưng người tu sĩ làm việc vì vâng lời thì không bao giờ phải lo mình sai lỗi. Thiên Chúa không muốn cho bề trên sai lầm trong việc hướng dẫn cộng đoàn; nếu có Thiên Chúa cũng sẵn sàng tha thứ những sai lỗi đó. Ngài không làm phép lạ để ngăn chặn sự phản bội của Giu-đa. Nhưng hành động phản bội của Giu-đa xảy ra cũng là do ý của Chúa Cha. Đức Ki-tô đã phó mình cho quân lính cùng với Giu-đa đến bắt. Người dùng sự phản bội này để đem đến cho nhân loại nguồn ơn cứu độ. Khi bề trên mắc một sai lầm Chúa không muốn thế; nhưng Người lại thừa nhận sai lầm đó. Chúa muốn người tu sĩ tuân phục cả những lệnh truyền sai sót của bề trên. Người tu sĩ tuân phục đón nhận và thi hành lệnh truyền sẽ mang lại lợi ích thiêng liêng, ít nhất đó là hoa trái của sự kiên nhẫn chịu đựng, nếu không muốn nói là mưu ích cho bản thân người tu sĩ và các linh hồn.

Thánh ý của Chúa chính là người tu sĩ tuân phục trong mọi việc ngoại trừ tội lỗi. Không có bề trên nào, kể cả Đức Thánh Cha, có thể buộc người tu sĩ làm điều gì tội lỗi. Khi người tu sĩ tuân phục lệnh truyền phù hợp với Hiến Pháp và Tu Luật thì khi đó họ có sự tuân phục của người con đối với cha mẹ tạo nên trong đời sống chung. Bề trên là người Cha có quyền điều hành cộng đoàn mà quyền này đòi hỏi sự tuân phục ở một phạm vi lớn hơn phạm vi của lời khẩn. Người tu sĩ tốt lành không những chỉ coi trọng lời khẩn nhưng còn cố gắng đạt tới mức độ của nhân đức tuân phục nữa.

Tuân phục luôn luôn là một nhân đức được nhấn mạnh trong Dòng Anh Em Thuyết Giáo. Đó chính là lời khẩn duy nhất mà người Đa Minh tuyên bố rõ ràng trong công thức khẩn dòng. Họ không khẩn tuân phục lề luật nhưng khẩn vâng lời một người, người đó là đại diện của Thiên Chúa. Sự tuân phục của người Đa Minh có một đặc tính mà mọi dòng khác không có. Đó là nền tảng cho sự hiện hữu Đa Minh có một đặc tính mà mọi Dòng khác không có. Đó là nền tảng cho sự hiện hữu Đa Minh. Tuân phục Đa Minh không mang tính cách tiêu cực mà là tích cực. Tuân phục là việc kiện toàn nhân phẩm vì nó làm cho người tu sĩ nên giống Con Một Thiên Chúa là Đấng đã tuân phục cho đến chết. Việc noi gương Đức Ki-tô là một trong những lễ vật tốt nhất mà chúng ta có thể dâng lên Đức Ki-tô. Người đã không những chỉ vâng lời Chúa Cha trên trời mà còn tuân phục Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se. Người đã tuân lệnh quan Phi-la-tô, vua Hê-rốt, thầy Thượng Tế và các lý hình.

ĐỜI SỐNG CỘNG ĐOÀN – TRƯỜNG DẠY CHIÊM NIỆM

Đời sống cộng đoàn được đặt nền tảng trên ba lời khấn, nó cho phép các người Đa Minh hoạt động vì các mục đích của Dòng. Đời sống chung tại các tu viện, đan viện là một trường dạy chiêm niệm. Nếu người tu sĩ còn cầu nguyện ở cấp độ thấp thì đời sống cộng đoàn chuẩn bị cho họ cầu nguyện ở mức độ cao hơn; vì đời sống cộng đoàn đòi hỏi việc thực hành các nhân đức, đặc biệt là tình bác ái huynh đệ.

Làm sao có thể sống thân nhiên ngày này qua ngày nọ, năm này qua năm kia trong một cộng đoàn, đứng cạnh mãi một người trong cung nguyện, ngồi cạnh người ấy trong phòng ăn, mà không bị thử thách về nhiều mặt. Thế rồi lại có những hồi chuông báo cho người tu sĩ phải ngưng công việc này để làm việc khác. Một nữ tu nói: “Một ngày từ 5 giờ sáng đến 21 giờ, tôi đếm được 34 hồi chuông. Không nghe thấy gì khác ngoài chuông, chuông và lại chuông”. Sự đều đặn như thế quả là một trong những khổ chế lớn nhất của đời tu.

Thánh Gio-an Thánh Giá cho rằng đời sống chung không chỉ an ủi và nâng đỡ; nhưng còn thách đố và thử thách người tu sĩ. Thánh Tê-rê-sa Hải Đồng kể về sự phiền toái mà chị phải chịu do một chị bạn luôn luôn khua lách cách xâu chuỗi của mình. Điều đó không làm phiền cho mọi người chúng ta nhưng nó lại gây phiền toái cho thánh nữ. Một chị khác trong khi giặt khăn tay đã làm văng nước giặt lên mặt thánh nữ. Ở đây chúng ta không cần phải kể thêm những phiền toái thường gặp trong đời sống cộng đoàn. Để chịu đựng được những phiền toái này trong cuộc sống, đòi mỗi người phải luyện tập nhiều nhân đức.

Bằng việc tự chế sự nóng nổi của cảm xúc và đam mê, các nhân đức luân lý chuẩn bị cho chiêm niệm. Các đam mê làm cho con người say đắm của cải vật chất và nhục dục, nếu biết kiềm chế sẽ giúp thăng tiến về mặt thiêng liêng. Các nhân đức tái lập sự bình an trong tâm hồn và hoà thuận trong cộng đoàn.

Đức công bằng cũng dẫn tới việc chiêm niệm nhờ trả lại cho người khác điều mà người đó có quyền được hưởng, như vậy loại bỏ được mọi nguyên nhân của những xung khắc và bất hoà. Người tu sĩ phải nhớ rằng những tội nghịch với đức công bình bao gồm: đồ vạ cáo gian, dèm pha, ngồi lê đôi mách, tán gẫu và những quan hệ xấu khác. Nhiều người vẫn thấy tâm hồn thân nhiên khi nghe nói tới “công bằng” chỉ vì họ không trộm cướp; nhưng họ lại không biết rằng nhân đức này bao quát hơn nhiều, nhất là trong việc nói năng. Sự thinh lặng nội vi đã ngăn chặn được nhiều tội lỗi.

Đời sống cộng đoàn chuẩn bị cho việc chiêm niệm cách trực tiếp hơn vì nó đào luyện người tu sĩ trong tình yêu đối với Thiên Chúa và tha nhân. Dòng của chúng ta được thành lập dựa trên nền tảng của đức ái.

“Anh em thân mến, chúng ta phải kính mến Thiên Chúa, rồi đến yêu thương tha nhân, vì đó là hai mệnh lệnh chính ban cho ta. Vì thế, chúng tôi

truyền cho anh em trong tu viện phải giữ những điều sau: Trước hết, sở dĩ anh em đoàn tụ làm một là để sống hoà hợp trong một nhà và để đồng tâm nhất trí với nhau trong Chúa” (Tu Luật số 1).

Chúa Cha đã nói với thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na về sự khôn ngoan này trong cuốn “Đối thoại” của thánh nữ:

“Cha đòi con phải yêu Cha với cùng một tình yêu mà Cha yêu con. Đối với Cha, con không thể nào đáp đền tương xứng được tình yêu của Cha dành cho con. Cha đã đặt con ở giữa những bạn đồng hành của con ngõ hầu con có thể làm cho họ điều mà con không thể làm cho Cha, nghĩa là con hãy tự nguyện yêu thương tha nhân mà không mong đáp đền. Những gì con làm cho những bạn đồng hành là con làm cho chính Cha”. Ngòi Lời của Cha đã nói ra điều này với Phao-lô là kẻ bách hại Cha: “Sau-lê, Sau-lê tại sao người tìm bắt Ta? Khi nói như vậy, Người ám chỉ rằng Phao-lô đã tìm bắt Người nơi các tín hữu. Tình yêu tha nhân này phải thực chân thành vì chính với cùng một tình yêu mà con yêu Cha, thì cũng hãy yêu tha nhân như thế”.

Tình yêu như thế là điều kiện tiên quyết cho chiêm niệm vì chiêm niệm khởi sự, tiếp diễn và chấm dứt trong tình yêu. Khi yêu mến Thiên Chúa, linh hồn đi tìm gặp Người; khi linh hồn đi tìm gặp Thiên Chúa và chiêm ngắm vẻ đẹp của Người trong chiêm niệm thì linh hồn tiến sâu hơn trong tình yêu và chỉ muốn yêu Người trên hết mọi sự. Người chiêm niệm yêu thương tất cả những gì Thiên Chúa yêu thương, đặc biệt yêu thương đồng loại.

Trong thư gửi cho anh em ở Paris vào lễ Phục Sinh năm 1233, chân phước Jordan Saxony đã nhấn mạnh đến tương quan mật thiết giữa tình yêu tha nhân và việc tìm gặp Chúa. Ngài nhận xét về sự yếu đuối của ông Tô-ma nghi ngờ về việc Chúa hiện ra với các Tông Đồ vào ngày Chúa Nhật Phục Sinh như sau:

“Anh em thân mến, mong sao tình yêu tha nhân vì Đức Ki-tô luôn ở với anh em. Chính Đức Ki-tô sẽ không thể hiện ra với những ai tự ý tách rời khỏi cộng đoàn. Ông Tô-ma vì không cùng ở với các môn đệ khác khi Đức Giê-su hiện đến nên ông đã không có phúc được gặp Người. Anh em nghĩ rằng mình hoàn hảo hơn ông Tô-ma chăng?”

Chân phước Jordan đã đụng chạm đến cốt lõi của đời sống cộng đoàn. Nhưng Ngài chỉ trích dẫn lại Thánh Kinh mà thôi. Chúng ta đọc thấy trong thư thánh Phao-lô: *“Anh em phải cố ăn ở hoà thuận với mọi người; vì không có sự thánh thiện, thì không ai sẽ được thấy Chúa” (Dt 12,14)*. Thánh sử Gio-an còn nhấn mạnh hơn:

“Vì thế, chúng ta hãy yêu thương nhau vì Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước. Nếu ai nói: “tôi yêu mến Thiên Chúa” mà lại ghét anh em mình, thì người ấy là kẻ nói dối; vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy. Đây là điều răn mà chúng ta đã nhấn mạnh được của Người: Ai yêu mến Thiên Chúa thì cũng phải yêu thương anh em mình” (1 Ga 4, 19-21).

Đời sống trong cộng đoàn cũng đưa người Đa Minh đến chiêm niệm. Vì bác ái huynh đệ là hiển hiện tình yêu của Ba Ngôi Thiên Chúa. Chân lý này gợi hứng cho thánh Âu-tinh nói rằng: “Nơi đâu có yêu thương, ở đó có Thiên Chúa Ba Ngôi hiện diện”. Đời sống của Ba Ngôi Thiên Chúa là đời sống chung. Ba Ngôi vị chia sẻ cùng một bản thể và toàn bộ Thiên Tính. Ba Ngôi có chung mọi ưu phẩm ngoại trừ Ngôi Vị riêng của mỗi Đấng. Đời sống chung của Ba Ngôi Thiên Chúa là đời sống của tình yêu. Tình yêu của Chúa Cha đối với Chúa Con và tình yêu của Chúa Con đối với Chúa Cha vĩ đại, mãnh liệt đến nỗi từ tình yêu hỗ tương, duy nhất và hằng hữu này phát sinh Ngôi Ba là Tình Yêu Bản Thể, tức Chúa Thánh Thần. Khuôn mẫu tuyệt vời về đời sống chung ấy là một sự trao đổi kỳ diệu về tình yêu giữa Ba Ngôi Thiên Chúa. Trong đời sống chung hằng ngày, người tu sĩ đang minh chứng cho niềm tin của mình vào Ba Ngôi Thiên Chúa.

CHUẨN BỊ CHO HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ

Đời sống thánh hiến của người Đa Minh nơi cộng đoàn chuẩn bị cho họ trở thành người tông đồ vì nó khơi lên trong họ tình yêu tha nhân được đặt nền tảng trên các nhân đức vững bền. Tâm hồn họ trỗi dậy tình yêu dành cho người đứng bên cạnh trong cung nguyện, ngồi sát bên nhau trong bữa ăn, người cùng chia sẻ niềm vui nỗi buồn của tu viện. Nhưng tình yêu bao quát hơn và vượt ra khỏi những bức tường của tu viện để đến với các hoạt động tông đồ, đến với những người tha phương cầu thực, hèn kém, dốt nát. Người Đa Minh tự nguyện chia sẻ gánh nặng, những hy sinh của đời sống cộng đoàn, để nhờ đó họ có thể dâng lời cầu xin và đền tội cho các linh hồn. Khi họ bước lên giảng đài hay đi vào lớp học vì tuân phục, để tạm rời bỏ niềm vui và sự thảnh lạng của tu viện và khi đó, họ đã hy sinh cách quảng đại và không sợ những công việc ấy sẽ làm gián đoạn họ kết hợp với Thiên Chúa. Điều mà họ trao ban cho tha nhân là trao ban cho chính Đức Giê-su. Nơi tha nhân, họ sẽ gặp được chính Đức Ki-tô.

Chân lý sâu xa về sự đồng hoá tha nhân với Đức Ki-tô làm nổi bật sâu đậm trong cuộc đời thánh Ca-ta-ri-na. Chân phước Raymond Capua biết rất rõ về những điều kỳ diệu mà Thiên Chúa đã thực hiện trong tâm hồn của người nữ tu Đa Minh khiêm hạ này và đã diễn tả lại tình tiết đó cho chúng ta. Tu sĩ Dominic Rover diễn tả tình tiết này trong kịch bản tựa đề Ca-ta-ri-na, mẹ tôi, như sau:

“Một lần kia ở tu viện Montepulciano, thánh nữ bị sốt nặng và cho mời tôi đến nói chuyện vì có quá nhiều điều xảy ra với chị: những thị kiến mới, những đặc ân bởi trời lớn lao đến nỗi chị khó có thể diễn tả được. Sau đó, chị nói thao thao bất tận về Bữa Huyết Chúa, về vị Hôn Phu, về sự cần thiết phải chê ghét bản thân, sôi nổi đến nỗi lần này tôi đã bị cuốn hút vào lời chị nói. Có lẽ lúc đó tôi sợ hãi và có mặc cảm phạm tội hay là một điều gì khác nữa mà ma quỷ gieo vào trong tâm khảm tôi; nhưng tôi bắt đầu tự hỏi có phải thực sự là Chúa Thánh Thần đã tác động đến chị hay chỉ là một cơn xúc động cuồng nhiệt nào đó đã thỉnh thoảng xâm chiếm tâm hồn chị ngay từ đầu. Nó

là nỗi sợ hãi, lòng phẫn uất, hay mưu chước của ma quỷ? Chắc chắn tất cả những điều đó xảy ra cùng một lúc. Chị nằm trước mặt tôi, nói làm nhằm làm cho tôi nghĩ rằng những lời nói đó chỉ là những lời mê sảng, những lời mê sảng của một người phụ nữ đáng thương bị quỷ ám hay đơn giản là bị điên! Rồi tôi chăm chú nhìn chị và bỗng nhiên người nằm đó không còn phải là Carri-na nữa!... Đó là một khuôn mặt... khuôn mặt của một người đàn ông... đang ngược nhìn lên tôi với cặp mắt tinh tường và bộ râu ngắn bạc phơ. Gương mặt thật oai nghiêm giống như bức ảnh Đức Ki-tô được vẽ theo trường phái Byzantine ở thánh đường Monreale. Nỗi kinh hãi giữ tôi ở lại đó, một nỗi sợ hãi khủng khiếp, đến nỗi tôi đã phải thốt lên: “Ngài là ai? là ai? Và có tiếng trả lời: “Ta là Đấng Hằng Hữu”. Bỗng chốc, khuôn mặt ấy biến mất và lại là Carri-na đang nằm đó, cơn xúc động đã giảm bớt và chị thiếp ngủ như một em bé hay đã đi vào cầu nguyện mà đối với chị đó giống như một giấc ngủ dài và là tận cùng của một nỗi đau.

Linh hồn sống trong tình trạng ân sủng là hình ảnh của Đức Ki-tô. Qua lời khẩn, người Đa Minh trở nên một người chiêm niệm, được sự cấp thiết phải yêu thương đồng loại hướng dẫn. Nếu người tu sĩ không yêu thương tha nhân thì những buổi cầu nguyện lâu giờ, những tiết học vất vả, việc tuân giữ tỉ mỉ lề luật sẽ trở nên vô ích và không bao giờ đưa người tu sĩ đến chiêm niệm được. Như thánh Phao-lô nói:

“Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có lòng bác ái, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoảng. Giả như tôi được ơn nói tiên tri và được biết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu hay được cả lòng tin có thể chuyển núi dời non, mà không có lòng bác ái, thì tôi cũng chẳng là gì” (1 Cr 13, 1-2).

Thánh Đa Minh đã yêu tha nhân cách sâu xa. Khi còn là sinh viên ở Palencia, Cha đã bán sách của mình để mua lương thực cho những người đang đói khổ. Tình yêu ấy đã giữ Cha Đa Minh ở lại cung nguyện thâu đêm để cầu nguyện và đền tội cho các linh hồn. Tình yêu ấy khơi dậy trong Cha nỗi khát khao giảng thuyết và thúc giục anh em cùng giảng thuyết.

Chân phước Jordan đã bày tỏ nguồn mạch thâm sâu của lòng thương yêu tha nhân nơi thánh Đa Minh như sau:

“Lời cầu nguyện riêng liên li của Cha là một tặng phẩm của đức ái chân thực có khả năng phục vụ và đem lại ơn cứu độ cho các linh hồn, vì Cha cho rằng Cha chỉ là môn đệ đích thực của Đức Ki-tô khi nào Cha hết sức mưu ích cho các linh hồn như Đức Ki-tô, Đấng hiến thân trọn vẹn để cứu độ mọi người”.

Chính tình yêu tha nhân cũng đã thôi thúc chân phước Jordan mãnh liệt. Khi còn là một phó tế trẻ ở đại học Paris và trước khi trở thành tu sĩ Đa Minh, tình yêu Thiên Chúa và lòng yêu thương tha nhân thiêu đốt Anh. Anh có thói quen thức dậy nửa đêm và đi cầu nguyện kinh ở một thánh đường gần đó. Một lần kia trên đường đi tới nhà thờ, Anh gặp một người hành khát.

Và vì không có tiền nên Anh đã cởi chiếc thắt lưng trao cho người hành khất. Và khi đến nhà thờ, vì chưa đến giờ nguyện, Anh đến quỳ cầu nguyện dưới chân thánh giá. Ngược nhìn lên, Anh thấy chiếc thắt lưng của mình được quấn quanh lưng Đức Ki-tô. Đó là phần thưởng cho tình thương của Jordan đã dành cho tha nhân.

Đời sống chung có những khía cạnh tuyệt vời, nhưng không dễ dàng sống đời sống ấy, vì hiện nay có nhiều trở ngại cho đời sống bác ái huynh đệ. Để duy trì tinh thần của thánh Đa Minh, người Đa Minh phải thường xuyên canh tân cũng như đào sâu mục đích của Dòng và cương quyết định hướng đời mình hướng về tình yêu Thiên Chúa và đồng loại. Họ có thể làm việc này hiệu quả nhất dưới chân thánh giá. Họa sĩ Fra Angelico thường diễn tả các thánh Dòng Đa Minh như Cha Thánh Đa Minh, Phê-rô tử đạo, Tô-ma (những vị được phong thánh vào thời đó) miệt mài suy niệm Đức Ki-tô chịu đóng đinh trên thập giá. Thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na thường nói về Bữa Huyết của Chúa Ki-tô. Chị viết trong một lá thư như sau:

“Người nào suy niệm Đức Ki-tô bị lưỡi đòng đâm thấu trái tim thì đều trở nên một Ki-tô hữu khác; chính người ấy cũng sẽ yêu thương giống như Đức Ki-tô đã yêu thương các linh hồn”.

Khi sống trung tín và chân thành với lý tưởng, người Đa Minh sẽ thể hiện tình yêu đối với Thiên Chúa và anh em trong mọi vấn đề liên quan đến cộng đoàn Đa Minh. Đời sống cộng đoàn phải nói lên điều đó. Thánh Đa Minh đã chọn đời sống chung như là một trong những phương thế căn bản nhằm đạt đến các mục tiêu của Dòng: thánh hoá bản thân và cứu độ các linh hồn bằng giảng thuyết. Đời sống cộng đoàn chuẩn bị cho chiêm niệm và hoạt động tông đồ. Việc chấp nhận hy sinh và khắc phục các khó khăn trong đời sống chung sẽ huấn luyện người Đa Minh trong đức ái. Đó là trung tâm điểm của tinh thần và hoạt động tông đồ của Dòng. Đức ái được khơi dậy trong chiêm niệm nơi tu viện sẽ chan hoà ra cho tha nhân trong hoạt động tông đồ. Đây là đạo lý của thánh Âu-tinh: “Anh em thân mến, trên tất cả mọi sự hãy kính mến Thiên Chúa, và sau Người, hãy yêu thương tha nhân” (*Dẫn nhập của Tu Luật thánh Âu-tinh*). Chân phước Jordan, người kế vị thánh Đa Minh, nhắc lại giáo huấn này như sau: “Hãy luôn luôn cho nhau tình thương bởi vì Đức Giê-su không thể đến với ai tự tách mình ra khỏi cộng đoàn”. Đức Hồng Y MiChael Browne, khi là bề trên Tổng Quyền của Dòng, đã diễn giải lời của bề trên Tổng Quyền Jordan cho các tu sĩ Đa Minh Hoa Kỳ như sau:

“Không ai kể cả Đức Thánh Cha có thể chuẩn chước cho chúng ta khỏi phải yêu mến đời sống cộng đoàn. Đây là điều thực sự được chính Thiên Chúa ghi khắc vào tâm trí chúng ta. Chúng ta có thể kiểm tra xem hoạt động tông đồ của mình có đi theo đúng tinh thần của Dòng hay không dựa trên tiêu chuẩn: chúng ta có giữ được tình huynh đệ trong đời sống cộng đoàn như các tông đồ không”.

CHƯƠNG 8

ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐA MINH LÀ SỐNG HY TẾ

Dominican life is sacrafiticial

Đời sống người Đa Minh là sống hy tế. Việc hy tế được hoàn thành khi người Đa Minh tuyên khấn. Qua ba lời khấn: Vâng lời, khiết tịnh và nghèo khó, người Đa Minh tự hiến như một hy lễ cho Thiên Chúa toàn năng. Trong sách Lê-vi, Thiên Chúa đã chỉ định cách cụ thể về mỗi lễ vật Cựu Ước phải được hiến dâng. Ngày nay, Giáo Hội đã qui định rõ ràng hy lễ phải được cử hành như thế nào kể cả những chi tiết tỉ mỉ như số cây nến, màu và loại lễ phục, những nghi thức mà linh mục phải theo như: khi nào làm dầu thánh giá, khi nào bái gối... Các ngài không được tùy tiện bỏ sót hay thay đổi bất kỳ khoản nào trong những luật chữ đỏ này.

Dòng Anh Em Thuyết Giáo đưa ra những luật lệ mà theo đó các người Đa Minh phải sống đời sống tu trì theo Tu Luật thánh Âu-tinh, Hiến Pháp và những tập tục của Dòng. Những qui định này như luật nghi thức mà theo đó người tu sĩ tự hiến dâng cho Thiên Chúa. Hiến vật được dâng lên là bản thân được hy tế bằng cuộc sống thường ngày theo luật Dòng tuyên khấn. Đương sự đã hứa thực hiện khi họ quỳ trước bệ trên lúc tuyên khấn. Đương sự đã hứa tuân phục theo Tu Luật thánh Âu-tinh và Định chế của Dòng Anh Em Thuyết Giáo. Nếu đương sự sống khác đi là đã thất hứa và lỗi phạm luật Chúa. Điều quan trọng trong những luật nghi thức hiến tế của Tu Luật và Hiến Pháp Dòng là sự tuân giữ luật đời sống tu trì như: tỉnh lặng, chay tịnh, mặc tu phục, hôn áo phép, tạ ơn Chúa trước và sau bữa ăn, nội vi và những tập tục liên quan đến đời sống chung. Năm phương thế chính đã được thánh Đa Minh lựa chọn để đạt được mục đích của Dòng là: ba lời khấn, cử hành chung Các Giờ Kinh Phụng Vụ, đời sống chung, giữ luật tu viện và chuyên cần học hỏi các chân lý thánh. Tất cả những điều trên (*trừ lời khấn*) có thể được điều chỉnh nhằm tạo điều kiện cho Dòng thích nghi với những hoàn cảnh hiện tại. Hiến pháp thì không bao giờ được thay đổi hoàn toàn. Nếp sống tu trì sát tế người tu sĩ thành hiến vật và nó đóng vai trò thiết yếu trong đời sống người Đa Minh.

NẾP SỐNG TU TRÌ CHUẨN BỊ CHO CHIÊM NIỆM

Nếp sống tu trì cần thiết cho đời sống nội vi tu viện và hoạt động tông đồ bên ngoài. Nó được thánh Đa Minh đưa ra để chuẩn bị và hướng dẫn con cái mình chiêm niệm. Tự bản chất, các tu sĩ thực hiện được điều này như lịch sử đan viện minh chứng. Từ thời Pachomius, vị khai sinh nếp sống đan tu đến các thánh Ba-xi-li-ô, Biển Đức, Nôbert, Đa Minh... Những Dòng chiêm niệm đã đưa những thực hành vào đời sống tâm linh của mình như những phương thế thiết yếu để sống đời tu. Các vị sáng lập đã đánh giá cao nếp sống tu trì này vì nó đóng góp nhiều cho cộng đoàn nói chung và cho mỗi tu

sĩ nói riêng. Một trong những lợi ích này là tạo ra môi trường thuận lợi cho hy tế. Nếp sống tu trì không chỉ bảo đảm hướng nhất quán trong một cộng đoàn, nơi đem lại cho các tu sĩ tình huynh đệ, lòng yêu thương và sự nâng đỡ cho hoạt động tông đồ; nhưng nó còn tạo cơ hội cho việc khổ chế. Khổ chế Mortificatum bắt nguồn từ tiếng La-tinh nghĩa là giết chết Mortificare. Vấn đề quan trọng của nhân loại kể từ tội A-đam là việc chế ngự thân xác. Thân xác ở đây có nghĩa là bản chất bị sa ngã hoàn toàn của chúng ta. Việc tuân giữ nếp sống tu trì giúp người tu sĩ từ bỏ những thói hư tật xấu của mình, kìm hãm những cảm xúc và đam mê; làm chủ ý chí, chết cho chính mình. Nó chống lại ý riêng và lòng tự kiêu là nguyên nhân gây nên tội lỗi. Nhờ chế ngự thân xác, nếp sống tu trì chuẩn bị tâm hồn người Đa Minh vào đời sống chiêm niệm. Vì các đam mê quyết rũ tâm hồn ra khỏi những điều thuộc về tâm linh và hướng nó chiều theo những điều thuộc về cảm xúc. Nếp sống tu trì tách người tu sĩ ra khỏi những gì là vật chất, thanh lọc giác quan và tránh xa các cám dỗ.

Các anh em tiên khởi làm chứng thánh Đa Minh đã đánh giá cao về nếp sống tu trì này. Tu sĩ William Montferrat, một trong những bạn đồng hành của Cha Thánh đã làm chứng:

“Chúng tôi luôn ở bên nhau. Tôi thấy Cha Đa Minh giữ tu luật và nếp sống tu trì nghiêm túc nhất. Thật vậy, Cha thường chuẩn chước cho anh em nhưng không bao giờ Cha chuẩn chước cho mình. Cha giữ mọi hình thức chay tịnh theo luật định cả khi khoẻ mạnh cũng như ốm đau”.

Tu sĩ Ventura Verona, Bề Trên tu viện ở Bologna khi Cha Thánh qua đời tại đây, đã bổ sung vào lời chứng của tu sĩ William như sau: “Khi Cha Đa Minh ở trong tu viện... Cha đã hoà mình với cộng đoàn trong việc ăn uống, giữ luật cách trọn vẹn và làm mọi việc khả dĩ để làm gương cho anh em. Tu sĩ Rudolph Faenza, quản lý của tu viện ở Bologna đã kể chi tiết về điểm này như sau:

“Khi Cha thấy một tu sĩ phạm luật, Cha làm thinh không thấy. Nhưng sau đó, Cha dịu dàng và thân thiện nói: “Này anh, anh hãy đi thú lỗi đi”. Và với những lời nhã nhặn, Cha đã thuyết phục người đó thú lỗi. Dù với thái độ từ tốn nhưng Cha vẫn kiên quyết sửa phạt những việc sai phạm. Tuy nhiên, những anh em này vẫn đều cảm thấy mình được an ủi sau đó”.

Trong việc trung thành chu toàn lề luật, Cha Đa Minh tự gia tăng việc khổ chế cho mình hơn luật định. Cha ăn uống kham khổ, phạt xác bằng mặc áo nhặm và đánh tội. Ngoài ra, tu sĩ Rudolph còn kể rằng: “Cha Đa Minh luôn mang một chiếc xích sắt cuốn chung quanh thắt lưng cho đến khi Cha qua đời”. Rudolph đã tìm thấy dây xích sắt này trong lúc tắm liệm cho Cha. Ban đầu, Rudolph đã tìm thấy dây xích sắt này trong lúc tắm liệm cho Jordan Saxony. Tu sĩ John Spain kể về việc Cha Đa Minh hầu như cầu nguyện liên lỉ. Cha cầu nguyện và thức khuya nhiều hơn các anh em. Cha đã đánh tội dữ dội và thường xuyên hơn anh em”. Nhờ cầu nguyện và khổ chế như thế,

thánh Đa Minh đã nhận được những ân sủng trong hoạt động tông đồ. Tu sĩ Jordan Saxony viết:

“Thiên Chúa đã ban cho Cha Đa Minh đặc ân khóc thương người tội lỗi, người cùng khổ và đau khổ. Cha đã mang nỗi khổ đau của họ vào tận thâm cung cõi lòng đồng cảm của Cha. Và tình thương nồng cháy của Cha đã trào ra trong những dòng lệ đầm ướt”.

Lòng trắc ẩn khiến Cha hy sinh cho các tội nhân. Không được bắt chước một cách mù quáng, chỉ khi nào Cha giải tội cho phép, chúng ta mới được bắt chước những khổ chế mà Cha Thánh đã thực hành. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể bắt chước một số cách khổ chế khác của thánh Đa Minh mà không làm phương hại tới sức khỏe. Tu sĩ John Spain nhận định về điều này như sau: “Cha đáng kính Đa Minh ăn uống thanh đạm”. Một số tu sĩ khéo léo tìm ra những hình thức hãm mình vừa nhẹ nhàng vừa hiệu quả như: ngồi không bao giờ tựa lưng vào thành ghế, hạn chế dùng gia vị: muối, tiêu, dấm, nước xốt, cà chua... Dù vậy, việc khổ chế tốt nhất vốn đã nằm sẵn trong luật lệ và kỷ luật như: tỉnh lặng, mau lẹ khi nghe chuông báo hiệu, cúi mình nghiêm túc trong Các Giờ Kinh Phụng Vụ, xin phép bề trên, vui vẻ khi giữ luật.

Những hình thức khổ chế này phải được người tu sĩ làm một cách có ý thức. Người tu sĩ sẽ làm mất hết công phúc khi phàn nàn và làm cách máy móc những việc khổ chế đó. nếp sống tu trì nên được người tu sĩ dâng hiến thường xuyên và ý thức như những biểu hiệu của tình yêu và hy sinh. Người tu sĩ cần tránh thói quen giữ luật một cách vô ý thức mà không bao giờ nghĩ rằng họ đang khổ chế, họ đang dâng hiến một hy lễ lên Chúa Ki-tô chịu đóng đinh thập giá.

Trước hết là giữ luật nội vi, canh chừng đôi mắt và giữ tỉnh lặng. Tu Sĩ John Spain kể về việc thánh Đa Minh cẩn thận canh chừng đôi mắt như sau: “Khi chúng tôi cùng rảo bước qua các thành phố và làng mạc, điều đáng chú ý là thánh Đa Minh luôn nhìn chăm chú xuống đất”. Bởi vì khi mắt cứ nhìn ngang nhìn dọc đây đó thì dễ bị cám dỗ và thường đưa đến phạm tội.

Khu nội vi của các nữ đan sĩ thì nghiêm ngặt nhất: nội bất xuất, ngoại bất nhập. Nhưng luật nội vi đối với tu viện của anh em và của các nữ tu hoạt động thì ít nghiêm ngặt hơn. Nội vi là hàng rào phòng giữ không cho thế giới bên ngoài xâm nhập vào trong tu viện; nhưng lại không ngăn cản tu sĩ ra ngoài hoạt động tông đồ. Nhất là hàng rào ấy loại bỏ tinh thần thế tục để tu viện và đan viện giữ được bầu khí yên tĩnh cần thiết cho việc cầu nguyện và học hành.

Ngay cả khi luật hạn chế việc sử dụng tivi, radio, điện thoại, thư từ, giao tiếp, du lịch và các kỳ nghỉ, thì người Đa Minh vẫn cảm thấy an vui. Những hạn chế này đôi khi làm cho người tu sĩ cảm thấy bức bối, buồn phiền nhưng cũng là để bảo vệ các tu sĩ, tạo cho họ một bầu khí linh thiêng mà họ ước ao tìm kiếm khi vào Dòng, đồng thời nhắc cho họ biết rằng ngôi nhà thực sự của họ chính là tu viện.

Thình lặng là yếu tố quan trọng nhất trong kỷ luật tu viện. thánh Gia-cô-bê nhấn mạnh điều đó như là một trải nghiệm về tinh thần tu trì đích thực: *“Ai cho mình là đạo đức mà không tìm chế miệng lưỡi, là tự dối lòng mình, vì đó chỉ là thứ đạo đức hảo”* (Gc 1,26). Nơi khác, ngài mô tả tỉ mỉ việc kiểm soát cái lưỡi: *“Ai không vấp ngã về lời nói thì là người hoàn hảo, có khả năng kiểm chế toàn thân”* (Gc 3,2). Ngài nói tới làm thế nào mà người ta điều khiển được những con ngựa hoang bằng dây cương, điều khiển những con tàu lớn bằng bánh lái, thuần hóa những loài chim chóc, thú vật và cả rắn nữa; nhưng lại không kiểm soát được cái lưỡi”. Không ai có thể trị nổi cái lưỡi của mình... cái lưỡi chứa những nọc độc giết người” (Gc 3,2-10). Dựa vào giáo huấn của thánh Gia-cô-bê và kinh nghiệm lâu dài của lịch sử đời tu, Hiến Pháp của Dòng khuyên anh em giữ thình lặng “với tất cả tâm huyết và nội lực”. Hiến Pháp gọi thình lặng là “luật cực thánh”, “một vệ sĩ của nếp sống tu trì” và “khuyến cáo bề trên ngoài việc nhiệt thành giữ luật thường xuyên còn phải dành ưu tiên cho luật thình lặng của Dòng, cho dù có trái ngược với thói quen tập quán”. Tổng Hội năm 1955 nhấn mạnh “luật thình lặng cực thánh” với những dòng sau:

“Chúng tôi khuyến cáo anh em giữ thình lặng ngay cả trong phòng riêng, đặc biệt là tại bàn ăn, không chỉ vì nó đã được chế định và là một phương thế khổ chế dễ dàng đối với mọi người; nhưng nhất là vì nó cần thiết cho đời sống chiêm niệm và học hỏi chân lý thánh”.

Hiến Pháp hiện nay qui định: “Anh em phải ân cần giữ thình lặng, nhất là tại những nơi và những giờ dành cho việc cầu nguyện và học hỏi: vì sự thình lặng bảo vệ mọi kỷ cương, nhất là giúp ích cho đời sống tu trì nội tâm, cho sự bình an, cầu nguyện, học hỏi chân lý và cho lời giảng được chân thực.

“Phải giữ thình lặng trong tinh thần bác ái, làm sao để không cản trở những trao đổi bổ ích” (số 46).

Những gì nói về luật thình lặng cũng nói được về mọi kỷ luật khác. Các kỷ luật đó, cách này hay cách khác, là một hình thức của sự thình lặng. Chúng làm giảm bớt sự hỗn tạp của trí tưởng tượng và ký ức, những cơ năng thu nhận dữ kiện bên ngoài. Nếp sống tu trì kiểm soát những con đường xâm nhập vào tâm hồn, loại bỏ những ý tưởng vu vơ lén vào qua các giác quan.

Trong tiến trình phong thánh cho Cha Đa Minh của chúng ta các anh nhân chứng đã nhấn mạnh nhiều đến việc Cha giữ thình lặng. Tu sĩ William Montferrat nói: “Cha Đa Minh đáng kính luôn luôn giữ thình lặng trong những giờ và những nơi được qui định. Cha tránh nói chuyện phiếm”.

Tu sĩ Forgier Penna đã nêu lên mối tương quan mật thiết giữa sự thình lặng và việc giảng thuyết như sau: “Tôi không bao giờ nghe thấy Cha nói lời vô nghĩa, có ác hay gièm pha nào cả. Trái lại, Cha luôn nói về Chúa. Bất kỳ gặp ai trên đường, Cha cũng đều nói với họ về Chúa và thúc giục anh em cũng làm như Cha”.

Tu sĩ Ventura Verona đã nói đến việc Cha Thánh giữ tỉnh lặng ban đêm như sau: “Khi đi đường, Cha giữ tỉnh lặng từ sau giờ kinh tối và bắt các tu sĩ đồng hành cũng giữ như họ đang ở trong tu viện. Ban sáng, khi Cha ra đi, Cha nhắc anh em giữ tỉnh lặng cho đến giờ kinh sau Thánh Lễ”.

Tu sĩ Bonvisus còn kể thêm: “Suốt thời gian lâm bệnh tại Milan, Cha vẫn không chút than phiền dù trong cơn sốt dữ dội; nhưng dường như Cha đang chuyên chú cầu nguyện và chiêm niệm”.

Cha Đa Minh đã quá quen với mọi hình thức giữ tỉnh lặng: sự tỉnh lặng thông thường trong tu viện, sự hoàn toàn tỉnh lặng ban đêm, tránh tán gẫu và những sai lỗi khác do nói năng, giữ tỉnh lặng mà không chút than phiền.

NẾP SỐNG ĐAN VIỆN VÀ ĐỜI SỐNG TÔNG ĐỒ

Đối với người Đa Minh, nếp sống đan viện không chỉ là để tạo nên bầu khí chiêm niệm cho đời sống tu trì mà nó còn là điều kiện thiết yếu của hoạt động tông đồ nữa. Kỷ luật đời tu tạo nên môi trường thuận lợi cho việc chiêm niệm, học hành và sử dụng hữu hiệu thời giờ. Đó là những nhân tố quan trọng nhất cho hoạt động tông đồ. Nó hạn chế lòng ích kỷ và làm tăng triển ý chí kỷ luật, một tiền đề cho mọi hoạt động hữu hiệu. Kỷ luật tu trì giúp loại bỏ những vướng vẩn lo toan đến những thứ vật chất, những nhu cầu thường ngày như cơm ăn áo mặc. Tu phục của anh em không chỉ hệ tại vẻ đẹp và ý nghĩa nhưng còn giúp cho người tu sĩ (*nhất là nữ tu*) khỏi mất nhiều thời giờ và quá bận tâm chạy theo thời trang...

Nếp sống tu trì cũng đem lại các ơn cần thiết cho hoạt động tông đồ. Tu sĩ Cormier, Bề Trên Tổng Quyền (1904-1916) đã nỗ lực phục hưng lại tinh thần Đa Minh sau những tổn thất trong thế kỷ XIX, đã đưa ra một nhận định rất quan trọng về kỷ luật tu viện như sau: “Nếp sống tu trì hoàn hảo của chúng ta có thể được coi như một á bí tích để Thiên Chúa thánh hóa đời sống chúng ta về cả thể xác, trí khôn và tâm linh nữa”. Á bí tích là một hành vi hay một lễ vật được Giáo Hội chuẩn nhận và chúc lành như một nguồn ơn thánh. Nó ban ơn thánh nhờ lời cầu khẩn của Giáo Hội khi Giáo Hội chúc lành cho lễ vật này cùng với lòng sốt sắng của người sử dụng. Các á bí tích không hiệu lực như bí tích. Bí tích thì tác động tức thời và trực tiếp; còn á bí tích chỉ là những phương thế quý giá để lãnh nhận ơn thánh. Khi Giáo Hội phê chuẩn một tu luật, theo một nghĩa nào đó, Giáo Hội đã biến toàn bộ nếp sống tu trì thành những nguồn ơn thánh cho các tu sĩ tuân theo Tu Luật đó. Tu Luật và Hiến Pháp Dòng Đa Minh đã được Giáo Hội châu phê cũng mang lại ơn thánh cho các tu sĩ Đa Minh nào trung thành vâng giữ luật Dòng. Tu sĩ Cormier đã nhấn mạnh đến chân lý này như sau: “Nếp sống tu trì, kể cả những luật tầm thường nhất, đã hàm chứa ơn Chúa và đáng cho chúng ta chuyên cần tuân giữ”.

Việc tuân giữ luật của người được thánh hiến sẽ nâng cao giá trị của á bí tích này trong nếp sống tu trì. Họ được hiến dâng cho Thiên Chúa bằng lời khẩn. Các lời khẩn đem lại một giá trị kép cho mọi hành vi liên hệ. Trong lớp

học, sự vâng lời của học sinh có một giá trị công phúc do vâng lời. Còn sự vâng phục của người nữ tu dạy học có hai giá trị: đó là hành vi vâng phục do lời khẩn và còn là vì do nhân đức thờ phượng nữa. Người tu sĩ tuân giữ các lời khẩn một cách nghiêm túc theo Tu Luật và Hiến Pháp qui định. Khi người Đa Minh giữ luật, lời khẩn sẽ thánh hóa các hành vi của họ, theo một nghĩa nào đó, cũng làm cho luật Dòng trở thành các á bí tích, nhờ đó họ nhận được ơn thánh. Khi người tu sĩ phạm luật hay làm trái luật mà thiếu sự chuẩn chức của bề trên, họ sẽ không nhận được ơn thánh do lời khẩn đem lại.

Ngoài ra, tu phục cũng là một phụ tích chủ yếu mà Giáo Hội đã ban cho người Đa Minh. Tu phục biểu thị cho đời tu trọn vẹn, phẩm cách, mục tiêu và lý tưởng của người tu sĩ. Các ý tưởng này được diễn tả trong lời nguyện khi linh mục làm phép tu phục:

“Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, chúa đã đoái thương mặc lấy thân phận hay chết của chúng con. Chúng con nài xin Chúa chúc phúc cho tu phục này mà các vị Cha anh thánh thiện của chúng con đã mặc vào như dấu hiệu của lòng trong trắng và khiêm nhường. Các ngài đã mặc chúng để xứng đáng mặc lấy Chúa. Chúng cầu con xin nhờ Đức Ki-tô Chúa chúng con”. A-men.

Mỗi khi người tu sĩ mang tu phục, họ phải nhớ rằng bản phận hàng đầu của họ là phải mặc lấy Chúa Giê-su Ki-tô và chu toàn bản phận của lời khẩn và của nếp sống tu trì theo đường hướng Đa Minh. Quả vậy, khi người tu sĩ choàng áo phép qua đầu, họ nghe thánh Phao-lô nói với mình: *“Anh em hãy mặc lấy Chúa Giê-su Ki-tô” (Rm 13, 14).*

Người Đa Minh mặc lấy Đức Ki-tô bằng cách noi gương Người. Một diễn viên muốn nhập vai một nhân vật lịch sử thành công nhất, diễn viên này phải nghiên cứu những hình ảnh, phong cảnh, những chi tiết nhỏ nhất; đặc biệt là lối sống của nhân vật này. Khi thực hiện được những điều trên và đóng kịch đã lâu ngày, diễn viên sẽ diễn tả trung thực và sống động vai của mình một cách mặc nhiên. Nếu diễn viên có thể mô phỏng theo cuộc đời của Đức Ki-tô, vì họ là chi thể trong Nhiệm Thể của Người, được tham dự vào đời sống thần linh của Người. Việc chúc lành cho áo phép nói lên sự trong trắng và khiêm tốn cách đặc biệt. Màu sắc của tu phục ám chỉ về những đức tính này: màu trắng biểu thị lòng thanh khiết của Chúa Ki-tô; màu đen biểu thị lòng khiêm tốn của Chúa: *“Hãy học cùng Tôi vì Tôi hiền lành và khiêm nhường trong lòng” (Mt 11,29).*

Khi người Đa Minh đã noi theo Đức Ki-tô và mặc lấy những nhân đức của Người, khi đó cuộc sống của họ sẽ là một chứng từ đầy sức thuyết phục cho lời giảng dạy, một chứng tá cho chân lý mà họ rao giảng: *“Chúng tôi rao giảng một Đức Ki-tô chịu đóng đinh thập giá” (1 Cr 1,23).*

TUÂN GIỮ TU LUẬT VÀ HIẾN PHÁP

Một khi nếp sống tu trì có sức thánh hóa như thế, người Đa Minh cần phải tuân giữ một cách nghiêm túc: *“Toàn bộ nếp sống tu trì, kể cả những điều tầm thường, cũng đều hàm chứa ơn thánh và đáng chúng ta chuyên*

cần tuân giữ”. Chỉ khi nào người Đa Minh giữ luật thì khi đó họ mới nhận được các ơn ích mà thánh Đa Minh muốn cho họ lãnh nhận. Dĩ nhiên không thể tránh hết mọi vi phạm do những hạn chế, yếu đuối hay vô ý của con người. Có người tính bộc trực nói năng, hành động thiếu suy nghĩ chín chắn. Có người sai lỗi vì quá hiếu động hay vì chậm chạp bẩm sinh. Một số người cảm thấy bực bội, khổ sở mỗi khi nghe thấy tiếng chuông reo. Người ngủ say cảm thấy khó chịu khi phải thức dậy theo chuông báo hiệu. Nhưng người ngủ tỉnh lại không cảm thấy khó chịu nhờ họ có thói quen giữ đúng giờ và ít cần phải cố gắng nên được ít công phúc hơn, hoặc có khi người này lại biến việc giữ luật thành tự kiêu và khinh chê người anh em chậm chạp như người biệt phái ngày xưa: *“Lạy Chúa, con tạ ơn Ngài vì con không giống như bao kẻ khác” (Lc 18, 11).*

Vì Tu Luật và Hiến Pháp Dòng không buộc thành tội nên những vi phạm không có thể trở thành tội nặng nếu do sự khinh thường luật lệ hay quyền bính. Những hành vi có thể có tội nhẹ thường không phải vì luật bị vi phạm nhưng vì còn có thêm một số dịp tội. Ví dụ: người tu sĩ phạm hay không giữ luật do kiêu hãnh, tự ái, tức giận, lười biếng, ham mê ăn uống hay thiếu đạo đức. Những vi phạm do bất tuân này chỉ là tội nhẹ. Nếu vấn đề nghiêm trọng hơn như làm mất danh dự của người khác thì có thể là tội nặng. Những lỗi do thiếu suy nghĩ đúng đắn chỉ là lỗi nhẹ. Theo cha Humbert Romans: Khi người Đa Minh lo lắng về những vi phạm của mình và không ngoan cố trong sự lầm lỗi này, đó là dấu hiệu tốt cho thấy họ vẫn đang cố gắng nên hoàn thiện. Nhưng khi họ không còn cho luật là quan trọng nữa, lúc đó họ đã bỏ bỏn phận nên hoàn thiện và đã lỗi phạm bỏn phận cơ bản mà họ đã chấp nhận khi tuyên khấn. Chúa Ki-tô đã nghiêm khắc với hạng người lãnh đạm này:

“Ta biết các việc người làm: người chẳng lạnh mà cũng chẳng nóng. Phải chi người lạnh hẳn hay nóng hẳn đi! Nhưng vì người hâm hẩm, chẳng nóng chẳng lạnh, nên Ta sắp mưa người ra khỏi miệng Ta. Người nói: “Tôi giàu có, tôi đã làm giàu, tôi chẳng thiếu thốn gì”; nhưng người không biết rằng người là kẻ khốn nạn, đáng thương, nghèo khổ, đui mù và trần truồng” (Kh 3, 15-17).

Trong việc xét mình hàng ngày, người Đa Minh nên xem xét cẩn thận về việc giữ luật của mình ngày hôm đó. Họ nên thường tự kiểm điểm bản thân; nhất là để ý đến lỗi lầm do sự yếu đuối đặc biệt của mình. Kể từ khi người Đa Minh mang tu phục, ơn cứu độ của họ gắn liền với việc tuân giữ Tu Luật thánh Âu-tinh và Hiến Pháp của Anh Em Thuyết Giáo. Người tu sĩ vi phạm luật vì coi thường luật và không còn quan tâm đến sự hoàn thiện nữa. Họ coi luật như điều nhỏ nhặt không đáng được quan tâm thường xuyên, để rồi khi những dấu hiệu nguy hiểm xảy đến, người ấy mới kiểm điểm về sự phóng túng của mình. Không thể nói rằng người Đa Minh không thể bị sai lầm. Họ nên thường xuyên lưu tâm đến lẽ luật, hối hận khi phạm luật và giữ luật vì biết đánh giá cao về luật lệ. Nếu người tu sĩ luôn có nhận định đúng về

luật như vậy, họ đang đi trên đường tiến bộ cho dù đôi khi họ đã vô tình phạm lỗi.

Ở trang cuối của cuốn *Tự Thuật*, thánh Tê-rê-sa A-vi-la đã minh họa phẩm tính thánh hóa của các Dòng được Giáo Hội phê chuẩn; đồng thời thánh nữ cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc giữ luật nghiêm túc. Trong một thị kiến ban đêm, trong số những linh hồn đã qua đời, thánh nữ chỉ thấy có ba linh hồn được lên trời mà không qua luyện ngục: Thứ nhất là thánh Phê-rô Alcantara (*tu sĩ dòng Phan-xi-cô*) nhờ có đời sống sám hối cao độ. Thứ hai là thánh Phê-rô Ibanez (*dòng Đa Minh*), một trong những Cha giải tội của thánh nữ. Thánh nữ không cho biết tại sao Cha được lên trời ngay. Nhưng người ta thấy thánh nữ có nói đến mức độ cầu nguyện ra cao, việc khổ chế và sự thánh thiện của Cha ở một chỗ khác. Thứ ba là một linh mục Dòng Cát Minh (*không biết rõ tên*). Thánh nữ viết về vị thứ ba như sau: “Tôi lấy làm lạ tại sao linh mục này lại không phải ở luyện ngục”? Nhưng rồi thánh nữ nhớ lại rằng: “Cha đã trung thành vâng giữ luật Dòng”.

Thánh Tê-rê-sa Hải Đồng Giê-su là một trường hợp tương tự. Thánh nữ nghiêm túc giữ luật Dòng Cát Minh với nhiều hy sinh khắc khổ. Đời sống của thánh nữ chẳng có gì lạ thường; không có thị kiến, không xuất thần hay ngất trí như trường hợp của thánh Tê-rê-sa Mẹ. Khi thánh Tê-rê-sa lâm bệnh cuối đời, một nữ tu đang làm bếp nói với một chị khác rằng:

“Chị Tê-rê-sa chẳng còn sống được bao lâu nữa và đôi khi em tự hỏi mình: Mẹ bề trên của chúng ta sẽ có điều gì để nói về chị trong diếu văn khi chị ấy qua đời. Mẹ bề trên sẽ thực sự bối rối vì chị nữ tu để thương bé nhỏ này chắc chắn chưa hề làm được điều gì để đáng nói”.

Người ta vẫn còn ngạc nhiên khi nói về chị Tê-rê-sa. Họ nghĩ chị chẳng có gì ngoài nụ cười và những cánh hoa hồng. Nhưng họ đâu có hiểu biết luật Dòng Cát Minh như thế nào.

Người ta cũng ngạc nhiên như thế trong thánh lễ phong thánh cho linh mục Tô-ma A-qui-nô. Đức Thánh Cha Gioan XXII nói: “Hãy chứng tỏ cho tôi thấy một anh em Dòng Thuyết Giáo đã giữ luật Dòng của mình cách trọn vẹn và tôi sẽ phong thánh cho anh em đó ngay tức khắc mà không cần thêm một chứng cứ nào khác về sự thánh thiện”.

Lời nhận xét này có thể là một truyền thuyết, nhưng nếu như thế thì nó chứa đựng phần cốt lõi sự thật. Một nền tảng thần học nằm sau câu nói trên. Rõ ràng rằng khi Giáo Hội phê chuẩn cho một Dòng tu hay một Hội Dòng thì các phần tử của hội Dòng ấy được bảo đảm rằng: Tu Luật, Hiến Pháp và đường lối thể hiện đời tu của Dòng là con đường tâm linh an toàn dẫn đến sự thánh thiện.

Trong suốt hơn bảy thế kỷ qua, Dòng đã có 59 vị thánh và khoảng 300 vị chân phước. Đó là những người đã sống “theo Tu Luật thánh Âu-tinh và Hiến Pháp Dòng Anh Em Thuyết Giáo” thuộc các ngành của Dòng. Mỗi ngành của Dòng đều hướng các phần tử của mình nên thánh.

Không một thánh Dòng Đa Minh nào mà không phải cố gắng. Các vị đã sống đời tu Đa Minh với những điều kiện tương đối của thân phận con người. Một số anh em đã sống thờ ơ ngay trong thời hoàng kim của Dòng. Người ta thấy trong thời của các thánh Raymond; Phê-rô, An-bê-tô, Tô-ma thậm chí ngay cả thánh Đa Minh cũng đã nhận thấy sự nhút nhát và yếu đuối nơi những môn sinh tiên khởi. Số anh em này đã sống thánh thiện trong thời gian mà đời sống Đa Minh gặp khủng hoảng trầm trọng. Họ sống giữa những tu sĩ không còn tha thiết đến việc nên hoàn thiện. Cuốn *Đổi Thoại* của thánh Ca-ta-ri-na Xi-ê-na mô tả cách sinh động bằng những màu sắc nhạt nhạt của tình trạng suy đồi đã lây nhiễm vào hàng giáo sĩ và tu sĩ trong thời của các chân phước Raymond Capua, Jonh Dominici, Lawrence, Rappafrotta, thánh Antoninus và nhiều chân phước khác. Kinh nghiệm của các Anh Em Đa Minh này về thời gian đen tối đó minh chứng rằng các anh em tư giáo, các nữ tu hay huynh đoàn giáo dân Đa Minh không thể ngồi chờ những điều kiện thuận lợi, chờ đợi thời vàng son xa xưa trở lại, trước khi bước vào con đường nên thánh. Mỗi người Đa Minh phải bắt đầu ngay. Họ phải thi hành tinh thần của những dòng cuối trong Tu Luật thánh Âu-tinh như sau:

“Xin Thiên Chúa ban ơn để anh em tuân giữ tất cả những điều trên như những người yêu mến vẻ đẹp thiêng liêng, và do lối sống tốt đẹp, anh em sẽ tỏa hương thơm Chúa Ki-tô; anh em sẽ không tuân giữ như nô lệ dưới ách pháp luật; nhưng như con cái trong ơn thánh. Vậy để anh em có thể tự nhìn mình qua sách này như soi trong gương, kẻo vì quên sót mà lơ là điều nào chẳng, thì mỗi tuần đọc một lần cho anh em. Khi thấy mình đã giữ được những điều đó, anh em hãy tạ ơn Chúa là Đấng ban mọi thiện hảo. Ngược lại, nếu đã thấy sai lỗi điều nào, hãy thống hối, quyết tâm tránh, xin Chúa tha thứ và đừng để mình sa vào chước cám dỗ” (Số 14).

